

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan bản luận văn: “*Quản lý thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình*” là một công trình nghiên cứu độc lập của tôi. Các số liệu và kết quả nghiên cứu nêu trong luận văn là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng. Kết quả nghiên cứu là quá trình lao động trung thực của tôi, chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu khoa học nào.

*Quảng Bình, ngày 9 tháng 04 năm 2018*

**Tác giả luận văn**

**Trần Nữ Hồng Duyên**



## LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận văn này, tôi xin tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến **TS. Hồ Thị Hương Lan** đã nhiệt tình hướng dẫn, giúp đỡ tôi hoàn thành luận văn này.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ, công chức Kho bạc nhà nước Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình và các đơn vị liên quan đã tạo điều kiện, nhiệt tình giúp đỡ tôi trong quá trình làm luận văn.

Tuy đã có nhiều cố gắng trong việc đầu tư thời gian và công sức để nghiên cứu hoàn thành luận văn, nhưng đề tài chắc chắn không thể tránh khỏi những khiếm khuyết, kính mong các thầy, cô giáo và các bạn đọc góp ý và thông cảm.

Xin trân trọng cảm ơn!

*Quảng Bình, ngày 9 tháng 04 năm 2018*

**Tác giả luận văn**

**Trần Nữ Hồng Duyên**



# TÓM LƯỢC LUẬN VĂN

Họ và tên học viên:

Chuyên ngành: **Quản lý kinh tế**; Niên khóa: 2016 -2018

Người hướng dẫn khoa học:

Tên đề tài: “**QUẢN LÝ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH**”.

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trước những yêu cầu đặt ra về phát triển KT- XH địa phương trong thời kỳ mới, đòi hỏi nguồn thu ngân sách phải có sự ổn định và được cải thiện theo thời gian nhằm đảm bảo nhiệm vụ nộp ngân sách cấp trên, cung cấp nguồn lực thực hiện các hoạt động chi tiêu phục vụ tốt cho quá trình phát triển của địa phương. Điều này đòi hỏi công tác quản lý hoạt động thu ngân sách hàng năm ở huyện Quảng Ninh cần có được sự chính xác và đầy đủ, đồng thời phải tạo sự thông thoáng, minh bạch và khách quan nhằm khuyến khích và tạo thuận lợi cho các chủ thể tham gia đóng góp cho ngân sách.. Xuất phát từ thực tế đó, tôi đã lựa chọn đề tài: “*Quản lý thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình*” làm luận văn tốt nghiệp thạc sỹ.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu dựa trên cơ sở sử dụng các phương pháp như: Thu thập tài liệu, số liệu; Phương pháp tổng hợp và phân tích (thống kê, so sánh, ...).

## 3. Kết quả nghiên cứu và những đóng góp của luận văn

Qua việc tìm hiểu cơ sở lý luận và thực trạng về công tác quản lý thu NSNN , từ đó đề xuất những giải pháp góp phần hoàn thiện công tác quản lý thu NSNN huyện Quảng Ninh- Quảng Bình. Kết quả nghiên cứu đã cơ bản giải quyết những nội dung cơ bản về:

- Hệ thống hóa lý luận và thực tiễn về công tác quản lý thu NSNN;
- Đánh giá được thực trạng về công tác quản lý thu NSNN tại huyện Quảng Ninh,
- Đề tài đã nêu được một số thành công , hạn chế và nguyên nhân, từ đó đề xuất một số giải pháp có tính khả thi nhằm góp phần hoàn thiện công tác quản lý thu NSNN tại huyện Quảng Ninh, Quảng Bình trong thời gian tới.



## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT VÀ KÝ HIỆU

KÝ HIỆU	NGHĨA
NSNN	: Ngân sách Nhà nước
KT-XH	: Kinh tế - xã hội
KTTT	: Kinh tế thị trường
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
UBND	: Ủy ban nhân dân
HĐND	: Hội đồng nhân dân
NS	: Ngân sách
ATGT	: An toàn giao thông
KBNN	: Kho bạc nhà nước
DN	: Doanh nghiệp





## MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
TÓM LƯỢC LUẬN VĂN	iii
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT VÀ KÝ HIỆU	iv
MỤC LỤC	v
DANH MỤC BẢNG BIỂU	x
DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ	xi
DANH MỤC HÌNH VẼ	xii
PHẦN 1: MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu:	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	2
2.1. Mục tiêu chung	2
2.2. Mục tiêu cụ thể	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
3.1. Đối tượng nghiên cứu	3
3.2. Phạm vi nghiên cứu	3
4. Phương pháp nghiên cứu	3
4.1. Phương pháp thu thập dữ liệu	3
4.2. Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu:	4
5. Kết cấu của luận văn	4
PHẦN 2: NỘI DUNG NGHIÊN CỨU	5
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	5
1.1. Lý thuyết về ngân sách nhà nước	5
1.1.1. Khái niệm	5
1.1.2. Bản chất của ngân sách nhà nước	6

<b><i>1.1.3. Vai trò của ngân sách nhà nước</i></b>	<b>9</b>
<b><i>1.1.4. Tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước</i></b>	<b>11</b>
<b>1.2. Quản lý thu ngân sách nhà nước</b>	<b>13</b>

<b>1.2.1. Khái niệm quản lý thu ngân sách nhà nước</b>	<b>13</b>
<b>1.2.2. Các nguồn thu ngân sách nhà nước</b>	<b>15</b>
<b>1.2.3. Nguyên tắc của quản lý thu ngân sách nhà nước</b>	<b>16</b>
<b>1.2.4. Phân cấp quản lý thu ngân sách nhà nước</b>	<b>18</b>
<b>1.2.5. Nội dung quản lý thu ngân sách</b>	<b>21</b>
1.2.5.1. Lập dự toán thu ngân sách nhà nước	21
1.2.5.2. Chấp hành dự toán thu ngân sách nhà nước	21
1.2.5.3. Công tác quy chế toán ngân sách	22
<b>1.2.6. Quản lý thu ngân sách trong mối tương quan với quản lý chi ngân sách nhà nước</b>	<b>23</b>
1.2.6.1. Cân đối NSNN	23
1.2.6.2. Bội chi ngân sách nhà nước	24
<b>1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thu ngân sách nhà nước</b>	<b>24</b>
<b>1.3.1. Điều kiện kinh tế - xã hội</b>	<b>24</b>
1.3.1.1. Về kinh tế	24
1.3.1.2. Về mặt xã hội	24
<b>1.3.2. Chính sách và thể chế kinh tế</b>	<b>25</b>
<b>1.3.3. Cơ chế quản lý ngân sách nhà nước</b>	<b>25</b>
<b>1.3.4. Nhóm nhân tố ảnh hưởng khác</b>	<b>25</b>
1.3.4.1. Tổ chức bộ máy và trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý	25
1.3.4.2. Hệ thống thông tin, phương tiện quản lý NSNN	27
<b>1.4. Kinh nghiệm quản lý thu ngân sách nhà nước cấp quận, huyện ở Việt Nam</b>	<b>27</b>
<b>1.4.1. Khảo sát kinh nghiệm của một số địa phương</b>	<b>27</b>
1.4.1.1. Huyện Lệ Thủy- tỉnh Quảng Bình	27
1.4.1.2. Quận Lê Chân - Thành phố Hải Phòng	28
1.4.1.3. Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh	29
<b>1.4.2. Bài học kinh nghiệm cho huyện Quảng Ninh</b>	<b>29</b>
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THU NGÂN SÁCH HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH</b>	<b>31</b>

<b>2.1. Giới thiệu về huyện Quảng Ninh</b>	<b>31</b>
<b><i>2.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên</i></b>	<b><i>31</i></b>
<i>2.1.1.1. Vị trí địa lý</i>	<i>31</i>

2.1.1.2. Địa hình và khí hậu	32
2.1.1.3. Tài nguyên biển và bờ biển	32
2.1.1.4. Tài nguyên đất	33
2.1.1.5. Tài nguyên khoáng sản	33
2.1.1.6. Tài nguyên rừng	34
2.1.1.7. Tài nguyên du lịch	34
<b>2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội</b>	<b>34</b>
<b>2.2. Thực trạng công tác quản lý thu ngân sách nhà nước huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình</b>	<b>37</b>
<b>2.2.1. Công tác lập dự toán thu ngân sách nhà nước huyện Quảng Ninh</b>	<b>37</b>
2.2.1.1. Các căn cứ lập dự toán thu ngân sách hàng năm	37
2.2.1.2. Quy trình giao dự toán thu ngân sách trên địa bàn huyện Quảng Ninh	38
<b>2.2.2. Tổ chức thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước huyện Quảng Ninh</b>	<b>43</b>
<b>2.2.3. Tình hình quyết toán thu ngân sách nhà nước huyện Quảng Ninh</b>	<b>47</b>
<b>2.2.4. Quy trình quản lý thu ngân sách huyện Quảng Ninh giai đoạn 2014-2016</b>	<b>51</b>
2.2.4.1. Thu qua Kho bạc nhà nước (KBNN)	52
2.2.4.2. Thu qua hệ thống ngân hàng:	54
2.2.4.3. Thu bằng tiền mặt qua cơ quan thu	57
2.2.4.4. Quy trình nộp tiền vào KBNN	59
<b>2.2.5. Công tác thanh tra, kiểm tra về thu ngân sách huyện Quảng Ninh</b>	<b>60</b>
2.2.5.1. Việc quản lý thu thuế nội địa tại cơ quan thuế	60
2.2.5.2. Việc tuân thủ luật và chế độ thu tại các đối tượng nộp thuế	60
<b>2.2.6. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trên địa bàn trong quản lý thu ngân sách</b>	<b>60</b>
2.2.6.1. Cơ quan thu:	60
2.2.6.2. Kho bạc Nhà nước:	62
2.2.6.3. Chi cục Thuế và Tổng cục tài chính:	63
2.2.6.4. Cơ quan tài chính:	63
2.2.6.5. Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ nộp NSNN:	64

<i>2.2.6.6. Ngân hàng nơi người nộp thuế mở tài khoản:</i>	64
<b>2.3. Đánh giá thực trạng công tác quản lý thu ngân sách nhà nước tại huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình</b>	<b>65</b>

<i>2.3.1. Kết quả đạt được</i>	65
<i>2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân</i>	67
<i>2.3.2.1. Những hạn chế:</i>	67
<i>2.3.2.2 Nguyên nhân của những hạn chế</i>	70
<b>CHƯƠNG 3</b>	<b>73</b>
<b>MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN</b>	
<b>QUẢN LÝ THU NGÂN SÁCH HUY</b>	
<b>ỆN QUẢNG NINH THỜI GIAN TỚI</b>	<b>73</b>
<b>3.1. Mục tiêu, phương hướng hoàn thiện quản lý thu ngân sách huyện Quảng</b>	
<b>Ninh</b>	<b>73</b>
<i>3.1.1. Yêu cầu khách quan của việc hoàn thiện quản lý thu ngân sách huyện Quảng</i>	
<i>Ninh</i>	<i>73</i>
<i>3.1.2. Mục tiêu quản lý thu ngân sách huyện Quảng Ninh đến năm 2020</i>	<i>74</i>
<i>3.1.3. Phương hướng hoàn thiện quản lý thu ngân sách huyện Quảng Ninh đến</i>	
<i>năm 2020</i>	<i>75</i>
<b>3.2. Giải pháp hoàn thiện quản lý thu ngân sách huyện Quảng Ninh thời gian tới</b>	
<b>76</b>	
<i>3.2.1. Xây dựng kế hoạch thu hợp lý</i>	<i>76</i>
<i>3.2.2. Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế</i>	<i>77</i>
<i>3.2.3. Tăng cường quản lý người nộp thuế</i>	<i>79</i>
<i>3.2.4. Tăng cường công tác kiểm tra người nộp thuế trong việc thực hiện nghĩa vụ</i>	
<i>thu, nộp thuế đối với Nhà nước</i>	<i>80</i>
<i>3.2.5. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát tất cả các nguồn thu ngân sách</i>	<i>81</i>
<i>3.2.6. Hoàn thiện hệ thống thu ngân sách qua Kho Bạc Nhà nước</i>	<i>83</i>
<i>3.2.7. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong bộ máy thu</i>	<i>86</i>
<i>3.2.8. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, khen thưởng và xử lý kịp thời vi phạm trong</i>	
<i>quản lý NSNN</i>	<i>88</i>
<i>3.2.8.1. Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc lập dự toán thu NSNN</i>	<i>88</i>
<i>3.2.8.2. Cải tiến kiểm tra, thanh tra quá trình chấp hành NSNN</i>	<i>89</i>

<i>3.2.8.3. Áp dụng các hình thức kiểm tra linh hoạt và hi ệu quả</i>	<i>89</i>
<i>3.2.8.4. Khen thưởng và x ử lý kịp thời vi phạm trong quản lý NSNN</i>	<i>90</i>
<b><i>3.2.9. Thực hiện nghiêm túc vi ệc công khai tài chính t ại các đơn vị, địa phương thuộc huyện</i></b>	<b><i>90</i></b>



<b>3.2.10. Một số giải pháp khác</b>	<b>91</b>
<i>3.2.10.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Huyện ủy và sự điều hành của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh đối với quản lý thu ngân sách nhà nước</i>	<i>91</i>
<i>3.2.10.2. Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa cơ quan tài chính, thuế, kho bạc Nhà nước và các cơ quan liên quan trong công tác quản lý thu ngân sách</i>	<i>91</i>
<b>PHẦN 3: KẾT LUẬN &amp; KIẾN NGHỊ</b>	<b>93</b>
<b>1. KẾT LUẬN</b>	<b>93</b>
<b>2. KIẾN NGHỊ</b>	<b>94</b>
<i>2.1. Với Chính phủ và Bộ Tài chính</i>	<i>94</i>
<i>2.2. Với tỉnh Quảng Bình</i>	<i>94</i>
<i>2.3. Với huyện Quảng Ninh</i>	<i>95</i>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	<b>97</b>
<b>PHỤ LỤC</b>	<b>99</b>



## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
<b>Bảng 2.1:</b>	<b>Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội huyện Quảng Ninh</b>	<b>37</b>
<b>Bảng 2.2:</b>	<b>Tình hình hạch toán thu ngân sách trên địa bàn huyện Quảng Ninh giai đoạn 2014-2016</b>	<b>39</b>
<b>Bảng 2.3:</b>	<b>Tình hình hạch toán thu các khoản hưởng tỷ lệ % trên địa bàn huyện Quảng Ninh giai đoạn 2014-2016</b>	<b>40</b>
<b>Bảng 2.4:</b>	<b>Cơ cấu dự toán thu ngân sách trên địa bàn huyện Quảng Ninh giai đoạn 2014-2016</b>	<b>41</b>
<b>Bảng 2.5:</b>	<b>Cơ cấu dự toán thu các khoản hưởng tỷ lệ % trên địa bàn huyện Quảng Ninh giai đoạn 2014-2016</b>	<b>42</b>
<b>Bảng 2.6:</b>	<b>Tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách trên địa bàn huyện Quảng Ninh giai đoạn 2014-2016</b>	<b>43</b>
<b>Bảng 2.7:</b>	<b>Tình hình thực hiện thu các khoản hưởng tỷ lệ % trên địa bàn huyện Quảng Ninh giai đoạn 2014-2016</b>	<b>44</b>
<b>Bảng 2.8:</b>	<b>Cơ cấu thực hiện thu ngân sách trên địa bàn huyện Quảng Ninh giai đoạn 2014-2016</b>	<b>45</b>
<b>Bảng 2.9:</b>	<b>Cơ cấu thực hiện thu các khoản hưởng tỷ lệ % trên địa bàn huyện Quảng Ninh giai đoạn 2014-2016</b>	<b>46</b>
<b>Bảng 2.10:</b>	<b>Tình hình quyết toán thu ngân sách trên địa bàn huyện Quảng Ninh giai đoạn 2014 - 2016</b>	<b>48</b>
<b>Bảng 2.11:</b>	<b>Tình hình quyết toán một số khoản hưởng tỷ lệ % trên địa bàn huyện Quảng Ninh giai đoạn 2014 - 2016</b>	<b>49</b>
<b>Bảng 2.12:</b>	<b>Tình hình thực hiện thu NSNN qua các cơ quan thu trên địa bàn huyện Quảng Ninh giai đoạn 2014 – 2016</b>	<b>51</b>



## DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

Số hiệu sơ đồ	Tên sơ đồ	Trang
Sơ đồ 1.1.	Hệ thống NSNN ở Việt Nam	12
Sơ đồ 2.1.	Quy trình nộp thuế trực tiếp qua Kho bạc Nhà nước	53
Sơ đồ 2.2.	Quy trình nộp thuế qua ngân hàng	55



## DANH MỤC HÌNH VẼ

Số hiệu hình vẽ	Tên hình vẽ	Trang
Hình 1.1:	Bản đồ hành chính huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	31





## PHẦN 1: MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu:

Thu ngân sách nhà nước (NSNN) là hệ thống những quan hệ kinh tế giữa nhà nước và xã hội phát sinh trong quá trình nhà nước huy động các nguồn tài chính để hình thành nên quỹ tiền tệ tập trung của nhà nước nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của nhà nước.

Một thực trạng đối với Ngân sách Việt Nam là luôn ở trong tình trạng bội chi với mức thâm hụt lớn. Cân bằng cán cân Thu - Chi ngân sách là một trong những mục tiêu phấn đấu của Đảng và Nhà nước ta. Để cân bằng Thu - Chi, có hai hướng là tăng thu và giảm chi. Nhiều năm qua, Chính phủ đã đưa ra nhiều biện pháp như giảm thiểu chi hành chính, sự nghiệp, tăng cường chi cho đầu tư phát triển và xây dựng cơ bản, chi đúng chỗ, chi hiệu quả, tiết kiệm. Đầu tư của Nhà nước vô cùng quan trọng đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội (KTXH), đặc biệt Việt Nam là nước đang phát triển, nên thâm hụt ngân sách là không tránh khỏi, nhưng ở mức độ nào là hợp lý cần nhiều nỗ lực. Đảm bảo cho nhu cầu chi rất lớn thì việc tăng thu NSNN rất cần thiết.

Huyện Quảng Ninh, là một trong tám huyện, thành phố của tỉnh Quảng Bình, huyện có 14 xã và 1 thị trấn với diện tích hơn 1.191 km<sup>2</sup>, dân số năm 2015 là 89.908 người. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân là 13%/năm. Trong những năm qua, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện luôn đạt và vượt kế hoạch do Hộ đồng nhân dân tình, huyện giao. Tuy nhiên, huyện Quảng Ninh vẫn là một trong những địa phương đang hưởng trợ cấp cân đối từ Ngân sách cấp trên. Công tác quản lý thu ngân sách còn thiêu tập trung, thống nhất; nhiều nguồn lực tài chính chưa được động viên vào NSNN, tình trạng thất thu vẫn còn xảy ra; nguồn thu NSNN trên địa bàn hàng năm chưa đảm bảo tự cân đối chi, chủ yếu là từ nguồn cấp quyền sử dụng đất. Bên cạnh đó, công tác quản lý thu ngân sách trên địa bàn còn có những khiếm khuyết và hạn chế nhất định, chính quyền cấp xã và một số đơn vị có liên quan còn xem nhẹ công tác thu ngân sách và coi đó là nhiệm vụ của riêng ngành

thuế. Do vậy, việc phát hiện và nuôi dưỡng các nguồn thu, triển khai các giải pháp tăng thu ngân sách, đặc biệt là nguồn thu trong cân đối ngân sách để ổn định và phát triển KT- XH trên địa bàn vẫn còn nhiều bất cập cần được giải quyết.

Trước những yêu cầu đặt ra về phát triển KT- XH địa phương trong thời kỳ mới, đòi hỏi nguồn thu ngân sách phải có sự ổn định và được cải thiện theo thời gian nhằm đảm bảo oanh liệt nhiệm vụ nộp ngân sách cấp trên, cung cấp nguồn lực thực hiện các hoạt động chi tiêu phục vụ tốt cho quá trình phát triển của địa phương. Điều này đòi hỏi công tác quản lý hoạt động thu ngân sách hàng năm ở huyện Quảng Ninh cần có được sự chính xác và đầy đủ, đồng thời phải tạo sự thông thoáng, minh bạch và khách quan nhằm khuyến khích và tạo thuận lợi cho các chủ thể tham gia đóng góp cho ngân sách.

Xuất phát từ thực tế đó, tôi đã lựa chọn đề tài: “***Quản lý thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình***” làm luận văn tốt nghiệp thạc sĩ với mong muốn đóng góp một số ý kiến nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện, từ đó góp phần tăng nguồn thu ngân sách cho huyện nhà.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Vận dụng lý luận để đánh giá thực trạng công tác quản lý thu ngân sách nhà nước huyện Quảng Ninh. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thu ngân sách trên địa bàn huyện Quảng Ninh trong thời gian tới.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

- Hệ thống hoá những vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý thu ngân sách nhà nước.

- Phân tích đánh giá thực trạng công tác quản lý thu ngân sách nhà nước của huyện Quảng Ninh giai đoạn 2014-2016.

- Đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện công tác quản lý thu ngân sách nhà nước của huyện Quảng Ninh đến năm 2020.



### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Công tác quản lý thu ngân sách nhà nước huyện Quảng Ninh

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- + Phạm vi về không gian: nghiên cứu được thực hiện tại huyện Quảng Ninh.
- + Phạm vi thời gian: Nghiên cứu tiến hành đánh giá thực trạng công tác quản lý thu ngân sách huyện giai đoạn 2014-2016.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

#### **4.1. Phương pháp thu thập dữ liệu**

- Đối với dữ liệu thứ cấp: Dề tài thu thập số liệu thu NSNN và dự toán thu NSNN từ các báo cáo tổng kết hàng năm giai đoạn 2014 - 2016 của Chi cục thuế, Phòng Tài chính-kế hoạch, Kho bạc nhà nước huyện Quảng Ninh, từ sách, báo và các trang web có tư liệu liên quan đến chuyên đề nghiên cứu, các luận văn, luận án đã công bố. Các dữ liệu thứ cấp sau khi thu thập đã được tổng hợp và hệ thống hoá những lý luận và thực tiễn kinh nghiệm từ các địa phương; phân tích và đánh giá thực trạng về công tác quản lý thu NSNN ở chương 2 và phương hướng dự báo ở chương 3.

- Đối với dữ liệu sơ cấp: Nghiên cứu này tiến hành lấy ý kiến chuyên gia thông qua nội dung thảo luận đã được chuẩn bị sẵn. Mục đích của phương pháp này nhằm tham khảo trực tiếp ý kiến của chi cục trưởng chi cục thuế, trưởng phòng tài chính, giám đốc kho bạc nhà nước huyện Quảng Ninh về các vấn đề: dự toán thu giao đầu năm, các căn cứ để giao dự toán; quy trình thu, quản lý thu, thực hiện, quyết toán và giám sát các khoản thu; tình hình tổ chức thực hiện dự toán, tiến độ thực hiện dự toán, tình hình thực hiện một số khoản thu cụ thể như thu từ khu vực ngoài quốc doanh, thu tiền cấp quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ, phí, lệ phí các xã... Phương pháp này nhằm làm rõ hơn các vấn đề về quản lý thu ngân sách của địa phương trong giai đoạn nghiên cứu, giúp cho tác giả có cách nhìn rõ ràng và sâu hơn về công tác quản lý thu NSNN tại địa phương. Kết quả tổng hợp dữ liệu từ các ý kiến chuyên gia trong nghiên cứu này góp phần khẳng định những nhận xét, đánh



giá về thực trạng ở chương 2 và luận giải một số giải pháp, kiến nghị được đề xuất ở chương 3.

#### **4.2. Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu:**

Nguồn tài liệu và thông tin thu thập đã được tổng hợp và phân tích thống kê theo các tiêu chí và chỉ tiêu có liên quan đến từng nội dung nghiên cứu và sau đó sử dụng công cụ hỗ trợ là phần mềm excel để xử lý.

+ Phương pháp tổng hợp, phân tích kinh tế: từ các số liệu thu thập được tiến hành tổng hợp để thấy được tốc độ tăng trưởng cũng như phần trăm hoàn thành dự toán giao đầu năm, từ đó đi sâu phân tích rõ hơn các chỉ tiêu đưa ra.

+ Phương pháp so sánh: dựa trên số liệu liên quan đến công tác quản lý thu NSNN của huyện Quảng Ninh được thu thập trong giai đoạn 2014-2016, nghiên cứu tiến hành so sánh các chỉ tiêu nghiên cứu qua các năm để thấy được sự biến động của chúng trong giai đoạn nghiên cứu.

### **5. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, kết cấu luận văn gồm 3 chương

Chương 1: Những vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý thu ngân sách nhà nước

Chương 2: Thực trạng công tác quản lý thu ngân sách huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Chương 3: Mục tiêu, phương hướng và một số giải pháp hoàn thiện quản lý thu ngân sách huyện Quảng Ninh thời gian tới



**PHẦN 2: NỘI DUNG NGHIÊN CỨU**  
**CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ**  
**THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**1.1. Lý thuyết về ngân sách nhà nước**

**1.1.1. Khái niệm**

NSNN là một phạm trù kinh tế khách quan, ra đời, tồn tại và phát triển trên cơ sở sự ra đời, tồn tại và phát triển của Nhà nước, gắn liền với sự hình thành, phát triển của Nhà nước và hàng hóa - tiền tệ, là một thành phần trong hệ thống tài chính. Nhà nước với tư cách là cơ quan quyền lực thực hiện chức năng chính trị duy trì và phát triển kinh tế - xã hội, quy định các khoản thu chi của Nhà nước nhằm mục đích đảm bảo yêu cầu thực hiện các chức năng của Nhà nước. Trải qua nhiều giai đoạn phát triển của xã hội, khái niệm NSNN đã được đề cập dưới các góc độ khác nhau.

Ở Việt Nam, theo Điều 1 Luật NSNN 2002 (số 01/2002/QH11 do Quốc hội thông qua ngày 16/12/2002), đã xác định: “*NSNN là tổng hợp các khoản thu, chi của Nhà nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm để đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước*” [10]. NSNN có thể hiểu là một kế hoạch tài chính quốc gia bao gồm cả yếu tố các khoản thu và chi của Nhà nước được mô tả dưới hình thức cân đối bằng giá trị tiền tệ. Phần thu thể hiện các nguồn tài chính được huy động vào NSNN; phần chi thể hiện chính sách phân phối các nguồn tài chính đã huy động được để thực hiện mục tiêu KT-XH. NSNN được lập và thực hiện cho một thời gian nhất định, thường là một năm và được Quốc hội phê chuẩn thông qua.

NSNN là quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước. Quỹ này thể hiện lượng tiền huy động từ thu nhập quốc dân để đáp ứng cho các khoản chi tiêu của Nhà nước, có hai mặt đó là: mặt tĩnh và mặt động. Mặt tĩnh thể hiện các nguồn tài chính được tập trung vào NSNN mà chúng ta có thể xác định được vào bất kỳ thời điểm nào. Mặt động thể hiện các quan hệ phân phối dưới hình thức giá trị gắn liền với quỹ tiền tệ tập trung vào NSNN và từ NSNN phân bổ các nguồn tài chính cho các ngành, các lĩnh vực, các địa phương của nền kinh tế quốc dân. [1]





NSNN là một phạm trù kinh tế tài chính, được coi là một hệ thống quan hệ kinh tế tồn tại khách quan. Hệ thống các quan hệ kinh tế này được đặc trưng bởi quan hệ tiền tệ phát sinh trong quá trình phân phối các nguồn tài chính và bằng các quan hệ kinh tế đó mà quỹ tiền tệ tập trung của nhà nước được tạo lập và sử dụng. Hệ thống các quan hệ kinh tế này bao gồm:

- Quan hệ kinh tế giữa NSNN với khu vực doanh nghiệp.
- Quan hệ kinh tế giữa NSNN với các đơn vị hành chính sự nghiệp.
- Quan hệ kinh tế giữa NSNN với các tầng lớp dân cư.
- Quan hệ kinh tế giữa NSNN với thị trường tài chính. [1]

Như vậy đằng sau hình thức biểu hiện bên ngoài của NSNN là một loại quỹ tiền tệ của Nhà nước với các khoản thu và các khoản chi của nó thì NSNN lại phản ánh các quan hệ kinh tế trong quá trình phân phối, thể hiện các quan hệ phân phối và các quan hệ lợi ích kinh tế gắn với một chủ thể đặc biệt, đó là Nhà nước nhằm tạo lập và sử dụng nguồn tài chính quốc gia để giải quyết các nhiệm vụ về KT-XH.

Hệ thống NSNN là tổng thể các cấp ngân sách có quan hệ hữu cơ với nhau trong quá trình tổ chức huy động, quản lý các nguồn thu và thực hiện nhiệm vụ chi của mỗi cấp ngân sách.

Ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, hệ thống NSNN được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức bộ máy quản lý hành chính nhà nước. Ở nước ta bộ máy quản lý hành chính Nhà nước được tổ chức 4 cấp: trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và xã, phường, thị trấn. Mỗi cấp chính quyền đều phải có ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và phù hợp với khả năng quản lý của cấp chính quyền đó.

### ***1.1.2. Bản chất của ngân sách nhà nước***

Những khái niệm hoặc định nghĩa trên về NSNN chỉ thể hiện về tính pháp lý hoặc hình thức hoạt động của NSNN, mà chưa đi sâu vào nội dung khoa học của NSNN với tư cách nó là phạm trù kinh tế, lịch sử và gắn với bản chất, chức năng của Nhà nước đương quyền. Dựa trên cơ sở phân tích khoa học về quá trình phát sinh, tồn tại và phát triển của tài chính và ngân sách, hầu hết các nhà khoa học tài



chính đều thừa nhận tài chính nói chung và ngân sách nói riêng là phạm trù kinh tế - lịch sử. Là phạm trù kinh tế, nó gắn với sự phát triển kinh tế - hàng hóa; là phạm trù lịch sử nó gắn với sự ra đời và phát triển của Nhà nước và là công cụ kinh tế của Nhà nước. Thông qua Nhà nước sử dụng ngân sách để thực hiện các quan hệ phân phối dưới hình thái giá trị các nguồn lực tài chính, bằng việc huy động một bộ phận thu nhập của xã hội dưới hình thức thuế và các hình thức động viên khác để đáp ứng các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của Nhà nước. Việc thực hiện các quan hệ phân phối nói trên, chủ yếu thông qua quyền lực chính trị của Nhà nước, bằng thể chế hóa của pháp luật, để động viên các nguồn tài chính có tính chất bắt buộc và hình thành quỹ tiền tệ tập trung, phục vụ cho các chức năng của Nhà nước đương quyền. Do vậy, nếu nhìn về hình thức hoạt động của NSNN, chắc chắn có nhiều quan điểm khác nhau về bản chất của NSNN.

Để có cách nhìn nhận đầy đủ hơn về bản chất của NSNN một cách toàn diện cả về phương diện khoa học và thực tiễn. Đồng thời với tư cách là công cụ kinh tế của Nhà nước; việc nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến NSNN cần phải xem xét trên các góc độ sau:

*-Thứ nhất*, trên góc độ khoa học - ngân sách là phạm trù kinh tế - lịch sử (như đã đề cập trên).

*-Thứ hai*, nhìn từ góc độ kinh tế - xã hội - ngân sách phản ánh tổng thể các quan hệ kinh tế - xã hội thông qua quan hệ động viên các nguồn lực tài chính và phân phối các nguồn lực tài chính đó cho các mục tiêu kinh tế - xã hội.

*-Thứ ba*, trên góc độ nội dung vật chất - ngân sách nhà nước là quỹ tiền tệ tập trung lớn nhất, được sử dụng để thực hiện các chức năng của Nhà nước.

*-Thứ tư*, nhìn trên góc độ quản lý - ngân sách là kế hoạch tài chính cơ bản của Nhà nước hay là bảng cân đối thu - chi chủ yếu của Nhà nước.

*-Thứ năm*, từ góc độ pháp lý - NSNN là đạo luật tài chính cơ bản trong năm tài chính.[2]

Từ cách tiếp cận đó, có thể rút ra về bản chất sâu xa của NSNN:

*Ngân sách nhà nước là hệ thống (tổng thể) các quan hệ kinh tế, gắn liền với*



quá trình phân phối các nguồn lực tài chính của xã hội để hình thành quỹ tiền tệ tập trung nhằm thực hiện các chức năng và nhiệm vụ kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ nhất định. [3]

Các quan hệ kinh tế thuộc phạm trù ngân sách nói trên bao gồm:

- Thứ nhất, quan hệ giữa NS (Nhà nước) với các tổ chức kinh tế (các doanh nghiệp). Thông qua việc phân phối kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh dưới hình thức động viên thuế, phí để hình thành nguồn lực tài chính của Nhà nước. Ngược lại, NSNN thực hiện việc đầu tư và tài trợ hoạt động của các doanh nghiệp như: Xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, trợ giá, trợ vốn, bao tiêu để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp cạnh tranh phát triển. Quan hệ giữa NSNN với các doanh nghiệp có thể được coi như mối quan hệ trung tâm của hệ thống tài chính, và đó là quan hệ giữa khâu chủ đạo trong hệ thống tài chính ngân sách và khâu cơ sở của hệ thống tài chính (Tài chính doanh nghiệp). Quan hệ giữa NSNN và tài chính doanh nghiệp là đầu mối trong phân phối các nguồn lực tài chính, quyết định đến quan hệ giữa tích tụ, tập trung vốn và ảnh hưởng đến cả quy mô và cơ chế vận hành của hệ thống tài chính. Mặt khác, suy cho cùng, mối quan hệ giữa hai khâu này có tính chất quyết định đến việc hình thành cơ chế quản lý tài chính và trực tiếp tác động tích cực đến quá trình kinh tế. Thông qua mối quan hệ đó, Nhà nước còn thực hiện kiểm tra thường xuyên, toàn diện các hoạt động kinh doanh, môi trường kinh doanh và tuân thủ pháp luật tài chính. Trên cơ sở đó, Nhà nước thực hiện điều chỉnh, hoàn thiện chính sách, cơ chế tài chính ngân sách thích ứng với quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế.

- Thứ hai, quan hệ giữa ngân sách (Nhà nước) với các cơ quan chức năng của Nhà nước (các cơ quan quản lý Hành chính sự nghiệp hay các lĩnh vực không sản xuất vật chất). Các cơ quan này tuy không trực tiếp sản xuất và tạo ra nguồn lực tài chính trong gián tiếp cũng góp phần phát triển kinh tế thông qua các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội và an ninh - quốc phòng. Quan hệ ngân sách và các cơ quan chức năng của Nhà nước thông qua việc cấp phát kinh phí của ngân sách cho các đơn vị dự toán từ trung ương đến địa phương thuộc lĩnh vực quản lý



nhà nước, sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội,.. Các hoạt động này sẽ tạo ra các nguồn lực tài chính tiềm ẩn và tạo ra những tiềm năng cho phát triển kinh tế và khai thác gián tiếp các nguồn lực tài chính. Điều đó được giải thích khi mà tri thức và khoa học biến thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Do vậy, có thể coi đây cũng là quan hệ kinh tế của NSNN. Trong cơ chế kinh tế thị trường có quan hệ sau: Quan hệ kinh tế giữa Nhà nước và các tổ chức xã hội. Quan hệ kinh tế giữa Nhà nước và các tầng lớp dân cư. Quan hệ kinh tế giữa Nhà nước với các chủ thể trên thị trường tài chính.

-*Thứ ba*, quan hệ giữa ngân sách với các tầng lớp dân cư thông qua nghĩa vụ nộp thuế, phí đối với các thể nhân; các hình thức tín dụng nhà nước (trái phiếu, tín phiếu,..) và các nguồn đóng góp tự nguyện của người dân (Nhà nước và nhân dân cùng làm, xố số kiệt thiết, đóng góp tự nguyện tiền, tài sản). Về phía Nhà nước quan hệ này được hoàn trả gián tiếp bằng các công trình phúc lợi công cộng về kinh tế - văn hóa - xã hội. Ngoài ra, Nhà nước còn thực hiện các khoản trợ cấp xã hội từ ngân sách như: chính sách thương binh xã hội, học bổng, cứu tế xã hội, trợ cấp cho những người không nơi nương tựa và các chương trình phúc lợi an sinh như: nước sạch, vệ sinh môi trường, trường học, bệnh viện, trạm xá và các tác động xã hội nhân đạo khác. Tất cả những mặt trên suy cho cùng cũng là quan hệ kinh tế, vì mục đích kinh tế và hướng tới an sinh cho mọi tầng lớp dân cư.

-*Thứ tư*, quan hệ giữa Nhà nước với các định chế tài chính quốc tế với các Chính phủ và các tổ chức phi Chính phủ. [13]

Những quan hệ nói trên thể hiện rõ nội dung kinh tế - xã hội của NSNN, hơn trên góc độ NSNN là phạm trù kinh tế vừa là công cụ kinh tế trọng yếu của Nhà nước.

### ***1.1.3. Vai trò của ngân sách nhà nước***

NSNN là khâu tài chính tập trung quan trọng nhất, là kế hoạch tài chính cơ bản, tổng hợp của Nhà nước. Nó giữ vai trò chủ đạo trong hệ thống tài chính và có vai trò quyết định sự phát triển của nền KT-XH. Vai trò của NSNN được xác lập trên cơ sở chức năng và nhiệm vụ cụ thể của nó trong từng giai đoạn cụ thể. Phát





huy vai trò của NSNN như thế nào là thước đo đánh giá hiệu quả điều hành, lãnh đạo của Nhà nước.

Trong nền KTTT định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, NSNN có các vai trò chủ yếu sau:

- *Thứ nhất*, với chức năng phân phối, ngân sách có vai trò huy động nguồn tài chính để đảm bảo nhu cầu ưu tiên của Nhà nước và thực hiện sự cân đối thu chi tài chính của Nhà nước. Đó là vai trò trung tâm của NSNN trong mọi mô hình kinh tế. Nó gắn chặt với các chi phí của Nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

- *Thứ hai*, NSNN là công cụ tài chính của Nhà nước góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng của nền kinh tế, điều chỉnh kinh tế vĩ mô. Nhà nước sử dụng NSNN như là công cụ tài chính để kiềm chế lạm phát, ổn định thị trường, giá cả cũng như giải quyết các nguy cơ tiềm ẩn về bất ổn định KT-XH. Muốn thực hiện tốt vai trò này NSNN phải có quy mô đủ lớn để Nhà nước thực hiện các chính sách tài khóa phù hợp (nới lỏng hay thắt chặt) kích thích sản xuất, kích cầu để góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội.

- *Thứ ba*, NSNN là công cụ tài chính góp phần bù đắp những khiếm khuyết của KTTT, đảm bảo công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển bền vững. KTTT phân phối nguồn lực theo phương thức riêng của nó, vận hành theo những quy luật riêng của nó. Mặt trái của nó là phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng trong xã hội, tạo ra sự bất bình đẳng trong phân phối thu nhập, tiềm ẩn nguy cơ bất ổn định xã hội. Bên cạnh đó do mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận nên các chủ sở hữu nguồn lực thường khai thác tối đa mọi nguồn tài nguyên, môi trường sinh thái bị hủy hoại, nhiều loại hàng hóa và dịch vụ mà xã hội cần nhưng khu vực tư nhân không cung cấp như hàng hóa công cộng. Do đó nếu để KTTT tự điều chỉnh mà không có vai trò của Nhà nước thì sẽ phát triển thiếu bền vững. Vì vậy Nhà nước sử dụng NSNN thông qua công cụ là chính sách thuế khóa và chi tiêu công để phân phối lại thu nhập giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội, cung cấp hàng hóa dịch vụ



công cho xã hội, chú ý phát triển cân đối giữa các vùng, miễn đảm bảo công bằng xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái. [5]

#### ***1.1.4. Tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước***

Ở Việt Nam, trước cách mạng tháng 8/1945, NSNN là công cụ bóc lột thành quả lao động của dân chúng và phục vụ lợi ích của giai cấp thống trị.

Sau khi cách mạng tháng 8/1945 thành công, Nhà nước ta thực hiện quyền lực về NSNN và đã có những chính sách mang tính chất cách mạng triệt để, làm nức lòng dân, như sắc lệnh về việc bãi bỏ thuế thân, hình thành hệ thống thuế mới với quan điểm giảm bớt gánh nặng thuế khóa cho dân nghèo.

Đến năm 1967 chế độ phân cấp quản lý ngân sách ra đời. Hệ thống NSNN bao gồm: Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (các tỉnh, thành phố phía Bắc). Như vậy, từ cách mạng tháng 8/1945 thành công đến năm 1967 chỉ có một NSNN.

Năm 1972 Nhà nước ban hành “Điều lệ ngân sách xã”, ngân sách xã được xây dựng nhưng chưa được tổng hợp vào hệ thống NSNN.

Năm 1978, chính phủ ra quyết định số 108/CP, ngân sách địa phương được phân thành 2 cấp: ngân sách cấp Tỉnh, ngân sách cấp Huyện.

Với Nghị quyết 138/HĐBT ngày 19/11/1983, ngân sách xã được tổng hợp vào hệ thống NSNN và hệ thống NSNN Việt Nam bao gồm 4 cấp: ngân sách Trung ương, ngân sách cấp Tỉnh, ngân sách cấp Huyện và ngân sách cấp Xã.

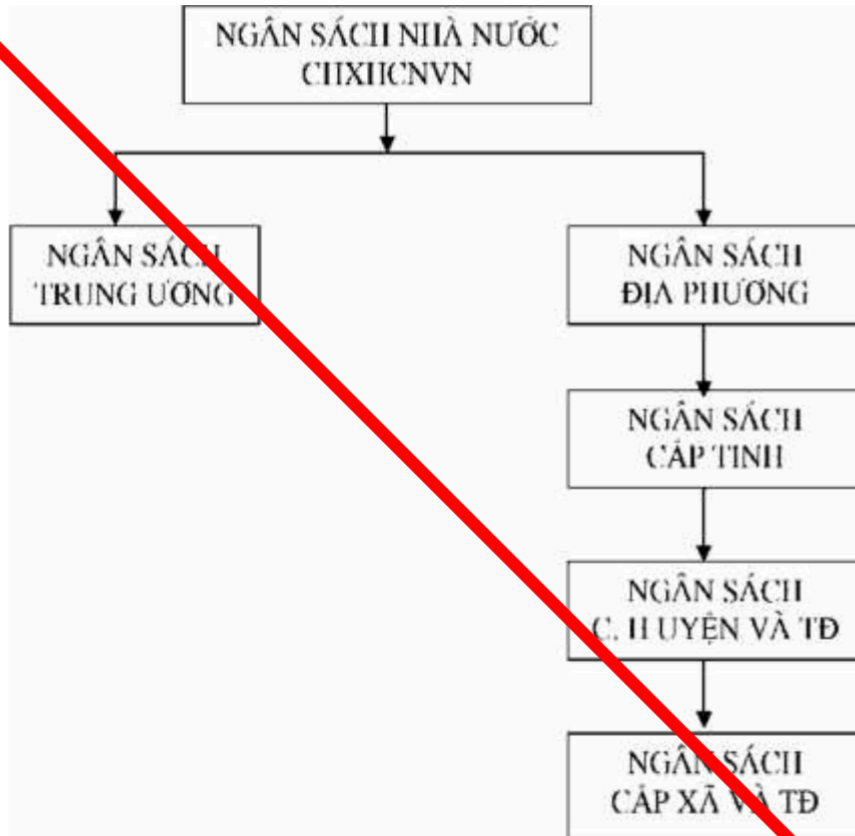
Luật NSNN nước ngày 23/3/1996 có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 1997. Theo tinh thần của Luật NSNN, hệ thống ngân sách ở nước ta bao gồm 4 cấp: Ngân sách Trung ương, ngân sách cấp Tỉnh, ngân sách cấp Huyện và ngân sách cấp Xã.

Luật ngân sách công bố ngày 27/12/2002 có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2004 (Luật NSNN này thay thế Luật NSNN năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật NSNN năm 1998). Theo tinh thần của Luật NSNN mới này, NSNN gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Ngân sách địa



phương bao gồm ngân sách của đơn vị hành chính các cấp có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

Điều này có thể được khái quát hóa bằng sơ đồ sau:



*Nguồn: Kho bạc nhà nước*

### Sơ đồ 1.1. Hệ thống NSNN ở Việt Nam

Như vậy, NSNN bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách các cấp chính quyền địa phương (ngân sách địa phương).

Ngân sách các cấp chính quyền địa phương gồm:

- + Ngân sách cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là ngân sách cấp Tỉnh)
- + Ngân sách cấp Huyện, Quận, Thị xã, Thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là ngân sách cấp Huyện)
- + Ngân sách cấp Xã, Phường, Thị trấn (gọi chung là ngân sách cấp Xã)



Quan hệ giữa ngân sách các cấp được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

- + Ngân sách trung ương và ngân sách mỗi cấp chính quyền địa phương được phân định nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể;
- + Thực hiện việc bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới để bảo đảm công bằng, phát triển cân đối giữa các vùng, các địa phương. Số bổ sung này là khoản thu của ngân sách cấp dưới;
- + Trường hợp cơ quan quản lý Nhà nước cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý Nhà nước cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi thuộc chức năng của mình thì phải chuyển kinh phí từ ngân sách cấp trên cho cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ đó;
- + Ngoài việc bổ sung nguồn thu và ủy quyền thực hiện nhiệm vụ chi vừa nêu trên, không được dùng ngân sách cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác.[5]

## **1.2. Quản lý thu ngân sách nhà nước**

### ***1.2.1. Khái niệm quản lý thu ngân sách nhà nước***

Thu NSNN phản ánh các quan hệ kinh tế nảy sinh trong quá trình Nhà nước dùng quyền lực chính trị để thực hiện phân phối các nguồn tài chính dưới hình thức giá trị nhằm hình thành quỹ tiền tệ của Nhà nước. Như vậy, thu NSNN bao gồm toàn bộ các khoản tiền được tập trung vào tay nhà nước để hình thành quỹ NSNN đáp ứng cho các yêu cầu chi tiêu xác định của nhà nước.

Nét nổi bật của việc thu NSNN là: trong bất cứ xã hội nào, cơ cấu các khoản thu NSNN đều gắn liền với chức năng, nhiệm vụ và quyền lực chính trị của Nhà nước. Sự ra đời, tồn tại và phát triển của Nhà nước là điều kiện xuất hiện các khoản thu NSNN. Ngược lại, các khoản thu NSNN là tiền đề vật chất không thể thiếu để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

Một đặc trưng khác của thu NSNN là luôn luôn gắn chặt với các quá trình kinh tế và các phạm trù giá trị. Kết quả của quá trình hoạt động kinh tế và hình thức, phạm vi, mức độ vận động của các phạm trù giá trị là tiền đề quan trọng xuất hiện hệ thống thu NSNN. Nhưng chính hệ thống thu NSNN lại là nhân tố quan trọng có ảnh hưởng to lớn đến kết quả của quá trình kinh tế cũng như sự vận động của các phạm trù giá trị.[2]





Thu ngân sách nhà nước trước hết và chủ yếu gắn liền với các hoạt động kinh tế trong xã hội. Mức độ phát triển kinh tế, tỷ lệ tăng trưởng GDP hàng năm là tiền đề đồng thời là yếu tố khách quan hình thành các khoản thu NSNN và quyết định mức độ đóng góp của các khoản thu của NSNN.

Thu ngân sách nhà nước ảnh hưởng lớn đến tốc độ, chất lượng và tính bền vững trong phát triển của một quốc gia. Trong cơ cấu thu, nguồn thu nội địa phải luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất. Không thể nói đến sự phát triển bền vững nếu thu từ ngoài nước (vay nợ, nhận viện trợ từ nước ngoài) và các khoản thu có liên quan đến yếu tố bên ngoài (thuế nhập khẩu, tiền bán tài nguyên thiên nhiên ra bên ngoài ...) chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng thu.

Trong cơ cấu thu ngân sách của hầu hết các quốc gia trên thế giới, thuế luôn là nguồn thu chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn nhất bởi nó được trích xuất chủ yếu từ những giá trị do nền kinh tế tạo ra và thể hiện rõ nét quyền lực nhà nước. Nền kinh tế quốc dân càng phát triển với tốc độ cao thì nguồn thu của nhà nước từ thuế chiếm tỷ trọng càng lớn trong tổng thu NSNN. Thu NSNN bao gồm thuế, các khoản phí, lệ phí, thu từ các hoạt động kinh tế của nhà nước, thu đóng góp của các tổ chức và cá nhân, các khoản viện trợ và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

*Vậy, quản lý thu NSNN là quá trình Nhà nước sử dụng hệ thống các công cụ chính sách, pháp luật để tiến hành quản lý thu thuế và các khoản thu ngoài thuế vào NSNN nhằm đảm bảo tính công bằng khuyến khích sản xuất kinh doanh (SXKD) phát triển. Đây là khoản tiền Nhà nước huy động vào ngân sách mà không bị ràng buộc bởi trách nhiệm hoàn trả trực tiếp cho đối tượng nộp ngân sách. Phần lớn các khoản thu NSNN đều mang tính chất cưỡng bức, bắt buộc mọi người dân, mọi thành phần kinh tế phải tuân thủ thực hiện. [8]*

Trong việc quản lý các nguồn thu ngân sách, thuế là nguồn thu quan trọng nhất. Thuế không chỉ chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng số thu NSNN hàng năm mà còn là công cụ của nhà nước để quản lý vĩ mô nền kinh tế quốc dân. Để phát huy tốt tác dụng điều tiết vĩ mô của các chính sách thuế, ở nước ta cũng như các nước khác trên thế giới, nội dung của chính sách thuế thường xuyên thay đổi cho phù hợp với



diễn biến thực tế của đời sống KT-XH và phù hợp với yêu cầu của quản lý kinh tế, tài chính. Các sắc thuế chủ yếu hiện đang được áp dụng ở nước ta hiện nay gồm có : Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, thuế tài nguyên, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế chuyển quyền sử dụng đất, thuế nhà, đất...

### **1.2.2. Các nguồn thu ngân sách nhà nước**

Hiện nay trong quản lý ngân sách Nhà nước, nội dung kinh tế là căn cứ phổ biến để phân loại các khoản thu ngân sách Nhà nước. Căn cứ vào nội dung này thì các khoản thu ngân sách Nhà nước được chia thành 02 loại:

Nhóm I: Thu từ thuế, phí, lệ phí có tính chất thuế.

Nhóm II: Thu không mang tính chất thuế, bao gồm một số nhóm tiêu biểu như sau:

- Lợi tức của Nhà nước thu được từ hoạt động góp vốn tại các tổ chức kinh tế.
- Tiền bán và cho thuê tài sản của Nhà nước; tiền thu hồi vốn của nhà nước từ các cơ sở kinh tế.
- Viện trợ không hoàn lại và vay của các tổ chức Chính phủ, phi chính phủ ở nước ngoài.
- Thu khác (thu từ hoạt động sự nghiệp có thu, các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân để xây dựng các công trình kết cấu cơ sở hạ tầng, các khoản di sản nhà nước được hưởng...)

Nếu chúng ta dựa vào tính pháp lý để phân loại, các khoản thu của ngân sách Nhà nước được chia thành các nhóm sau:

-Các khoản thu mang tính bắt buộc: bao gồm các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí.

-Các khoản thu mang tính chất tự nguyện: bao gồm các khoản thu tự viện trợ, vay nợ, tặng, cho...[5]



Dựa trên nguyên tắc thăng bằng ngân sách, người ta có thể phân biệt các khoản thu ngân sách nhà nước thành 2 loại chủ yếu sau đây, tùy thuộc vào tác dụng của nó đối với sự thăng bằng ngân sách:

- Các khoản thu có tính chất hoa lợi. Đó là những khoản thu làm tăng ngân quỹ khả dụng của quốc khố nhưng không làm tăng trái vự của quốc gia; hoặc đó là những khoản thu làm giảm trái khoản của quốc gia mà không làm giảm ngân quỹ. Những khoản thu này rất có lợi cho nhà nước. Việc áp dụng chúng có thể góp phần cải thiện tình trạng mất cân đối của ngân sách nhà nước. Thông thường, các khoản thu có tính chất hoa lợi bao gồm các khoản thu từ thuế, thu từ hoạt động kinh tế của nhà nước, thu từ các khoản đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân; thu từ viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cho Chính phủ, thu từ tiền phạt vi phạm pháp luật...

- Các khoản thu không có tính chất hoa lợi. Đây là những khoản thu làm tăng ngân quỹ khả dụng của ngân khố nhưng đồng thời cũng làm tăng một số lượng tương ứng các trái vự của quốc gia. Những khoản thu này thường không có tác dụng đáng kể trong việc cải thiện tình trạng mất cân đối ngân sách. Bởi lẽ, đối với những khoản thu này, Chính phủ thu bao nhiêu tiền vào kho bạc nhà nước, sau đó, Chính phủ cũng phải chi ra tương ứng bấy nhiêu tiền để thực hiện các trái vự. Thông thường, các khoản thu không mang tính chất hoa lợi bao gồm: thu từ vay nợ và viện trợ có hoàn lại, thu từ phí, lệ phí, thu từ tiền bồi thường thiệt hại cho nhà nước...[2]

### ***1.2.3. Nguyên tắc của quản lý thu ngân sách nhà nước***

Như chúng ta đã biết, thuế là nguồn thu chính chiếm tỷ trọng lớn và có xu hướng ngày càng tăng trong tổng thu NSNN. Đồng thời thuế cũng là công cụ quan trọng của Nhà nước trong việc điều chỉnh kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội. Do vậy quản lý thu thuế nói chung và quản lý thu thuế ở địa phương có ý nghĩa đặt biệt quan trọng trong quản lý NSNN. Quản lý thu thuế là hệ thống các biện pháp nghiệp vụ do cơ quan có chức năng thu ngân sách thực hiện.

Quản lý thu NSNN phải đảm bảo các nguyên tắc sau:



- *Thứ nhất*, nguyên tắc tuân thủ pháp luật. Quy trình xây dựng các biện pháp quản lý thuế phải xuất phát từ các luật thuế, nằm trong khuôn khổ luật quy định. Nguyên tắc này cũng đòi hỏi các biện pháp quản lý thuế của Nhà nước cũng phải phù hợp với quy định chung về thuế của các tổ chức kinh tế quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nhất là sau khi chúng ta gia nhập WTO.

- *Thứ hai*, nguyên tắc thống nhất, tập trung dân chủ. Quy trình tổ chức và quản lý thuế được áp dụng thống nhất trên phạm vi cả nước cho các cơ quan thu và cho các đối tượng nộp thuế là các pháp nhân hay thể nhân. Không cho phép cơ quan thu được đặt ra bất cứ biệt lệ nào và cũng như có sự phân biệt đối xử giữa những người nộp thuế trong quá trình hành thu thuế.

- *Thứ ba*, nguyên tắc công bằng trong quản lý thuế. Đây là nguyên tắc cơ bản của thuế, nghĩa là mọi công dân phải có nghĩa vụ vật chất với Nhà nước phù hợp với khả năng tài chính của mình. Khi xây dựng biện pháp quản lý thuế phải quán triệt nguyên tắc này nhằm động viên sức lực của toàn xã hội cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; qua đó gắn kết nghĩa vụ, quyền lợi của các tổ chức và công dân với nghĩa vụ và quyền lợi của quốc gia. Chỉ có như thế sự phát triển mới mang tính chất cộng đồng và bền vững.

- *Thứ tư*, nguyên tắc minh bạch. Các khâu trong quy trình quản lý thuế đối với các đối tượng nộp thuế phải được công khai hóa. Công tác tuyên truyền, tư vấn, giải thích quy trình quản lý thuế đến việc tổ chức thực hiện từng khâu trong quy trình này đều phải rõ ràng, dễ hiểu, công khai. Hạn chế trường hợp đối tượng nộp thuế thiếu thông tin về các quy định về thuế.

- *Thứ năm*, nguyên tắc thuận tiện, tiết kiệm và hiệu quả trong quản lý thuế. Quản lý thuế là những biện pháp mang tính nghiệp vụ và hành chính pháp định. Nguyên tắc này đòi hỏi cơ quan hành thu phải xây dựng quy trình quản lý thuế theo luật định một cách hợp lý, phù hợp với tình hình, đặc điểm, điều kiện SXKD, thu nhập phát sinh của người nộp thuế. Việc thực hiện nguyên tắc này phải tạo ra những thuận lợi và tiết kiệm tối đa chi phí về thời gian, vật chất và tiền cho cơ quan





thu và cho người nộp thuế. Có như vậy mới phát huy được hiệu quả và hiệu lực của cơ chế hành thu thuế. [5]

#### ***1.2.4. Phân cấp quản lý thu ngân sách nhà nước***

Dựa trên cơ sở quán triệt những nguyên tắc trên, nội dung của phân cấp quản lý ngân sách nhà nước bao gồm:

Nội dung thứ nhất là phân cấp các vấn đề liên quan để quản lý, điều hành ngân sách nhà nước từ trung ương đến địa phương trong việc ban hành, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát về chế độ, chính sách.

Tiếp theo là phân cấp về các vấn đề liên quan để nhiệm vụ quản lý và điều hành ngân sách nhà nước trong việc ban hành hệ thống biểu mẫu, chứng từ về trình tự và trách nhiệm của các cấp chính quyền trong xây dựng dự toán ngân sách, quyết toán ngân sách và tổ chức thực hiện kế hoạch ngân sách nhà nước. Cụ thể:

- Quốc hội quyết định tổng số thu, tổng số chi, mức bội chi và các nguồn bù đắp bội chi; phân bổ ngân sách nhà nước theo từng loại thu, từng lĩnh vực chi và theo cơ cấu giữa chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển, chi trả nợ. Quốc hội giao cho Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định phương án phân bổ ngân sách trung ương cho từng bộ, ngành và mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Như vậy, Quốc hội quyết định những vấn đề then chốt nhất về ngân sách nhà nước, đảm bảo cơ cấu thu, chi ngân sách nhà nước hợp lý và cân đối ngân sách nhà nước tích cực, đồng thời giám sát việc phân bổ ngân sách trung ương và ngân sách của các địa phương.

- Ủy ban thường vụ Quốc hội có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của Quốc hội giao về quyết định phương án phân bổ ngân sách trung ương, giám sát việc thi hành pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội các dự án luật, pháp lệnh và các dự án khác về ngân sách nhà nước; ban hành các văn bản pháp quy về NSNN; lập và trình Quốc hội dự toán và phân bổ ngân sách nhà nước, dự toán điều chỉnh ngân sách nhà nước trong trường hợp cần thiết; giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng bộ, ngành; thống nhất quản lý ngân sách nhà nước đảm bảo sự phối



hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý ngành và địa phương trong việc thực hiện ngân sách nhà nước; tổ chức kiểm tra việc thực hiện ngân sách nhà nước; quy định nguyên tắc, phương pháp tính toán số bổ sung nguồn thu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới; quy định chế độ quản lý quỹ dự phòng ngân sách nhà nước và quỹ dự trữ tài chính; kiểm tra nghị quyết của Hội đồng nhân dân về dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước; lập và trình Quốc hội quyết toán ngân sách nhà nước và quyết toán các công trình cơ bản của Nhà nước.

- Bộ Tài chính chuẩn bị các dự án luật, pháp lệnh và các dự án khác về ngân sách nhà nước trình Chính phủ; ban hành các văn bản pháp quy về ngân sách nhà nước theo thẩm quyền; chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng thống nhất quản lý ngân sách nhà nước; hướng dẫn kiểm tra các bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; đề xuất các biện pháp nhằm thực hiện chính sách tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước; chủ trì phối hợp với các bộ, ngành trong việc xây dựng các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước; thanh tra, kiểm tra tài chính với tất cả các tổ chức, các đơn vị hành chính, sự nghiệp và các đối tượng khác có nghĩa vụ nộp ngân sách và sử dụng ngân sách; quản lý quỹ ngân sách nhà nước và các quỹ khác của Nhà nước; lập quyết toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư có nhiệm vụ trình Chính phủ dự án kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của cả nước và cân đối chủ yếu của nền kinh tế quốc dân, trong đó có cân đối tài chính tiền tệ, vốn đầu tư xây dựng cơ bản làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch tài chính, ngân sách; phối hợp với bộ tài chính lập dự toán và phương án phân bổ ngân sách nhà nước trong lĩnh vực phụ trách; phối hợp với bộ tài chính và các bộ ngành hữu quan kiểm tra đánh giá hiệu quả của vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản.

- Ngân hàng Nhà nước có nhiệm vụ phối hợp với bộ tài chính trong việc lập dự toán ngân sách nhà nước đối với kế hoạch và phương án vay để bù đắp bội chi ngân sách nhà nước; tạm ứng cho ngân sách nhà nước để xử lý thiểu hụt tạm thời quỹ ngân sách nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.



- Các bộ, ngành khác có nhiệm vụ phối hợp với bộ tài chính, Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh để lập, phân bổ, quyết toán ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực phụ trách; kiểm tra theo dõi tình hình thực hiện ngân sách thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách; báo cáo tình hình thực hiện và kết quả sử dụng ngân sách thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách; phối hợp với bộ tài chính xây dựng định mức tiêu chuẩn chi ngân sách nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

- Hội đồng nhân dân (HĐND) có quyền quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; quyết định các chủ trương, biện pháp để triển khai thực hiện ngân sách địa phương; quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong thời gian cần thiết; giám sát việc thực hiện ngân sách đã quyết định. Riêng đối với HĐND cấp tỉnh, ngoài những nhiệm vụ, quyền hạn nêu trên còn được quyền quyết định thuế thu, chi lệ phí, phụ thu và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật.

- Ủy ban nhân dân lập dự toán và phương án phân bổ ngân sách địa phương, dự toán điều chỉnh ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết trình HĐND cùng cấp quyết định và báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp. Kiểm tra nghị quyết của HĐND cấp dưới về dự toán ngân sách và quyết toán ngân sách. Tổ chức thực hiện NSĐP và báo cáo về ngân sách nhà nước theo quy định. Riêng đối với cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, UBND còn có nhiệm vụ lập và trình HĐND quyết định việc thu phí, lệ phí, phụ thu, huy động vốn trong nước cho đầu tư xây dựng cơ bản thuộc địa phương quản lý. [5]

Như vậy, luật đã quy định tương đối rõ ràng về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, chính quyền Nhà nước trong lĩnh vực ngân sách nhà nước. đặc biệt đối với HĐND và UBND các cấp đã có sự đổi mới theo hướng tăng tính tự chủ, sáng tạo của địa phương trong việc phát huy tiềm năng hiện có, bồi dưỡng và tăng thu cho ngân sách cấp mình, từ đó chủ động bố trí chi tiêu hợp lý, có hiệu quả theo kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, phù hợp với quy hoạch tổng thể và chế độ thu, chi thống nhất của Nhà nước. Điều này cơ bản cũng phù hợp với phương hướng



đổi mới chức năng, nhiệm vụ của HĐND và UBND được Quốc hội và Chính phủ đề ra trong kỳ hội nghị HĐND và UBND toàn quốc.[13]

### ***1.2.5. Nội dung quản lý thu ngân sách***

#### ***1.2.5.1. Lập dự toán thu ngân sách nhà nước***

Sau khi nhận được thông tin hướng dẫn từ cấp trên xuống, quá trình lập dự toán được tiến hành từ cơ sở và tổng hợp từ dưới lên. Thời gian lập dự toán được quy định từ 10/6 hàng năm. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trong việc thu, chi ngân sách phải tổ chức lập dự toán thu, chi ngân sách trong phạm vi nhiệm vụ được giao và báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp. Cơ quan tài chính cấp địa phương xem xét dự toán của các cơ quan, đơn vị cùng cấp và dự toán ngân sách của chính quyền cấp dưới tổng hợp, lập dự toán và phương án phân bổ ngân sách địa phương để trình Ủy ban nhân dân cùng cấp. Ủy ban nhân dân cùng cấp có trách nhiệm lập dự toán và phương án phân bổ ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định và báo cáo cơ quan hành chính Nhà nước, cơ quan tài chính cấp trên. Sở Tài chính xem xét dự toán ngân sách các cơ quan tỉnh, dự toán ngân sách địa phương, tổng hợp và lập dự toán ngân sách Nhà nước trình Ủy ban nhân dân. Được chia thành 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Hướng dẫn lập dự toán ngân sách và thông báo số kiểm tra.
- Giai đoạn 2: Lập và thảo luận dự toán ngân sách.
- Giai đoạn 3: Quyết định phân bổ, giao dự toán ngân sách Nhà nước.

Sau khi nhận được quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách của Ủy ban nhân dân cùng cấp trên, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp mình, đảm bảo dự toán ngân sách cấp xã được quyết định trước ngày 31 tháng 12 năm trước.[14]

#### ***1.2.5.2. Chấp hành dự toán thu ngân sách nhà nước***

Trên cơ sở nhiệm vụ thu cả năm được giao và nguồn thu dự kiến phát sinh trong quý, cơ quan thu lập dự toán thu ngân sách quý chi tiết theo khu vực kinh tế, địa bàn và đối tượng thu chủ yếu gửi cơ quan tài chính vào cuối quý trước.





Thu ngân sách nhà nước được thực hiện theo Luật (các luật thuế, pháp lệnh phí và lệ phí,...). Tất cả các nguồn thu đều được thực hiện thông qua hệ thống kho bạc nhà nước.

Cơ quan thu bao gồm: cơ quan Thuế, Hải quan, Tài chính và các cơ quan khác được Nhà nước giao nhiệm vụ thu ngân sách. Các khoản thu có tính chất nội địa như thuế, phí, lệ phí thường do cơ quan Thuế thực hiện. Cơ quan Hải quan tổ chức thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu. Cơ quan Tài chính và các cơ quan khác được ủy quyền thu các khoản thu còn lại của NSNN.

#### *1.2.5.3. Công tác quyết toán ngân sách*

Hiện nay việc quyết toán thu – chi ngân sách được thể hiện rõ ràng hơn qua các văn bản như Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002; Luật Kế toán ngày 17/06/2003; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ; Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03/12/2007 của Chính phủ; Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/07/2003 của Chính phủ; Thông tư số 101/2005/TT-BTC ngày 17/11/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác khóa sổ uối năm và lập báo cáo quyết toán ngân sách Nhà nước, Cầm cứ thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính.

Trong đó các bước thực hiện quyết toán thu ngân sách

Bước 1: Các đơn vị thực hiện thu ngân sách gửi báo cáo thu – chi cho đơn vị quản lý (Phòng Tài chính đối với đơn vị thuộc ngân sách cấp huyện; đơn vị dự toán cấp 1 gửi cho sở tài chính). Nhận báo cáo quyết toán thu chi ngân sách hàng năm của các xã có xác nhận của cơ quan KBNN (Kèm theo file dữ liệu thu, chi theo mục lục ngân sách) tại bộ phận quản lý ngân sách Phòng Tài chính.

Bước 2: Thẩm định và đối chiếu số liệu quyết toán của các đơn vị ngân sách.

Bước 3: Tổng hợp báo cáo quyết toán bằng phần mềm Quản lý ngân sách của các xã và các đơn vị khối huyện, thuyết minh quyết toán và đối chiếu với KBNN huyện số liệu thu - chi ngân sách



Bước 4: In quyết toán trình lãnh đạo phòng ký và chuyển KBNN huyện ký xác nhận và gửi báo cáo về Sở Tài chính và Kiểm toán nhà nước.[14]

### ***1.2.6. Quản lý thu ngân sách trong mối tương quan với quản lý chi ngân sách nhà nước***

Hoạt động ngân sách nhà nước là hoạt động phân phối lại các nguồn tài chính, nó thể hiện ở hai lĩnh vực thu và chi của nhà nước. Vì vậy để thực hiện chức năng quản lý, điều hành nền kinh tế - xã hội được đảm bảo thì cần nắm rõ mối quan hệ cũng như tác động qua lại giữa thu ngân sách nhà nước và chi tiêu ngân sách nhà nước.

Chi ngân sách là việc sử dụng quỹ tiền tệ thuộc sở hữu Nhà nước để chi tiêu theo dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền duyệt, quá trình chi NS được thực hiện qua hai giai đoạn: Cấp phát và sử dụng (tức chi), cấp phát là việc Kho bạc Nhà nước căn cứ vào hạn mức kinh phí (đối với chi thường xuyên), kế hoạch vốn (đối với xây dựng cơ bản) chuyển tiền từ quỹ NSNN cho tổ chức, cá nhân thực hiện chi NS; sử dụng NS là quá trình chi tiêu số tiền mà NSNN đã cấp trên cơ sở dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tương quan giữa thu chi NSNN được thể hiện:

#### ***1.2.6.1. Cân đối NSNN***

Cân đối NSNN là mối quan hệ cân bằng giữa tổng thu và tổng chi NSNN. Cân đối NSNN nhằm mục đích đảm bảo tài chính cho nhà nước thực hiện được tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, chứ không phải đơn giản chỉ để tổng thu và tổng chi bằng nhau.

Cân đối NSNN phải đảm bảo không chỉ cho tổng thu cân bằng với tổng chi, mà còn phải đảm bảo cho cơ cấu thu, chi hợp lý; mối quan hệ lượng giữa thu chi NSNN và thực trạng nền kinh tế, mối quan hệ hợp lý giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Trong thực tiễn, cân đối NSNN luôn ở trạng thái vận động, không ngừng phát sinh mâu thuẫn giữa thu và chi, cũng như giữa các bộ phận cấu thành NSNN. Như vậy thông qua hoạt động thu, chi NS thể hiện tính chủ động của Nhà nước trong tổ chức quản lý điều hành NSNN.



#### *1.2.6.2. Bội chi ngân sách nhà nước*

Bội chi NSNN trong một thời kỳ (1 năm, 1 chu kỳ kinh tế) là số chênh lệch giữa chi lớn hơn thu của thời kỳ đó. Bội chi ngân sách nhà nước trong thực tế người ta còn gọi là thâm hụt ngân sách nhà nước.

Nguyên nhân của bội chi ngân sách do tác động của chu kỳ kinh doanh. Khủng hoảng làm cho thu nhập nhà nước co lại, nhưng nhu cầu chi lại tăng lên. Để giải quyết những khó khăn mới về kinh tế xã hội. Điều này làm cho mức bội chi NSNN tăng lên. Ở giai đoạn kinh tế phồn thịnh, thu của nhà nước tăng lên, trong khi chi không phải tăng tương ứng, điều này làm giảm mức bội chi NSNN. Hoặc do tác động chính sách cơ cấu thu chi nhà nước. Khi nhà nước thúc đẩy đầu tư, kích thích tiêu dùng sẽ làm tăng mức bội chi NSNN và ngược lại.[3]

### **1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thu ngân sách nhà nước**

#### ***1.3.1. Điều kiện kinh tế - xã hội***

##### *1.3.1.1. Về kinh tế*

Kinh tế quyết định các nguồn lực tài chính và ngược lại các nguồn lực tài chính cũng tác động mạnh mẽ đối với quá trình đầu tư phát triển và hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý trong quá trình hiện đại hóa nền kinh tế. Kinh tế ổn định, tăng trưởng và phát triển bền vững là cơ sở đảm bảo vững chắc của nền tài chính, mà trong đó NSNN là khâu trung tâm, giữ vai trò trọng yếu trong phân phối các nguồn lực tài chính quốc gia. Kinh tế càng phát triển nền tài chính càng ổn định và phát triển, thì vai trò của thu NSNN càng ngày càng được nâng cao, thông qua các chính sách tài khóa, thực hiện việc phân bổ các nguồn lực cho phát triển kinh tế và ổn định xã hội.

##### *1.3.1.2. Về mặt xã hội*

Xã hội ổn định bởi chế độ chính trị ổn định. Sự ổn định về chính trị - xã hội là cơ sở để động viên mọi nguồn lực và nguồn tài nguyên quốc gia cho sự phát triển. Mặt khác, chính trị - xã hội cũng hình thành nên môi trường và điều kiện để thu hút các nguồn vốn đầu tư trong nước và quốc tế; thúc đẩy quá trình tăng trưởng kinh tế cũng như tăng cường các nguồn lực tài chính. Sự ổn định chính trị - xã hội ở



Việt Nam hiện nay đang là nhân tố tác động tích cực để kinh tế Việt Nam vượt qua khủng hoảng kinh tế những năm 2008 - 2011 và mở ra những cơ hội và điều kiện thuận lợi cho quá trình hội nhập kinh tế toàn cầu.[9]

### ***1.3.2. Chính sách và thể chế kinh tế***

Chính sách kinh tế - xã hội và thể chế kinh tế phù hợp với xu thế phát triển, có ý nghĩa quyết định đến việc khai thông các nguồn lực và tiềm năng quốc gia cũng như thu hút nhiều nguồn lực từ bên ngoài. Ở Việt Nam trong thời gian qua, tiếp theo sau chính sách đổi mới kinh tế, phát triển kinh tế nhiều thành phần, chính phủ đã liên tục thực hiện các chính sách kinh tế mở “Đa phương hóa, đa diện hóa” đi đôi với hoàn thiện thể chế kinh tế, chính sách điều hành kinh tế vĩ mô, đã thúc đẩy mạnh mẽ nền kinh tế phát triển vượt bậc và đã đưa kinh tế Việt Nam từ nam trong nhóm các nước nghèo nhất sang các nước có thu nhập trung bình của thế giới. Theo đó nguồn lực gia tăng, chính sách tài khóa áp dụng hiệu lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững.

### ***1.3.3. Cơ chế quản lý ngân sách nhà nước***

Đổi mới cơ chế quản lý hệ thống NSNN, mà trọng tâm là hoàn thiện phân cấp quản lý ngân sách, phân định thu - chi giữa các cấp ngân sách, mở rộng quyền chi phối quỹ dự trữ tài chính và quỹ dự phòng, nâng cao quy tắc tự quyết của NS cấp dưới trong hệ thống NSNN đã tạo ra những chuyển biến tích cực trong quản lý hệ thống NS quốc gia. Trong hơn 20 năm qua, việc liên tục đổi mới cơ chế quản lý NS, đã đem lại những chuyển biến tích cực và hiệu quả trong quản lý hệ thống NS quốc gia. Nhờ đó nguồn thu NS không ngừng tăng lên, đầu tư công ngày càng có vị thế, NSNN từng bước đi vào thế cân đối tích cực, trong quá trình phát triển kinh tế theo xu thế hội nhập.[9]

### ***1.3.4. Nhóm nhân tố ảnh hưởng khác***

#### ***1.3.4.1. Tổ chức bộ máy và trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý***

Tổ chức bộ máy quản lý chi NSNN trên địa bàn địa phương và việc vận dụng quy trình nghiệp vụ quản lý vào thực tiễn địa phương: hoạt động quản lý thu NSNN được triển khai có thuận lợi và hiệu quả hay không phụ thuộc rất lớn vào tổ chức bộ





máy quản lý thu NSNN và quy trình nghiệp vụ, trong đó đặc biệt là quy trình nghiệp vụ quản lý. Tổ chức bộ máy và quy trình quản lý, quy định hạn trách nhiệm của từng khâu, từng bộ phận, mối quan hệ của từng bộ phận trong quá trình thực hiện từ lập, chấp hành, quyết toán và kiểm toán thu NSNN có tác động rất lớn đến quản lý thu NSNN. Tổ chức bộ máy quản lý phù hợp sẽ nâng cao chất lượng quản lý, hạn chế tình trạng sai phạm trong quản lý. Quy trình quản lý được bố trí càng khoa học, rõ ràng thì càng góp phần quan trọng làm nâng cao chất lượng của thông tin tới cấp ra quyết định quản lý thu NSNN, giảm các yếu tố sai lệch thông tin. Từ đó nâng cao được hiệu quả quản lý thu NSNN trên địa bàn địa phương.

Năng lực quản lý của người lãnh đạo bộ máy thu NSNN, bao gồm các nội dung sau: năng lực đề ra chiến lược trong hoạt động ngân sách; đưa ra được các kế hoạch triển khai các công việc hợp lý, rõ ràng; tạo nên một cơ cấu tổ chức hợp lý, có hiệu quả, có sự phân định rõ ràng trách nhiệm và quyền hạn giữa các nhân viên, cũng như giữa các khâu, các bộ phận của bộ máy quản lý thu NSNN ở địa phương. Năng lực quản lý của người lãnh đạo có tầm quan trọng đặc biệt đối với công tác quản lý tài chính công ở trung ương cũng như địa phương. Nếu năng lực của người lãnh đạo yếu, bộ máy tổ chức không hợp lý, các chỉ dẫn lược không phù hợp với thực tế thì việc quản lý thu ngân sách tài chính công sẽ không hiệu quả, dễ gây tình trạng chi vượt quá thu, chi đầu tư gián trải, phân bổ chi thường xuyên không hợp lý; có thể dẫn đến tình trạng thất thoát, lãng phí ngân sách, không thúc đẩy được sự phát triển của nền kinh tế, đảm bảo các vấn đề xã hội...

Năng lực chuyên môn của các bộ phận quản lý các khoản chi NSNN ở địa phương lại là yếu tố quyết định hiệu quả thu NSNN. Nếu cán bộ quản lý có năng lực chuyên môn cao sẽ giảm thiểu được sai lệch trong cung cấp thông tin của đối tượng sử dụng nguồn lực tài chính công, kiểm soát được toàn bộ nội dung thu, nguyên tắc thu và tuân thủ theo các quy định về quản lý ngân sách tài chính công đảm bảo theo dự toán đã đề ra.

Bên cạnh năng lực chuyên môn thì đối với cán bộ công chức cũng cần phải tránh bệnh xu nịnh, chiều ý cấp trên, là thói quen xin cho, hạch sách, thiếu ý thức



chịu trách nhiệm cá nhân. Thậm chí là sa sút về phẩm chất đạo đức như đòi hỏi lộ, đưa đút lót, thông đồng, móc ngoặc, gian lận... đây là những nhân tố ảnh hưởng không tốt tới quá trình quản lý thu NSNN, gây giảm hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính công nghiêm trọng.

#### *1.3.4.2. Hệ thống thông tin, phương tiện quản lý NSNN*

Việc ứng dụng công nghệ tin học vào trong cuộc sống ngày nay đã và đang thực sự chứng tỏ vai trò không thể thiếu được của nó. Thực tế đã chứng minh với việc ứng dụng công nghệ tin học vào trong công tác quản lý thu NSNN ở địa phương sẽ giúp tiết kiệm được thời gian xử lý công việc, đảm bảo được tính chính xác, nhanh chóng và thống nhất về mặt dữ liệu, tạo tiền đề cho những quy trình cải cách về mặt nghiệp vụ một cách hiệu quả. Chính vì lẽ đó mà công nghệ tin học là một trong những nhân tố ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả quản lý thu NSNN hiện đại trên địa bàn địa phương.[9]

### **1.4. Kinh nghiệm quản lý thu ngân sách nhà nước cấp quận, huyện ở Việt Nam**

#### *1.4.1. Khảo sát kinh nghiệm của một số địa phương*

Trên cơ sở khảo sát và thu thập thông tin qua các văn bản, báo cáo của một số quận/huyện của tỉnh Quảng Bình, Hải Phòng và TP Hồ Chí Minh cho thấy, nguồn thu NSNN từ thuế chiếm tỷ lệ khá lớn. Kinh nghiệm quản lý thu ngân sách từ thuế của các địa phương này được khái quát như sau

##### *1.4.1.1. Huyện Lệ Thủy- tỉnh Quảng Bình*

Là một huyện có điều kiện kinh tế - xã hội tương tự huyện Quảng Ninh, tuy nhiên công tác quản lý thu ngân sách nhà nước từ thuế của huyện Lệ Thủy được đánh giá cao và thường xuyên được các địa phương khác trong tỉnh và các tỉnh khác tham khảo học hỏi.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, chế độ được tiến hành rộng rãi dưới sự chỉ đạo hướng dẫn của UBND huyện cùng sự phối hợp nhịp nhàng với các cơ quan truyền thông địa phương tuyên truyền đến từng đối tượng nộp thuế. Chi cục thuế thường xuyên thông qua việc đăng đầy đủ các văn bản về thuế trên các sách,



báo, phát thanh, truyền hình và các tờ rơi, tóm tắt văn bản đầy đủ, gọn những việc người nộp thuế phải làm. Ngoài ra, Chi cục thuế còn tổ chức bộ phận tư vấn, giải đáp, hướng dẫn đầy đủ những nội dung hiện hành về thuế cho người nộp thuế nhằm tạo điều kiện cho công tác quản lý thu thuế có hiệu quả cao.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ quản lý thu thuế là một vấn đề được đặc biệt quan tâm. Phương thức đào tạo bồi dưỡng được tiến hành theo bốn cấp: cơ bản, nâng cao, chuyên gia, chuyên đề. Công tác quản lý thu thuế có những biện pháp thủ thuật riêng và những bí quyết để chống lại các hoạt động trốn, lậu thuế có hiệu quả. Vì vậy, sau khi tuyển chọn qua các kỳ thi, Chi cục thuế tổ chức bồi dưỡng thêm kiến thức về thuế theo chức danh, sau đó mới bố trí vào những vị trí công tác cụ thể. Các kỳ thi đánh giá chất lượng quyết định nâng ngạch, bậc cũng được tổ chức nghiêm túc, chặt chẽ, khách quan.

Đối với cán bộ quản lý thu thuế có nhiều kinh nghiệm, kiến thức về thuế vẫn có sự tiếp tục bồi dưỡng qua các kỳ học chuyên đề, đặc biệt gửi vào các trường để bồi dưỡng thêm về lý luận. Xây dựng cơ chế đào tạo trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn của cán bộ thuế để có khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

#### *1.4.1.2. Quận Lê Chân - Thành phố Hải Phòng*

Quận Lê Chân là trung tâm kinh tế - chính trị - hành chính của TP. Hải Phòng, đây cũng là một trong những trung tâm du lịch lớn của cả nước với dân số khá đông, gồm có 12 phường và 3 xã. Cơ cấu kinh tế được xác định là: Dịch vụ du lịch - công nghiệp - nông lâm nghiệp.

Công tác quản lý thu NSNN từ thuế được thực hiện trên cơ sở đề án ủy nhiệm thu được UBND thành phố phê duyệt, Chi cục thuế thực hiện quản lý thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh đối với các doanh nghiệp và các hộ kinh doanh có doanh thu lớn, thuế chuyển quyền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thu cấp quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ; cấp xã, phường tổ chức thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế môn bài từ bậc 4 đến bậc 6, thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân đối với hộ kinh doanh nhỏ, người trực tiếp thực hiện ủy nhiệm thu và xã,



phường được trích tỷ lệ hoa hồng ủy nhiệm thu từ kinh phí của Chi cục thuế.

Việc phân cấp nguồn thu cũng như tỷ lệ điều tiết các khoản thu giữa các cấp ngân sách được thực hiện ổn định trong 4 năm đã từng bước nâng cao được tính chủ động và trách nhiệm của chính quyền địa phương trong điều hành ngân sách, tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. [7]

#### *1.4.1.3. Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh*

Quận 1 là đơn vị có số thu ngân sách hàng năm lớn nhất trong các quận, huyện của TP. Hồ Chí Minh, với nguồn thu chủ yếu là thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh.

Tại Chi cục thuế quận 1, các đơn vị kinh doanh trước khi bắt đầu hoạt động đều phải kê khai, đăng ký thuế và nhận một mã số riêng cho từng đơn vị, được lưu vào hệ thống máy vi tính. Mọi hoạt động kinh doanh đều phải được thường xuyên bổ sung vào hồ sơ theo mã số hóa của đơn vị, thuận tiện cho việc tra cứu và xác định các căn cứ tính toán các loại thuế. Mọi đơn vị kinh doanh lớn và vừa phải thực hiện nghiêm chỉnh chế độ hóa đơn, sổ sách kế toán. Trùng hóa đơn ghi rõ mã số của đơn vị bán, mua hàng để thuận tiện cho việc tra cứu khi cần thiết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ khai thuế được đào tạo chuyên nghiệp.

Cơ sở vật chất và phương tiện làm việc được trang bị đầy đủ: Trụ sở, mạng máy tính từ cơ quan thuế cấp cao nhất đến cấp cơ sở đều được đáp ứng để cung cấp các thông tin về quản lý thu thuế một cách kịp thời lên cơ quan thuế cấp trên, tạo tiền đề cho quá trình quản lý thu thuế đạt hiệu quả cao. [7]

#### *1.4.2. Bài học kinh nghiệm cho huyện Quảng Ninh*

Qua nghiên cứu công tác quản lý thu ngân sách ở các địa phương trên có thể rút ra một số kinh nghiệm sau:

- Tăng cường sự phối hợp giữa UBND, các cơ quan chức năng với cơ quan thuế trong công tác tuyên truyền và đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ thuế.

- Công tác tuyên truyền cần phải có sự phối hợp hơn nữa giữa UBND với các cơ quan chức năng, cơ quan thông tin đại chúng để phổ biến tuyên truyền công tác





thuế đến từng thôn, xóm, từng người nộp thuế

- Cán bộ thuế phải được bồi dưỡng, đào tạo thường xuyên, cập nhật chính sách thuế mới đầy đủ để thực hiện công tác thuế tốt nhất.

- Cải tiến quá trình thực hiện công tác kê khai, đăng ký thuế để tiến tới vận động người nộp thuế áp dụng kê khai 100% qua mạng internet.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và phương tiện làm việc cho cán bộ trong cơ quan thuế nhằm đạt hiệu quả công việc cao nhất.

- Tăng cường thực hiện công tác ủy nhiệm thu, điều này vừa tăng thu được cho ngân sách về thuế, chống thất thu sót hộ, đồng thời tăng cường trách nhiệm của UBND các xã trong công tác quản lý thu ngân sách nhà nước từ thuế, bổ sung cán bộ cho các bộ phận khác trong cơ quan thuế.



## CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THU NGÂN SÁCH HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

### 2.1. Giới thiệu về huyện Quảng Ninh

#### 2.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

##### 2.1.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Quảng Ninh được tái lập vào ngày 1/7/1990 theo Quyết định số 190/QĐ-HĐBT, ngày 1/6/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) sau khi chia tách huyện Lệ Ninh thành hai huyện Quảng Ninh và Lệ Thủy.

Với vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên đa dạng: 25 km bờ biển; 35 km đường biên giáp nước bạn Lào cùng nhiều diện tích đất rừng; cách thành phố Đồng Hới 7 km về phía Nam với tổng diện tích tự nhiên là 119.089 ha và dân số trên 90.000 người gồm 2 dân tộc là người Kinh và Vân Kiều cùng sinh sống.

This image cannot currently be displayed.

(Nguồn: <https://quangninh.quangbinh.gov.vn>)

### Hình 1.1: Bản đồ hành chính huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

Là mảnh đất giàu truyền thống cách mạng, Quảng Ninh với nhiều địa danh nổi tiếng nằm trong bát danh hương của tỉnh Quảng Bình "Văn-Võ -Cổ-Kim". Trong



hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc với tiếng bom Lộc Long, tiếng trống Ninh Châu mở đầu cho phong trào Quảng Bình quật khởi trong kháng chiến chống thực dân Pháp; đến những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước với khẩu hiệu "Xe chưa qua hà không tiếc, đường chưa thông không tiếc máu xương", nhân dân Quảng Ninh đã đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến cùng với cả nước làm nên đại thắng Mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Với tinh thần đoàn kết, năng động, sáng tạo, phát huy nội lực và tranh thủ sự giúp đỡ của các cấp, huyện Quảng Ninh đã từng bước vươn lên vượt qua những khó khăn, thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện.

#### *2.1.1.2. Địa hình và khí hậu*

- Địa hình: Huyện Quảng Ninh nằm ở sườn Đông của dãy Trường Sơn, nghiêng từ Tây sang Đông. Toàn huyện có thể phân chia thành bốn dạng địa hình

chính: Địa hình vùng rừng núi cao chiếm 57% diện tích với nhiều lâm sản quý hiếm. Địa hình vùng gò đồi chiếm 26,7% diện tích là nơi có nhiều thuận lợi trong việc trồng rừng lấy gỗ, trồng cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao ( cao su, thông, tiêu...), chăn nuôi đại gia súc. Địa hình vùng đồng bằng chiếm 9,5% diện tích, đây là khu vực sản xuất lương thực trọng điểm của huyện. Địa hình vùng cát ven biển chiếm 6,7% diện tích, có nguồn nước ngầm khá dồi dào nên phù hợp các mô hình trang trại chăn nuôi kết hợp với nuôi trồng thủy sản và trồng rừng.

- Khí hậu: Quảng Ninh nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa chịu ảnh hưởng của khí hậu chuyển tiếp giữa miền Bắc và miền Nam. Nhiệt độ bình quân 24,5 - 25<sup>0</sup>C, lượng mưa bình quân khoảng 2.100 - 2.200 mm, mỗi năm có 2 mùa rõ rệt.

#### *2.1.1.3. Tài nguyên biển và bờ biển*

Huyện Quảng Ninh có đường bờ biển dài trên 25 km. Vùng biển Quảng Ninh không sâu, cách xa bờ 20km độ sâu khoảng 20m, cách xa bờ 40km độ sâu khoảng 25m, ra đến 140km độ sâu cũng chỉ có 33m. Do biển không sâu nên diện tích bãi



chiều của tất cả các xã ven biển rộng, khoảng 2.225ha. Đây cũng là một yếu tố rất thuận lợi để xây dựng cơ sở nuôi trồng thủy sản và phát triển du lịch biển.

Với 25 km bờ biển và ngư trường rộng lớn, Quảng Ninh có tài nguyên sinh vật biển đa dạng và phong phú, có nhiều loài cá ở tầng nổi, tầng đáy trên trăm loài; trong đó có nhiều loài đặc sản quý như tôm hùm, cá mú, cá hồng, mực... Nhưng do không có cửa lạch, người dân chỉ đầu tư các phương tiện nhỏ khai thác ven bờ, không có phương tiện và tập quán đánh bắt xa bờ nên không phát huy được thế mạnh về biển.

#### 2.1.1.4. Tài nguyên đất

- Về thổ nhưỡng: Toàn huyện có 5 nhóm đất chủ yếu, gồm:

+ Nhóm đất đỏ vàng chiếm hơn 70% diện tích tự nhiên, phân bố trên vùng núi, lớp phủ thực vật còn khá nên độ phì tự nhiên còn tốt.

+ Nhóm đất phù sa cở chiếm trên 4,6% diện tích tự nhiên, phân bố ở vùng gò đồi và các thung lũng đan xen. Là nơi trồng cây công nghiệp dài, ngắn ngày, cây ăn quả và đồng cỏ chăn nuôi chính của huyện.

+ Nhóm đất mặn, đất phèn và giầy (lầy thụt) chiếm 3,8% diện tích tự nhiên phân bố ở vùng đồng bằng ven sông Long Đại và Kiến Giang. Đây là vùng trồng lúa có năng suất cao nhất của huyện và tỉnh Quảng Bình.

+ Nhóm đất cát ven biển chiếm 5,5% diện tích tự nhiên.

+ Đất khác chiếm 15,3% trong đó núi đá chiếm 13,7%, sông suối chiếm 1,6%. Đây là loại đất bạc màu bị rửa trôi nên không phù hợp với trồng cây các loại.

- Về diện tích: Tổng diện tích tự nhiên huyện Quảng Ninh là 119.169,19 ha. Trong đó, xã Trường Sơn có diện tích tự nhiên lớn nhất là 77.427,86 ha chiếm 64,98%; thị trấn Quán Hàu có diện tích nhỏ nhất 325,7 ha, chiếm 0,27%.

#### 2.1.1.5. Tài nguyên khoáng sản

- Nhóm kim loại: Gồm có các mỏ sắt ở Lèn Công - Vạn Ninh. Quặng sắt gồm các loại quặng Limonit, quặng Hematit là loại sắt ngâm nước thường dùng trong phụ gia xi măng.





- Nhóm phi kim loại: gồm đá vôi xi măng, sét xi măng, sét gạch ngói, photporit dùng làm phân bón và trữ lượng tương đối lớn.

Sử dụng nguồn khoáng sản nói trên để phát triển một số ngành công nghiệp chủ đạo như: Xi măng, gạch ngói... Đây là thế mạnh về tài nguyên khoáng sản của huyện, tạo điều kiện cho việc đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội. Hiện nay và trong tương lai các nhà đầu tư đã và đang quan tâm rất lớn về lĩnh vực khai thác nguyên liệu cho sản xuất xi măng và đá cho các công trình xây dựng.

#### *2.1.1.6. Tài nguyên rừng*

Đất lâm nghiệp có 99.924,03 ha, chiếm 83,85% diện tích đất tự nhiên toàn huyện và chiếm 92,11% trên tổng diện tích đất nông nghiệp. Trong đất lâm nghiệp có: đất rừng sản xuất 45.932,34 ha, chiếm 45,97% diện tích; đất rừng phòng hộ có 53.991,69 ha, chiếm 54,03% diện tích. Hiện tại độ che phủ rừng, tính trên diện tích đất lâm nghiệp có rừng, đạt 76,66%; nếu tính trên diện tích đất có rừng cộng với diện tích cây công nghiệp dài ngày, thì độ che phủ rừng đạt 77,12%. Với một diện tích lớn đất lâm nghiệp có thể chuyển đổi từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất, cho phép huyện phát triển mạnh một số cây công nghiệp có hiệu quả kinh tế cao (Cao su, thông...). Đây là lợi thế mang tầm chiến lược của huyện.

#### *2.1.1.7. Tài nguyên du lịch*

Huyện Quảng Ninh có vị trí nằm ở cửa ngõ phía Nam thành phố Đồng Hới, có bờ biển đẹp, dòng sông Long Đại uốn lượn như con rồng bao lấy núi Thàn Đ h

- Chùa Non nổi tiếng về tâm linh và phong cảnh hữu tình. Ngày nay, bên cạnh Chùa Non, Hồ Rào Đá có dung tích trên 82 triệu m<sup>3</sup> nước, giữa hồ có nhi êu đảo nổi sẽ là

khu du lịch tâm linh và du ngoạn thắng cảnh cho du khách. Trên dòng Long Đại có thác Tam Lu phong cảnh sơn thủy hữu tình, nước non huyền diệu có thể tổ chức các hình thức du lịch ngắm cảnh hoặc bơi thuyền trên sông. Ngoài ra, huyện Quảng Ninh còn có các di tích lịch sử gắn liền với hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc.

#### **2.1.2. Đặc điểm kinh tế- xã hội**

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm 13%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ du lịch. Giá trị sản



xuất công nghiệp, xây dựng từ xuất phát điểm còn rất thấp, đến năm 2015 tăng 22%, giá trị khu vực dịch vụ tăng 12%, sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp tăng 4,2%. Cơ cấu kinh tế đến năm 2015: công nghiệp, xây dựng chiếm 39%, nông lâm - ngư nghiệp chiếm 35%, thương mại, dịch vụ chiếm 26%. Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 62,59 tỷ đồng, tăng bình quân 10,4%; thu nhập bình quân đầu người đạt 26 triệu đồng/ người/ năm.

Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao hiệu quả kinh tế trên cùng một đơn vị diện tích, gắn với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Su khi đưa vào sử dụng hồ thủy lợi Rào Đá, diện tích sản xuất các loại cây trồng được mở rộng; đến năm 2014, diện tích trồng cây lương thực đạt 9.400 ha, tăng hơn 1.000 ha. Chú trọng thực hiện đề án cải tạo bộ giống mới có năng suất, chất lượng, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật đưa giống kỹ thuật mới vào sản xuất chiếm trên 62% diện tích, góp phần tăng tổng sản lượng lương thực từ 19.200 tấn năm 1991 lên 50.680 tấn năm 2014.

Với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, Quảng Ninh đã huy động được hơn 2.100 tỷ đồng để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, trong đó, ngân sách nhà nước trên 1500 tỷ đồng, nhân dân đóng góp hơn 500 tỷ đồng. Đến cuối năm 2014, xã Lương Ninh được tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; xã Vĩnh Ninh và Hàm Ninh đã phấn đấu về đích chương trình này vào cuối năm 2015.

Các cụm công nghiệp, cụm làng nghề như cụm công nghiệp Áng Sợ, xã Vạn Ninh; cụm công nghiệp, cụm làng nghề Tây Bắc thị trấn Quán Hàu. Các công ty, nhà máy công nghiệp từng bước được xây dựng và đi vào hoạt động bước đầu đưa lại hiệu quả đáng ghi nhận. Nhà máy xi măng Vạn Ninh thuộc Tổng công ty Vicem Hải Vân công suất 50 vạn tấn/năm; Nhà máy may S&D thuộc Tổng Công ty May 10; Nhà máy chế biến tinh bột sắn Long Giang và Công ty cổ phần gạch Tuynen Vĩnh Ninh hoạt động có hiệu quả đã góp phần giải quyết việc làm thường xuyên cho trên 2.000 lao động với mức thu nhập khá ổn định.

Hoạt động du lịch có chuyển biến tích cực, các điểm du lịch sinh thái, du lịch tâm linh như núi Thần Đinh, Đền tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ Trường Sơn tại bến phà Long Đại, Nhà thờ Lê thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh và bãi biển Hải Ninh thu hút được nhiều du khách tham quan; đây cũng là tiềm năng thế mạnh để huyện nhà tiếp tục kêu gọi đầu tư để hình thành tuyến du lịch khép kín trong tương lai.

Phong trào ứng dụng hóa đường giao thông nông thôn, bê tông hóa kênh mương nội đồng gắn với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được nhân dân đồng tình hưởng ứng và trở thành phong trào rộng khắp trong toàn huyện; đến nay toàn huyện có trên 355 km đường giao thông được bê tông hóa, 210 km kênh mương nội đồng được kiên cố hóa, thu lợi cho nhân dân đi lại sinh hoạt, sản xuất.

Toàn huyện có 57 trường, cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và dạy nghề có cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học tăng trưởng khá; 100% xã, thị trấn có trường học cao tầng kiên cố với tỷ lệ các phòng học được xây dựng kiên cố chiếm tỷ lệ 67%; đến nay có 37 trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 6 trường tiểu học đạt chuẩn mức độ 2, có 15/15 xã, thị trấn đạt thu nhập phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2.

Thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi giảm xuống còn 13%, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 68%. Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình có nhiều chuyển biến tích cực, quy mô dân số phát triển đúng hướng, các chỉ tiêu về dịch vụ kế hoạch hóa gia đình thực hiện đạt và vượt kế hoạch đề ra, tỷ suất sinh giảm bình quân 0,2%/năm.

Các chính sách xã hội, công tác đền ơn đáp nghĩa, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo được quan tâm và đạt kết quả tốt. Hàng năm giải quyết việc làm cho hơn 3.000 lao động, (tỷ lệ lao động được đào tạo nghề đạt 36%), góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 11% năm 2010 xuống còn 7,5% năm 2014, phấn đấu đến 2015 tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 5%.



Lĩnh vực văn hóa xã hội có nhiều tiến bộ, an sinh xã hội cơ bản được đảm bảo, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện. Giáo dục và đào tạo phát triển toàn diện cả về mạng lưới trường lớp, số lượng và chất lượng. Y tế đáp ứng đủ điều kiện chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh cho người dân của huyện. Các công trình xây dựng khác như vấn đề nước sạch nông thôn, điện...

đã được chính quyền huyện quan tâm. Tại các xã vùng cao đã ổn định được vấn đề du canh du cư, giải quyết nước sạch ở các vùng xa đô thị, đưa điện lưới quốc gia tới 15/15 xã, thị trấn của huyện.

**Bảng 2.1: Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội huyện Quảng Ninh**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số
1	Tổng dân số	Người	90.000
2	Tổng diện tích	Km <sup>2</sup>	1.191
3	Mật độ dân số	Người/Km <sup>2</sup>	75,6
4	Thu nhập bình quân	Triệu đồng/người/năm	27
5	Tổng số xã, thị trấn	Xã	15
6	Tổng sản lượng lương thực	Tấn	50.491

(Nguồn: Niên giám thống kê Huyện Quảng Ninh năm 2016)

## **2.2. Thực trạng công tác quản lý thu ngân sách nhà nước huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình**

### **2.2.1. Công tác lập dự toán thu ngân sách nhà nước huyện Quảng Ninh**

#### **2.2.1.1. Các căn cứ lập dự toán thu ngân sách hàng năm**

Trong những năm vừa qua, huyện Quảng Ninh đã coi trọng việc lập dự toán trong công tác quản lý thu NSSNN, bởi nó quyết định chất lượng phân bổ về sử dụng nguồn lực tài chính, đồng thời nó cũng là căn cứ quan trọng cho việc kiểm soát chi phí hàng năm của NSNN. Công tác lập dự toán của huyện thường dựa vào một số căn cứ:

- Luật Ngân sách nhà nước năm 2002 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật ngân sách nhà nước năm 2002;
- Nghị quyết Đại hội đảng bộ huyện Quảng Ninh lần thứ XXIII và XXIV;





- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Quảng Ninh 5 năm 2011-2015 và 2016-2020;

- Quyết định số 12/2010/QĐ-UBND ngày 22/11/2010 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách địa phương tỉnh Quảng Bình năm 2011 và thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

- Quyết định số 20/2011/QĐ-UBND ngày 14/12/2011 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh Điểm 3 Mục II Quyết định số 12/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2010 của UBND tỉnh Quảng Bình;

- Tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách các năm trước;

- Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách của UBND tỉnh Quảng Bình cho huyện Quảng Ninh;

#### *2.2.1.2. Quy trình giao dự toán thu ngân sách trên địa bàn huyện Quảng Ninh*

Hàng năm, Chi cục Thuế huyện lập các bộ thuế, tính toán các khoản thu trong và ngoài cân đối ngân sách để gửi báo cáo sơ bộ cho Cục Thuế tỉnh. Sau đó, Cục thuế tỉnh sẽ thảo luận số thu với UBND huyện để thống nhất số liệu và ban hành thông báo chính thức. Căn cứ số thu được giao, phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ phối hợp với Chi cục Thuế huyện thảo luận giao số thu cho các xã, thị trấn. Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp và tham mưu UBND huyện phân bổ dự toán thu ngân sách huyện Quảng Ninh để trình HĐND huyện phê chuẩn.

Giai đoạn 2014-2015, giao tổng thu ngân sách trên địa bàn giảm 10,79%, trong đó các khoản thu cân đối ngân sách giảm 12,57% do nguồn thu tiền sử dụng đất được dự báo sẽ giảm mạnh vì công tác trích đo phân lô để đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn còn gặp nhiều khó khăn vướng mắc; thị trường bất động sản trầm lắng, các dự án đầu tư hạ tầng khu dân cư tổ chức bán đấu giá không thành công hoặc không có người tham gia đấu giá nên hầu hết là giao ngang giá khởi điểm do đó số tiền thu được thấp.

Trong giai đoạn 2015-2016, các khoản thu cân đối ngân sách có xu hướng



giảm, các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN có xu hướng tăng rõ rệt đến 90,5%. Điều này cho ta thấy rằng, nguồn thu của huyện Quảng Ninh vẫn còn phụ thuộc khá lớn vào các hình thức ghi thu ghi chi nhưng cũng đã phần nào tự chủ được nguồn thu, vì thế mà chính sách tài chính sẽ linh hoạt hơn.

**Bảng 2.2: Tình hình giao dự toán thu ngân sách trên địa bàn huyện Quảng Ninh giai đoạn 2014-2016**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	2014	2015	2016	So sánh			
				2015/2014		2016/2015	
				+/-	%	+/-	%
<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn</b>	<b>84.915</b>	<b>75.750</b>	<b>82.500</b>	<b>-9.165</b>	<b>-10.79</b>	<b>6.750</b>	<b>8.91</b>
A. Các khoản thu cân đối ngân sách	72.915	63.750	59.640	-9.165	-12.57	-4.110	-6.45
I. Các khoản hưởng 100%	6.825	9.975	9.150	3.150	46.15	-825	-8.27
II. Các khoản hưởng tỷ lệ %	66.090	53.775	50.490	-12.315	-18.63	-3.285	-6.11
B. Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN	12.000	12.000	22.860	0	0	10.860	90.5

*(Nguồn: KBNN huyện Quảng Ninh)*

Trong các khoản thu cân đối ngân sách thì các khoản hưởng tỷ lệ % giảm dần qua các năm vì huyện Quảng Ninh là một huyện còn nghèo, các doanh nghiệp, các hộ kinh doanh cá thể hoạt động trên địa bàn chủ yếu có quy mô vừa và nhỏ, hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên nhiều khi không tự giác chấp hành việc nộp thuế, nợ đọng thuế còn lớn. Điều này thể hiện nguồn thu của huyện không bền vững, khả năng tự cân đối ngân sách của huyện chưa được đảm bảo.

Tình hình giao dự toán các khoản thu hưởng tỷ lệ % trên địa bàn huyện Quảng Ninh trong 3 năm 2014 - 2016 thể hiện ở bảng 2.3 sau:

**Bảng 2.3: Tình hình giao dự toán thu các khoản hưởng tỷ lệ % trên địa  
bàn huyện Quảng Ninh giai đoạn 2014-2016**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	2014	2015	2016	So sánh			
				2015/2014		2016/2015	
				+/-	%	+/-	%
<b>Các kho ản hưởng tỷ lệ %</b>	<b>66.090</b>	<b>53.775</b>	<b>50.490</b>	<b>-12.315</b>	<b>-18.63</b>	<b>-3.285</b>	<b>-6.11</b>
1. Lệ phí trước bạ	7.500	8.250	8.700	750	10	450	5,45
2. Thuế GTGT	10.380	11.835	12.080	1.455	14,02	245	2,07
3. Thuế TNDN	450	675	705	225	50	30	4,44
4. Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	8	0	0	8	800
5. Thuế môn bài	675	765	783	90	13,33	18	2,35
6. Thuế tài nguyên	45	375	1.125	330	733,33	750	200
7. Thu khác từ thuế	150	150	300	0	0	150	100
8. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	210	225	240	15	7,14	15	6,67
9. Thu tiền sử dụng đất	45.000	30.000	24.750	-15.000	-33,33	-5.250	-17,5
10. Tiền thuê mặt đất, mặt nước	555	600	525	45	8,11	-75	-12,5
11. Thuế thu nhập cá nhân	1.125	900	1.275	-225	-20	375	41,67

*(Nguồn: KBNN huyện Quảng Ninh)*

Nguồn thu của ngân sách huyện tương đối ổn định, tuy nhiên cơ cấu nguồn thu chưa thật sự vững chắc, còn phụ thuộc rất lớn vào phân cấp của tỉnh. Từ năm 2010 trở lại đây để thực hiện ý kiến của Tỉnh ủy phải đảm bảo ngân sách huyện tự cân đối nên tỉnh đã phân cấp thêm nhiều doanh nghiệp ngoài quốc doanh về Chi cục thuế quản lý thu thuế nên đã tạo thuận lợi nhất định cho huyện trong việc chủ động cân đối, điều hành ngân sách.

Trong giai đoạn 2014-2016, thu cân đối NS luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất và có xu hướng giảm, thu để lại đơn vị chi qua NSNN chiếm tỷ trọng thấp nhưng có xu



hướng tăng.

**Bảng 2.4: Cơ cấu dự toán thu ngân sách trên địa bàn  
huyện Quảng Ninh giai đoạn 2014-2016**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	2014		2015		2016	
	Số thu	Cơ cấu(%)	Số thu	Cơ cấu(%)	Số thu	Cơ cấu(%)
<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn</b>	<b>84.915</b>	<b>100</b>	<b>75.750</b>	<b>100</b>	<b>82.500</b>	<b>100</b>
A. Các khoản thu cân đối ngân sách	72.915	85,87	63.750	84,16	59.640	72,29
I. Các khoản hưởng 100%	6.825	8,04	9.975	13,17	9.150	11,09
II. Các khoản hưởng tỷ lệ %	66.090	77,83	53.775	70,99	50.490	61,2
B. Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN	12.000	14,13	12.000	15,84	22.860	27,71

*(Nguồn: KBNN huyện Quảng Ninh)*

Dựa vào bảng số liệu trên, thu cân đối NS chiếm tỷ trọng lớn nhất và có xu hướng giảm qua các năm; cụ thể năm 2014 nguồn thu này chiếm tỷ trọng 85,87% trong tổng nguồn thu, năm 2015 giảm xuống chiếm tỷ trọng 84,16 % và năm 2016 chỉ là 72,29%.

Nguồn thu từ các khoản hưởng tỷ lệ % chiếm tỷ trọng lớn nhất và có tính quan trọng hơn cả trong các khoản thu cân đối ngân sách. Trong đó thu từ tiền sử dụng đất luôn chiếm tỷ trọng lớn và có xu hướng giảm dần qua các năm; cụ thể năm 2014 là 68%, đến năm 2015 là 55,79% và năm 2016 là 49,02%. Những năm vừa qua, quá trình đô thị hóa diễn ra trên địa bàn huyện Quảng Ninh diễn ra mạnh mẽ, cơ sở hạ tầng phát triển mạnh, đẩy giá nhà và đất tăng cao so với các khu vực lân cận..góp phần tăng nguồn thu từ đất trên địa bàn.

Tiếp đến là thuế giá trị gia tăng: Thuế giá trị gia tăng có số thu tăng hàng năm nhưng với tốc độ thấp, năm 2014 số thu từ khu vực này là 10.380 triệu đồng thì đến năm 2016 là 12.080 triệu đồng. Sở dĩ thu thuế giá trị gia tăng tăng qua các năm là do



các doanh nghiệp trên địa bàn kinh doanh có hi ệu quả hơn, và các hộ kinh doanh nhất là dịch vụ ăn uống, xây dựng tư nhân hoạt động ngày càng nhi ều.

**Bảng 2.5: Cơ cấu dự toán thu các khoản hưởng tỷ lệ % trên địa bàn huyện Quảng Ninh giai đoạn 2014-2016**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	2014		2015		2016	
	Số thu	Cơ cấu (%)	Số thu	Cơ cấu (%)	Số thu	Cơ cấu (%)
<b>Các kho ản hưởng tỷ lệ %</b>	<b>66.090</b>	<b>100</b>	<b>53.775</b>	<b>100</b>	<b>50.490</b>	<b>100</b>
1. Lệ phí trước bạ	7.500	11,35	8.250	15,34	8.700	17,25
2. Thuế GTGT	10.380	15,71	11.835	22,01	12.080	23,91
3. Thuế TNDN	450	0,68	675	1,26	705	1,40
4. Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	0	0	8	0,02
5. Thuế môn bài	675	1,02	765	1,42	783	1,55
6. Thuế tài nguyên	45	0,07	375	0,70	1.125	2,23
7. Thu khác từ thuế	150	0,23	150	0,28	300	0,59
8. Thuế sử dụng đất phi nông nghi ệp	210	0,318	225	0,42	240	0,48
9. Thu tiền sử dụng đất	45.000	68,09	30.000	55,79	24.750	49,00
10. Tiền thuê mặt đất, mặt nước	555	0,84	600	1,12	525	1,04
11. Thuế thu nhập cá nhân	1.125	1,70	900	1,67	1.275	2,52

*(Nguồn: KBNN huyện Quảng Ninh)*

Như vậy, thuế vẫn là nguồn thu chủ yếu trong nguồn thu cân đối ngân sách. Vì vậy, để đảm bảo chính sách tài chính linh hoạt cần tăng cường quản lý thu thuế một cách hợp lý, có hi ệu quả thông qua phát triển nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng của cơ quan thuế.





## 2.2.2. Tổ chức thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước huyện Quảng

### Ninh

Hàng năm, trên cơ sở dự toán được giao, Chi cục Thuế đã phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tham mưu UBND huyện tiến hành phân bổ và chỉ đạo các đơn vị xây dựng chỉ tiêu phấn đấu tăng thu ngân sách hàng năm. Bên cạnh đó, UBND huyện đã chỉ đạo Chi cục Thuế tiếp tục rà soát, nắm chắc đối tượng, nguồn thu ngân sách trên địa bàn; thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế, quyết toán thuế của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác vào ngân sách nhà nước; chống thất thu thuế, nhất là đối với lĩnh vực xây dựng tư nhân, dịch vụ nhà hàng...

Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thực hiện ghi thu ghi chi học phí và hướng dẫn các xã, thị trấn ghi thu ghi chi tiền đất, ghi thu ghi chi đóng góp để đảm bảo thu ngân sách đạt dự toán được giao.

Nhờ vậy, kết quả thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2014 - 2016 đạt được rất khả quan và đã góp phần tích cực trong việc củng cố nguồn thu NSNN trên địa bàn.

**Bảng 2.6: Tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách trên địa bàn huyện Quảng Ninh giai đoạn 2014-2016**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	2014	2015	2016	So sánh			
				2015/2014		2016/2015	
				+/-	%	+/-	%
<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn</b>	95.286	93.885	116.546	-1.401	-1,47	22.661	24,14
A. Các khoản thu cân đối ngân sách	62.748	70.973	93.899	8.225	13,11	22.926	32,30
I. Các khoản hưởng 100%	5.873	11.107	14.404	5.234	89,12	3.297	29,68
II. Các khoản hưởng tỷ lệ %	56.875	59.866	79.495	2.991	5,26	19.629	32,79
B. Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN	32.538	22.911	22.647	-9.627	-29,59	-264	-1,15

(Nguồn: KBNN huyện Quảng Ninh)



Thu NSNN giai đoạn 2014 – 2016 có thể chia làm hai giai đoạn tăng giảm rõ rệt; giai đoạn thu NSNN tăng 2014-2015, giảm nhẹ từ 95.286 triệu đồng năm 2014 xuống còn 93.885 triệu đồng năm 2015; giai đoạn thu NSNN giảm 2015-2016, tăng từ 93.885 triệu đồng năm 2015 lên 116.546 triệu đồng năm 2016. Tốc độ tăng trưởng thu NSNN không ổn định qua các năm, năm 2015 chỉ số tăng trưởng thu NSNN giảm hệ 1,47 %, tuy nhiên sang năm 2016 thu NSNN có xu hướng tăng cao đạt đến 24,14%. Các khoản thu hưởng tỷ lệ % tăng đều qua các năm với tỷ lệ tăng năm 2015 so với năm 2014 là 5,26% nhưng đến năm 2016 so với năm 2015 tăng lên 32,79%. Chi tiết được thể hiện ở bảng sau:

**Bảng 2.7: Tình hình thực hiện thu các khoản hưởng tỷ lệ % trên địa bàn huyện Quảng Ninh giai đoạn 2014-2016**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	2014	2015	2016	So sánh			
				2015/2014		2016/2015	
				+/-	%	+/-	%
<b>Các khoản hưởng tỷ lệ %</b>	<b>56.875</b>	<b>59.866</b>	<b>79.495</b>	<b>2.991</b>	<b>5,26</b>	<b>19.629</b>	<b>32,79</b>
1. Lệ phí trước bạ	9.102	9.906	11.609	804	8,83	1.703	17,19
2. Thuế GTGT	10.932	13.109	13.658	2.177	19,91	549	4,19
3. Thuế TNDN	998	857	1.205	-141	-14,14	348	40,63
4. Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	3	5	3	300	2	50
5. Thuế môn bài	776	810	809	35	4,45	-2	-0,19
6. Thuế tài nguyên	396	1.410	920	1.014	256,06	-491	-34,79
7. Thu khác từ thuế	372	394	272	22	5,91	-122	-30,97
8. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	281	305	306	24	8,56	2	0,49
9. Thu tiền sử dụng đất	31.252	30.312	46.355	-940	-3,01	16.043	52,93
10. Tiền thuê mặt đất, mặt nước	1.119	1.277	1.679	158	14,08	402	31,49
11. Thuế thu nhập cá nhân	1.649	1.485	2.681	-164	-9,92	1.196	80,51

*(Nguồn: KBNN huyện Quảng Ninh)*



Thuế tài nguyên có tốc độ tăng trưởng bình quân cao nhất là 256,06%. Năm 2015 nguồn thu này tăng đột biến gấp 3,5 lần là do UBND tỉnh cấp phép khai thác các mỏ khoáng sản trên địa bàn xã Vạn Ninh và Trường Xuân. Các doanh nghiệp khi khai thác khoáng sản phải nộp thuế tài nguyên và điều tiết số thu về cho ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, xã.

Trong những năm qua, huyện Quảng Ninh có tốc độ phát triển kinh tế tương đối nhanh, SXKD trên địa bàn không ngừng phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch rõ nét theo hướng tăng tỷ trọng ngành thương mại, dịch vụ và công nghiệp, xây dựng, kết quả đó đã tác động rất lớn đến thu NSNN trên địa bàn huyện. Thu ngân sách huyện Quảng Ninh đã đạt nhiều kết quả to lớn, nguồn thu ngày càng tăng lên, cơ cấu nguồn thu ngày càng ổn định vững chắc hơn. Thu ngân sách huyện đã phần nào đáp ứng được những nhiệm vụ chi thiết yếu của bộ máy quản lý nhà nước, chi sự nghiệp kinh tế, văn hóa, an ninh quốc phòng và bổ sung cân đối ngân sách xã và dành phần thích đáng cho nhu cầu chi đầu tư phát triển, chỉnh trang đô thị làm thay đổi cơ bản bộ mặt của huyện.

**Bảng 2.8: Cơ cấu thực hiện thu ngân sách trên địa bàn huyện Quảng Ninh giai đoạn 2014-2016**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	2014		2015		2016	
	Số thu	Cơ cấu(%)	Số thu	Cơ cấu(%)	Số thu	Cơ cấu(%)
<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn</b>	95.286	100	93.885	100	116.546	100
A. Các khoản thu cân đối ngân sách	62.748	65,85	70.973	75,60	93.899	80,5
I. Các khoản hưởng 100%	5.873	6,16	11.107	11,83	14.404	12,3
II. Các khoản hưởng tỷ lệ %	56.875	59,69	59.866	63,77	79.495	68,2
B. Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN	32.538	34,15	22.911	24,40	22.647	19,4

*(Nguồn: KBNN huyện Quảng Ninh)*

Qua bảng số liệu trên ta thấy, trong tổng thu ngân sách trên địa bàn huyện thì



nguồn thu trong cân đối ngân sách là nguồn thu chủ yếu, năm thực hiện cao nhất đạt 80,57%. Số thu trong cân đối ngân sách hàng năm có xu hướng tăng dần qua từng năm. Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước giảm dần qua từng năm, trong đó giảm mạnh nhất vào năm 2016 vì nguồn thu viện trợ không có định và nguồn thu phạt an toàn giao thông (ATGT) được đưa vào cân đối ngân sách. Trong các khoản thu cân đối ngân sách thì các khoản hưởng tỷ lệ % chiếm tỷ trọng cao qua các năm 2014, 2015 và 2016 lần lượt là 59,69%; 63,77% và 68,21%.

**Bảng 2.9: Cơ cấu thực hiện thu các khoản hưởng tỷ lệ % trên địa bàn huyện Quảng Ninh giai đoạn 2014-2016**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	2014		2015		2016	
	Số thu	Cơ cấu(%)	Số thu	Cơ cấu(%)	Số thu	Cơ cấu(%)
<b>Các khoản hưởng tỷ lệ %</b>	<b>56.875</b>	<b>100</b>	<b>59.866</b>	<b>100</b>	<b>79.495</b>	<b>100</b>
1. Lệ phí trước bạ	9.102	16,00	9.906	16,55	11.609	14,60
2. Thuế GTGT	10.932	19,22	13.109	21,90	13.658	17,18
3. Thuế TNDN	998	1,75	857	1,43	1.205	1,52
4. Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	3	0,00	5	0,01
5. Thuế môn bài	776	1,36	810	1,35	809	1,02
6. Thuế tài nguyên	396	0,70	1.410	2,36	920	1,16
7. Thu khác từ thuế	372	0,65	394	0,66	272	0,34
8. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	281	0,49	305	0,51	306	0,39
9. Thu tiền sử dụng đất	31.252	54,95	30.312	50,63	46.355	58,33
10. Tiền thuê mặt đất, mặt nước	1.119	1,967	1.277	2,13	1.679	2,11
11. Thuế thu nhập cá nhân	1.649	2,90	1.485	2,48	2.681	3,37

(Nguồn: KBNN huyện Quảng Ninh)

Qua bảng số liệu trên thấy rằng, các khoản thu chiếm tỷ trọng lớn nhất qua các năm là lệ phí trước bạ, thuế GTGT và thu tiền sử dụng đất. Lệ phí trước bạ và thuế GTGT từ năm 2014 đến năm 2015 tăng lần lượt là từ 16% lên 16,55% và từ





19,22% lên 21,9% trong khi đó tỷ trọng thu tiền sử dụng đất năm 2015 là 50,63% giảm so với năm 2014 là 54,95% nhưng lại tăng vào năm 2016 đạt 58,31%.

Các khoản thu hưởng tỷ lệ % là thước đo, tiêu chuẩn quan trọng bậc nhất đánh giá công tác thu ngân sách của từng địa phương, bởi vì nó phản ánh được quy mô, mức độ sản xuất, kinh doanh của địa phương và nguồn thu này mang tính ổn định, lâu dài cho ngân sách. Bởi vậy, Các khoản thu hưởng tỷ lệ % đã được ngành thuế và các đơn vị thu hết sức quan tâm, nỗ lực phấn đấu quyết liệt. Ngay từ cuối năm trước, các hoạt động rà soát đối tượng nộp thuế đã được khởi động nhằm không để sót diện hộ nộp thuế. Việc xác định doanh số tính thuế, doanh thu... được các tổ, đội thuế thực hiện tích cực. Quá trình tiến hành thu cũng đã triển khai thực hiện bài bản theo quy định của luật quản lý thuế... chính nhờ vậy kết quả đạt được trong thời gian qua tương đối khả quan.

### ***2.2.3. Tình hình quyết toán thu ngân sách nhà nước huyện Quảng Ninh***

Quyết toán NSNN là việc tổng kết, đánh giá việc thực hiện ngân sách và chính sách tài chính ngân sách của quốc gia cũng như xem xét trách nhiệm pháp lý của các cơ quan nhà nước khi sử dụng nguồn lực tài chính quốc gia để thực hiện các chức năng nhiệm vụ của nhà nước trong một thời gian nhất định, được cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn.

Quyết toán thu NSNN là một trong hai khâu quan trọng của công tác quyết toán ngân sách, nó giúp các nhà lãnh đạo nắm bắt được nguồn thu để chủ động cân đối các nhiệm vụ chi của ngân sách cùng cấp. Hàng tháng, phòng Tài chính - Kế hoạch huyện sẽ phối hợp với Chi cục Thuế huyện, Kho bạc nhà nước huyện để đối chiếu số liệu, kiểm tra tính chính xác của việc hạch toán các khoản thu theo mục lục ngân sách nhà nước để điều chỉnh kịp thời khi có sai sót. Cuối năm, phòng Tài chính

- Kế hoạch huyện sẽ tổng hợp báo cáo quyết toán thu ngân sách để trình HĐND huyện phê chuẩn. Sau khi HĐND huyện ban hành Nghị quyết phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương, phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.



**Bảng 2.10: Tình hình quyết toán thu ngân sách trên địa bàn  
huyện Quảng Ninh giai đoạn 2014 - 2016**

*Đơn vị tính: Triệu  
đồng*

Chỉ tiêu	2014	2015	2016
<b>Tổng thu ngân sách trên địa bàn (I+II)</b>	84.915	75.750	82.500
1. Dự toán	95.286	93.885	116.546
2. Thực hiện	112,21	123,94	141,27
3. Tỷ lệ thực hiện/Dự toán (%)			
<b>A. Thu cân đối ngân sách</b>			
1. Dự toán	72.915	63.750	59.640
2. Thực hiện	62.748	70.973	93.899
3. Tỷ lệ thực hiện/Dự toán (%)	86,06	111,33	157,44
<b>I. Các kho ảnh hưởng 100%</b>			
1. Dự toán	6.825	9.975	9.150
2. Thực hiện	5.873	11.107	14.404
3. Tỷ lệ thực hiện/Dự toán (%)	86,05	111,34	157,42
<b>II. Các kho ảnh hưởng tỷ lệ %</b>			
1. Dự toán	66.090	53.775	50.490
2. Thực hiện	56.875	59.866	79.495
3. Tỷ lệ thực hiện/Dự toán (%)	86,06	111,33	157,45
<b>B. Các kho ảnh thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN</b>			
1. Dự toán	12.000	12.000	22.860
2. Thực hiện	32.538	22.911	22.647
3. Tỷ lệ thực hiện/Dự toán (%)	271,15	190,93	99,07

---

*(Nguồn: KBNN huyện Quảng Ninh)*

Theo bảng số liệu trên, từ năm 2014 đến 2016, thực hiện thu ngân sách luôn vượt kế hoạch đề ra. Năm 2014 thu ngân sách đạt 112,21% kế hoạch đề ra, năm 2015 tỷ lệ này là 123,94%, và năm 2016 là 141,27%.

Tỷ lệ thực hiện so với dự toán số thu trong cân đối ngân sách tăng mạnh qua các năm, năm 2014 chỉ đạt 86,06% nhưng đến năm 2016 đạt đến 157,44%. Thực hiện theo dự toán được giao, thì các khoản thu như lệ phí trước bạ, thu tiền sử dụng đất, thuế giá trị gia tăng... luôn là những khoản thu chiếm tỷ lệ cao nhất.

**Bảng 2.11: Tình hình quyết toán một số khoản hưởng tỷ lệ % trên địa bàn huyện Quảng Ninh giai đoạn 2014 - 2016**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: Triệu đồng		
	2014	2015	2016
<b>1. Lệ phí trước bạ</b>			
1. Dự toán	7.500	8.250	8.700
2. Thực hiện	9.102	9.906	11.609
3. Tỷ lệ thực hiện/Dự toán (%)	121	120	133
<b>2. Thuế GTGT</b>			
1. Dự toán	10.380	11.835	12.080
2. Thực hiện	10.932	13.109	13.658
3. Tỷ lệ thực hiện/Dự toán (%)	105	111	113
<b>3. Thuế TNDN</b>			
1. Dự toán	450	675	705
2. Thực hiện	998	857	1.205
3. Tỷ lệ thực hiện/Dự toán (%)	222	127	171
<b>4. Thuế tài nguyên</b>			
1. Dự toán	396	1.410	920
2. Thực hiện	880	376	82
3. Tỷ lệ thực hiện/Dự toán (%)	45	375	1.125
<b>5. Thu tiền sử dụng đất</b>			
1. Dự toán			
2. Thực hiện			

	45.000	30.000	24.750
3. Tỷ lệ thực hiện/Dự toán (%)	31.252	30.312	46.355
	69	101	187

(Nguồn: KBNN huyện Quảng Ninh)

- Lệ phí trước bạ: Lệ phí trước bạ là khoản thu tăng dần đều và vượt dự toán đề ra qua các năm, năm 2014 đạt 121%, năm 2016 đạt đến 133%. Những năm gần đây, do đời sống của người dân được nâng cao, đồng thời các ngân hàng mở rộng cho vay tiêu dùng nên số lượng ô tô, xe máy tiêu thụ lớn, nhờ đó mà lệ phí trước bạ ô tô, xe máy tăng. Mặt khác, Chi cục Thuế đã phối hợp với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, các phòng ban liên quan tổ chức việc tiếp nhận hồ sơ, tính thuế và tổ chức thu nộp lệ phí trước bạ nhà đất nên đã hoàn thành dự toán.

- Thuế giá trị gia tăng: Thuế giá trị gia tăng có số thu tăng vượt dự toán qua các năm nhưng với tốc độ thấp, năm 2014 đạt 105%, năm 2015 là 111% và năm 2016 là 113%. Sở dĩ thu thuế giá trị gia vượt qua các năm là do các doanh nghiệp trên địa bàn kinh doanh có hiệu quả hơn, và các hộ kinh doanh nhất là dịch vụ ăn uống, xây dựng tư nhân hoạt động ngày càng nhiều.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế thu nhập doanh nghiệp là sắc thuế có số thu không ổn định. Năm 2014 đạt đến 222% nhưng năm 2015 giảm xuống còn 127% và tăng lên 171% năm 2016.

- Thuế tài nguyên : Thuế tài nguyên có tốc độ tăng trưởng bình quân cao nhất là 880%. Năm 2014 nguồn thu này tăng đột biến là do UBND tỉnh cấp phép khai thác các mỏ khoáng sản trên địa bàn xã Vạn Ninh và Trường Xuân. Các doanh nghiệp khi khai thác khoáng sản phải nộp thuế tài nguyên và điều tiết số thu về cho ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, xã.

- Thu cấp quyền sử dụng đất: Tỷ lệ phân chia khoản thu này thực hiện theo quy định: Thu tiền cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn xã thuộc huyện thì Quỹ phát triển đất tỉnh hưởng 30%, NS xã hưởng 70%, trên địa bàn thị trấn thuộc huyện thì Quỹ phát triển đất tỉnh hưởng 30%, NS tỉnh hưởng 10%, NS huyện hưởng 40%, NS thị trấn hưởng 20%.

Thu về cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện có xu hướng ngày càng tăng, nếu như năm 2014 số thu chỉ đạt thấp 69% dự toán thì đến năm 2016 đã đạt 187% dự toán. Có được kết quả đó là do UBND huyện đã chỉ đạo các phòng chuyên môn, UBND các xã, thị trấn chuẩn bị công tác quy hoạch, trích đo phân lô, định giá





khởi điểm để triển khai kịp thời công tác đấu giá thu cấp quyền sử dụng đất nhằm phát huy lợi thế nguồn tài nguyên đất đai của địa phương tăng nguồn thu cho ngân sách. Bên cạnh đó, UBND huyện đã có chủ trương giao ngang giá khởi điểm quyền sử dụng đất đối với các lô đất đấu giá không thành và không có người đấu giá ở khu dân cư thị trấn Quán Hàu, vì thế UBND huyện đã hoàn ứng quỹ đất tỉnh và ghi thu ghi chi tiền đất theo quy định.

#### **2.2.4. Quy trình quản lý thu ngân sách huyện Quảng Ninh giai đoạn 2014-2016**

Theo thông tư 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn quy trình tổ chức phối hợp thu ngân sách nhà nước giữa Kho bạc nhà nước – Tổng cục thuế - Hải quan – Tài chính, các địa phương trên cả nước phải thực hiện thu NSNN theo quy trình trên phù hợp với điều kiện cơ sở hạ tầng, cơ cấu tổ chức, trình độ công nghệ thông tin... của từng địa phương. Đối với huyện Quảng Ninh là huyện đang phát triển, trong những năm vừa qua, cơ sở hạ tầng được đầu tư phát triển mạnh đồng bộ trên mọi lĩnh vực. Cơ sở vật chất kỹ thuật của các cơ sở tài chính trên địa bàn như Kho bạc nhà nước, hệ thống ngân hàng, hải quan, thuế,... được chú trọng đầu tư nhằm phục vụ cho công tác quản lý NSNN. Vì vậy, trong giai đoạn 2014 – 2016, công tác quản lý thu NSNN đã đạt được những kết quả tốt và theo chiều hướng tích cực như thu NSNN qua các năm luôn vượt dự toán, tốc độ tăng thu NSNN ổn định qua các năm... Đạt được kết quả như vậy, là nhờ vào quy trình quản lý thu NSNN được tổ chức hợp lý, phù hợp với điều kiện nguồn nhân lực, vật lực của hệ thống quản lý NSNN.

Xuất phát từ mục đích hạn chế thời gian làm thủ tục cho người nộp thuế, từ đó quy trình, hệ thống công nghệ thông tin cũng làm tiết kiệm thời gian cho các cơ quan tham gia phối hợp thu. Có thể nhận thấy rằng, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Quảng Ninh ngày càng tăng lên về số lượng và chất lượng, sai sót ngày càng được giảm thiểu đáng kể.

Kết quả thực hiện thu NSN thu NSNN qua các cơ quan thu trên địa bàn huyện Quảng Ninh được thể hiện ở bảng sau:



**Bảng 2.12: Tình hình thực hiện thu NSNN qua các cơ quan thu trên địa bàn huyện Quảng Ninh giai đoạn 2014 – 2016**

Chỉ tiêu	2014		2015		2016		So sánh (%)			
	Số	Số tiền	Số	Số tiền	Số	Số tiền	2015/2014		2016/2015	
	món	(triệu đồng)	món	(triệu đồng)	món	(triệu đồng)	Số món	Số tiền	Số món	Số tiền
<b>Thu trong cân đối NS</b>	19.506	62.748	21.023	70.973	25.240	93.899	107,78	113,11	120,06	132,06
<b>Thu qua KBNN</b>	912	14.418	1.058	15.031	1.137	18.537	116,01	104,25	107,47	123,06
<b>Thu qua NHTM</b>	8.458	40.741	9.496	46.994	13.830	67.206	112,27	115,35	145,64	143,06
<b>Thu qua CC Thuế</b>	10.136	7.589	10.469	8.948	10.273	8.156	103,29	117,91	98,13	91,06

*Nguồn: KBNN Quảng Ninh*

Qua bảng số liệu trên thấy rằng, việc thực hiện thu NSNN thông qua ngân hàng và KBNN ngày càng tăng lên, đồng thời số tiền thu được cũng tăng theo hằng năm. KBNN giờ đây đóng vai trò là người tiếp nhận cuối cùng nguồn thu từ ngân hàng phối hợp để hạch toán vào ngân sách nhà nước bằng chương trình thu NSNN, đồng thời gửi các thông tin nhận được cho cơ quan thuế làm cơ sở đối chiếu số liệu. Chi cục thuế Quảng Ninh trong vai trò thu ngoài không đáng kể, chủ yếu là các khoản thu nhỏ, chủ yếu thực hiện chức năng tiếp nhận kê khai thuế cho người nộp chứ không kiêm luôn cả 2 vai trò như trước đây.

Quản lý thu NSNN trên địa bàn huyện Quảng Ninh được thực hiện theo quy trình sau:

#### *2.2.4.1. Thu qua Kho bạc nhà nước (KBNN)*

Dưới đây là phương pháp nộp phổ biến đang áp dụng, đang khuyến khích đối với một số đối tượng kinh doanh nhỏ, không có tài khoản ở ngân hàng trên địa bàn

huyện Quảng Ninh.

### a. Thu bằng chuyển khoản qua KBNN

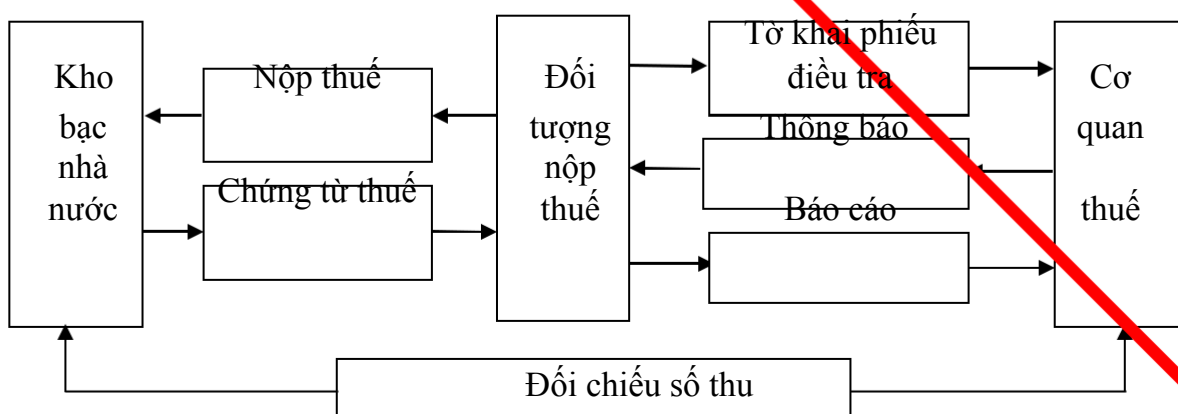
Trên địa bàn huyện Quảng Ninh KBNN đã tham gia hệ thống thông tin thu nộp thuế.

- Người nộp thuế lập bảng kê nộp thuế (*mẫu 01/BKNT kèm theo*) chuyển cho KBNN nơi mở tài khoản. Căn cứ bảng kê nộp thuế, KBNN thực hiện trích tài khoản tiền gửi của người nộp thuế để thu NSNN; đồng thời, in 2 liên giấy nộp tiền vào

+ Liên 1: làm chứng từ ghi Nợ tài khoản tiền gửi của người nộp thuế; đồng thời, hạch toán thu NSNN và lưu tại KBNN cùng với bảng kê nộp thuế;

+ Liên 2: gửi cho người nộp thuế;

- Cuối ngày hoặc theo định kỳ, KBNN truyền dữ liệu về số thuế đã thu vào hệ thống cơ sở dữ liệu thu, nộp thuế; đồng thời, in 2 liên Bảng kê chứng từ nộp ngân sách (*mẫu 04/BK-CTNNS kèm theo*) và chuyển cho cơ quan thu trực tiếp quản lý người nộp thuế 1 liên bảng kê, 1 liên lưu tại KBNN để làm căn cứ theo dõi, đối chiếu.



Nguồn: Kho bạc nhà nước

### Sơ đồ 2.1. Quy trình nộp thuế trực tiếp qua Kho bạc Nhà nước b. Thu bằng tiền mặt qua KBNN:

\* Thu bằng giấy nộp tiền vào NSNN:



Người nộp thuế lập bảng kê nộp thuế gửi KBNN; căn cứ bảng kê của người nộp thuế, KBNN nhập thông tin vào chương trình máy tính, in 2 liên giấy nộp tiền vào NSNN và làm thủ tục thu tiền, hạch toán thu NSNN và xử lý các liên giấy nộp tiền:

Liên 1: làm chứng từ hạch toán thu NSNN;

Liên 2: gửi người nộp thuế;

\* *Thu bằng biên lai thu:*

- KBNN được sử dụng các loại biên lai không in mệnh giá, biên lai 1 ập và in từ chương trình máy tính để thu một số khoản phí, lệ phí, tiền phạt. Khi người nộp thuế đến nộp tiền mặt, KBNN lập biên lai thu để thu tiền từ người nộp;

- Mẫu biên lai, số liên biên lai và quy trình luân chuyển các liên biên lai thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính, cụ thể :

+ Đối với các loại biên lai thu phạt do cơ quan thuế phát hành có 4 liên thì các liên được xử lý: 1 liên 1 ưu tại KBNN, 1 liên gửi người nộp, 1 liên gửi cơ quan ra quyết định xử phạt, 1 liên lưu cuống để quyết toán biên lai;

+ Đối với các loại biên lai thu phí, lệ phí do cơ quan thuế phát hành có 3 liên, thì các liên được xử lý: 1 liên 1 ưu tại KBNN, 1 liên gửi người nộp, 1 liên lưu cuống để quyết toán biên lai;

- Cuối ngày hoặc theo định kỳ (không quá 2 ngày), KBNN 1 ập 2 liên bảng kê biên lai thu (*mẫu 02/BK-BLT kèm theo*) và xử lý:

KBNN căn cứ bảng kê biên lai thu để nhập thông tin vào chương trình máy tính và in 1 liên giấy nộp tiền vào NSNN để làm chứng từ hạch toán thu NSNN và lưu cùng với 1 liên bảng kê biên lai và các liên biên lai; KBNN truy cập dữ liệu vào cơ sở dữ liệu thu nộp thuế và gửi 1 liên bảng kê biên lai thu cho cơ quan thu trực tiếp quản lý người nộp thuế.

#### 2.2.4.2. Thu qua hệ thống ngân hàng:

Trên địa bàn huyện Quảng Ninh, hệ thống ngân hàng đã tham gia vào quá trình thu NSNN tuy quy mô chưa tương xứng nhưng đã phần nào đáp ứng nhu cầu nộp NSNN, góp phần giải quyết chia sẻ nhiệm vụ của kho bạc nhà nước.

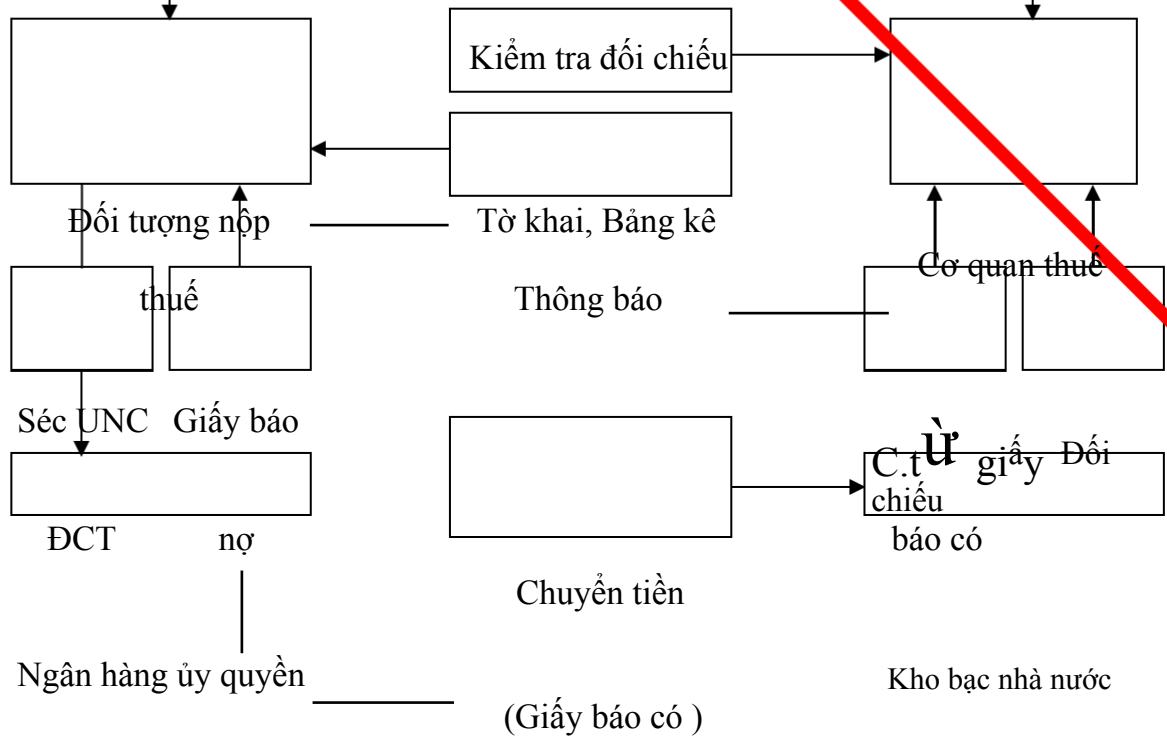




Sau đây là quy trình nộp tiền qua hệ thống ngân hàng được sử dụng phổ biến trên địa bàn huyện Quảng Ninh.

1. Đối tượng nộp thuế nộp tờ kê khai
2. Cơ quan thuế ra thông báo thuế
3. Đối tượng nộp thuế cắt tiền trả ngân hàng ( séc, ủy nhiệm, chi, điện chuyển tiền )
4. Ngân hàng thông báo số tiền đã chuyển đi (Giấy báo nợ)
5. Tiền đang thực hiện chuyển về kho bạc ( thông qua hệ thống ngân hàng)
6. Kho bạc nhận tiền (thông báo cho ngân hàng)
7. Gửi chứng từ cho cơ quan thuế (cùng cấp)
8. Nghiệp vụ đối chiếu định kỳ.

Đây là phương pháp phổ biến, tiên tiến, nhanh gọn, đảm bảo tính chính xác, tránh được một số tình trạng tiêu cực. Tuy nhiên, nộp thuế theo phương pháp này chỉ áp dụng với các cơ sở có tài khoản mở tại ngân hàng.



Nguồn: Kho bạc nhà nước

**Sơ đồ 2.2. Quy trình nộp thuế qua ngân hàng**



### ***Thu bằng chuyển khoản qua ngân hàng:***

\* Thu tại ngân hàng:

- Cơ quan thu truyền dữ liệu về người nộp thuế cho ngân hàng;
- Người nộp thuế lập bảng kê nộp thuế gửi ngân hàng nơi mở tài khoản

(trường hợp nộp thuế xuất khẩu, nhập khẩu thì lập riêng bảng kê nộp thuế cho mỗi tờ khai hải quan); ngân hàng nhập dữ liệu vào chương trình máy tính, làm thủ tục trích tài khoản của người nộp thuế; đồng thời, in 2 liên giấy nộp tiền vào NSNN và

xử lý:

+ 1 liên làm căn cứ hạch toán và lưu cùng với bảng kê nộp thuế;

+ 1 liên trả cho người nộp thuế. Ngân hàng phải ký và đóng dấu lên chứng từ trả cho người nộp thuế để chứng minh việc nộp tiền đã hoàn thành;

- Ngân hàng làm thủ tục chuyển tiền vào tài khoản của KBNN mở tại ngân hàng ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là vào đầu của ngày làm việc hôm sau; đồng thời, truyền đầy đủ dữ liệu thu nộp thuế theo đúng định dạng quy định vào cơ sở dữ liệu thu ngân sách;

- Trên cơ sở dữ liệu thu NSNN do ngân hàng chuyển đến, mỗi ngày, KBNN truyền dữ liệu thu NSNN vào cơ sở dữ liệu thu NSNN; đồng thời, in 01 liên bảng kê chứng từ nộp ngân sách lưu tại KBNN.

\* Hình thức thu qua máy rút tiền tự động (ATM) trên địa bàn huyện Quảng Ninh hiện tại chưa đưa vào áp dụng.

Một số quy định về tính pháp lý của giấy nộp tiền:

- Trường hợp nộp thuế trực tiếp tại KBNN: kế toán thu ngân sách của KBNN ký tên trên chứng từ nộp tiền và đóng dấu “Kế toán KBNN” hoặc dấu của điểm giao dịch KBNN. Kế toán trưởng KBNN chịu trách nhiệm kiểm soát, đối chiếu các liên

giấy nộp tiền và ký trên Bảng kê giấy nộp tiền vào NSNN (*mẫu CI-06/NS kèm theo*) do các điểm giao dịch ngoài trụ sở KBNN lập; đồng thời, kiểm soát và ký trên Bảng kê chứng từ nộp ngân sách (*mẫu 04/BK-CTNNS kèm theo*);



- Trường hợp người nộp thuế trích tiền trên tài kho ản mở tại KBNN để nộp thuế thì trên giấy nộp tiền vào NSNN phải có chữ ký của kế toán trưởng KBNN và dấu “Kế toán KBNN”;

- Đối với giấy nộp tiền vào NSNN chuyển đổi từ chứng từ điện tử: trường hợp cơ quan thu đã tham gia hệ thống thông tin thu n ộp thuế cần có một liên giấy nộp tiền để lưu hồ sơ nộp thuế, hồ sơ hoàn trả thuế, hoặc cấp lại cho người nộp thuế trong trường hợp thất lạc, thì căn cứ vào dữ liệu thu nộp thuế và bảng kê chứng từ nộp ngân sách do KBNN chuyển đến, lập Giấy nộp tiền vào NSNN chuyển đổi từ chứng từ điện tử (*mẫu CI-09/NS kèm theo*);

- Trường hợp người nộp thuế nộp tiền qua ngân hàng và cần chứng từ để chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ nộp NSNN thì trên chứng từ nộp tiền phải có chữ

ký và dấu của ngân hàng. Cụ thể:

+ Người nộp thuế nộp tiền mặt hoặc trích tài khoản để nộp tiền tại các điểm giao dịch của ngân hàng nơi không có con dấu, thì người nộp tiền phải đến trụ sở ngân hàng cùng hệ thống nơi có con dấu để đề nghị ngân hàng xác nhận và đóng dấu trên giấy nộp tiền vào NSNN;

#### *2.2.4.3. Thu bằng tiền mặt qua cơ quan thu*

Các cơ quan thu khi thu tiền mặt trực tiếp từ người nộp phải sử dụng biên lai, sau đó nộp toàn bộ số tiền đã thu vào KBNN.

##### *a. Quy trình thu tại cơ quan thu:*

\* Đối với biên lai thu không in mệnh giá:

Cơ quan thu, cơ quan được ủy nhiệm thu (sau đây gọi chung là cơ quan thu) dùng biên lai không in mệnh giá để trực tiếp thu tiền từ người nộp thuế. Khi người nộp thuế đến nộp tiền, cơ quan thu thực hiện thu tiền, viết biên lai và xử lý:

\* Đối với các loại biên lai thu phạt có 4 liên thì các liên được xử lý: 1 liên lưu tại cơ quan thu, 1 liên trả lại người nộp, 1 liên gửi cơ quan ra quyết định xử phạt, 1 liên lưu cuống để quyết toán biên lai;



+ Đối với các loại biên lai thu phí, lệ phí có 3 liên, thì các liên được xử lý: 1 liên lưu tại cơ quan thu, 1 liên trả lại người nộp, 1 liên lưu cuống để quyết toán biên lai.

*b. Đối với biên lai thu in sẵn mệnh giá:*

- Biên lai in sẵn mệnh giá được sử dụng trong trường hợp thu phạt vi phạm hành chính và một số khoản thu phí, lệ phí khác, do cơ quan trực tiếp xử lý vi phạm hành chính, cơ quan thu sử dụng để thu tiền mặt trực tiếp từ người nộp;

- Khi người nộp thuế đến nộp tiền, cơ quan thu ghi đầy đủ, chính xác các nội dung theo quy định lên 2 liên biên lai; sau đó, giao cho người nộp 1 liên, 1 liên lưu tại cơ quan thu.

*c. Đối với biên lai thu in từ chương trình máy tính:*

- Biên lai thu in từ chương trình máy tính được sử dụng cho các cơ quan thu được cấp có thẩm quyền cho phép dùng chương trình phần mềm để quản lý vi phạm thu, nộp tiền bằng biên lai, in biên lai, in bảng kê biên lai thay cho vi phạm quản lý trên sổ và viết tay trên các liên biên lai;

- Biên lai thu in từ chương trình máy tính gồm 2 loại:

+ Biên lai in sẵn số tiền phải thu, được áp dụng đối với các khoản phải thu (thuế, phí, lệ phí) có tính chất thường xuyên, tương đối ổn định và được cơ quan thu xác định trước khi thu tiền. Cơ quan thu in và giao 2 liên biên lai cho cán bộ để thu tiền trực tiếp từ người nộp và xử lý: 1 liên trả cho người nộp, 1 liên lưu tại cơ quan thu;

+ Biên lai thu không in sẵn số tiền phải thu, được áp dụng cho các khoản nộp thuế, phí, lệ phí, thu phạt không thường xuyên và cơ quan thu không xác định trước được. Khi người nộp thuế đến nộp tiền, cơ quan thu thực hiện thu tiền và nhập dữ liệu vào chương trình máy tính để in 2 liên biên lai: 1 liên lưu và 1 liên trả cho người nộp thuế. Trường hợp thu phạt thì cơ quan thu in 3 liên biên lai: 1 liên lưu, 1 liên trả cho người nộp, 1 liên gửi cơ quan ra quyết định xử phạt;





- Cơ quan nhận ủy nhiệm thu có trách nhiệm chuyển dữ liệu thu theo biên lai, đúng định dạng, mẫu biểu quy định cho cơ quan ủy nhiệm thu để tổng hợp, theo dõi, quản lý.

#### 2.2.4.4. Quy trình nộp tiền vào KBNN

- Cuối kỳ hoặc định kỳ, cơ quan thu lập bảng kê biên lai thu (mẫu 02/BK-BLT hoặc mẫu 03/BK - BLMG đối với biên lai thu in sẵn mệnh giá); căn cứ bảng kê biên lai, cơ quan thu lập bảng kê nộp thuế, hoặc lập giấy nộp tiền vào NSNN (tại các KBNN chưa tham gia hệ thống thông tin thu nộp thuế) và nộp toàn bộ số tiền đã thu vào KBNN.

Đối với các cơ quan nhận ủy nhiệm thu thì phải lập 2 liên bảng kê biên lai thu: 1 liên lưu tại cơ quan nhận ủy nhiệm thu, 1 liên gửi cơ quan ủy nhiệm thu để theo dõi, kiểm tra, đối chiếu;

- Cơ quan thu và KBNN đồng cấp thông nhất quy định kỳ hạn nộp tiền vào KBNN (hàng ngày hoặc chậm nhất sau 5 ngày kể từ ngày thu, tùy theo doanh số thu và điều kiện địa bàn cụ thể);

- Cơ quan thu phải nộp tiền tại trụ sở KBNN hoặc ngân hàng nơi KBNN mở tài khoản. Trường hợp điểm giao dịch ngoài trụ sở KBNN đặt tại cơ quan thu và cơ quan thu đề nghị nộp tiền trực tiếp tại điểm giao dịch, thì Giám đốc BNN tỉnh, thành phố căn cứ vào điều kiện cụ thể, xem xét cho phép điểm giao dịch của KBNN được nhận tiền từ cơ quan thu, đảm bảo an toàn, kịp thời;

- KBNN làm thủ tục thu tiền, hạch toán thu NSNN và xử lý các liên giấy nộp tiền như trường hợp thu tiền mặt trực tiếp vào KBNN.

- Đối với các khoản thu phạt vi phạm hành chính mà số tiền thu phạt phải nộp vào tài khoản tạm thu, tạm giữ trước khi nộp vào NSNN, thì cơ quan thu lập bảng kê biên lai và giấy nộp tiền vào NSNN, trong đó ghi rõ nộp vào tài khoản tạm thu, tạm giữ; KBNN làm thủ tục thu tiền và hạch toán vào tài khoản tạm thu, tạm giữ theo quy định hiện hành;

- Định kỳ, cơ quan sử dụng biên lai quyết toán biên lai thu với cơ quan cấp biên lai, đảm bảo khớp đúng giữa số biên lai đã sử dụng, số biên lai hủy, số còn lại



chưa sử dụng, số tiền đã thu và nộp vào NSNN, đối chiếu giữa bảng kê biên lai và các liên giấy nộp tiền vào NSNN.

### ***2.2.5. Công tác thanh tra, kiểm tra về thu ngân sách huyện Quảng Ninh***

#### ***2.2.5.1. Việc quản lý thu thuế nội địa tại cơ quan thuế***

Trong những năm qua công tác thanh tra, kiểm tra đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trở thành công cụ hữu hiệu để chống thất thu ngân sách và răn đe các hành vi vi phạm về thuế. Công tác quản lý thu tại Chi cục thuế ở một số lĩnh vực chủ yếu nhìn chung đã thực hiện theo chế độ quy định, đúng quy trình của ngành; hồ sơ lưu trữ đầy đủ, công tác lập bộ, chấm bộ, quản lý các sắc thuế như: Thu ngoài quốc doanh, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, tiền cấp quyền sử dụng đất, tiền thuê mặt đất, mặt nước... cơ bản đã thực hiện theo quy định của các Luật thuế. Tuy nhiên việc theo dõi nợ thuế còn thiếu sót, số nợ thuế vẫn còn rất lớn.

#### ***2.2.5.2. Việc tuân thủ luật và chế độ thu tại các đối tượng nộp thuế***

Việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN của các đơn vị doanh nghiệp ngoài quốc doanh cơ bản nộp và quyết toán thuế theo đúng quy định của Luật thuế. Tuy nhiên một số doanh nghiệp kê khai thiếu doanh thu, hạch toán chi phí hợp lý không đúng chế độ như thuế tài nguyên, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp...

### ***2.2.6. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trên địa bàn trong quản lý thu ngân sách***

Trong những năm qua, công tác tổ chức quản lý thu NSNN trên địa bàn huyện Quảng Ninh đã đạt những kết quả tích cực; các cơ quan liên quan phối hợp phân chia quyền hạn hợp lý, không chồng chéo lẫn nhau. Bên cạnh đó còn nhiều bất cập trong việc thực hiện chỉ tiêu thu NSNN, một phần nguyên nhân là do sự phân công trách nhiệm chưa rõ ràng, dẫn tới đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan quản lý thu NSNN trên địa bàn. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Quảng Ninh trong quản lý thu ngân sách cụ thể như sau:

#### ***2.2.6.1. Cơ quan thu:***

- Lập kế hoạch thu: căn cứ nhiệm vụ thu cả năm được giao, nhiệm vụ thu hàng quý do cơ quan thu cấp trên thông báo, số kê khai thuế và dự kiến các khoản



phải nộp NSNN, cơ quan thu (nơi trực tiếp quản lý người nộp thuế) lập kế hoạch thu thuộc phạm vi quản lý, chi tiết theo từng địa bàn, loại hình doanh nghiệp, hộ kinh doanh..., thời hạn nộp, phân loại theo hình thức nộp tại cơ quan thu hoặc nộp trực tiếp vào KBNN (hoặc qua ngân hàng). Định kỳ hàng quý, cơ quan thu lập kế hoạch thu quý (có chia ra tháng), gửi KBNN đồng cấp để lập kế hoạch phối hợp tổ chức thu ngân sách. Thời gian gửi kế hoạch thu hàng quý do các cơ quan thu và KBNN thống nhất quy định tùy theo điều kiện cụ thể tại từng địa bàn;

- Tổ chức thu, nộp:

+ Căn cứ vào tờ khai thuế do người nộp thuế lập, cơ quan thu kiểm tra, xác định số thuế phải nộp NSNN chi tiết theo các yếu tố: tên người nộp, mã số thuế, số nợ thuế của kỳ trước, số tiền thuế phải truy thu, số thuế phát sinh phải nộp trong kỳ, số tiền phạt (nếu có); tổng số thuế phải nộp, hạn nộp, địa điểm nộp (điểm giao dịch, trụ sở KBNN hoặc cơ quan thu) và mã mục lục NSNN;

+ Theo dõi, quản lý, đôn đốc người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ nộp NSNN.

Hướng dẫn việc lập giấy nộp tiền vào NSNN cho người nộp thuế;

+ Phối hợp với KBNN, ngân hàng đã ký kết thỏa thuận về thu ngân sách, thống nhất phân định người nộp thuế đến nộp thuế tại cơ quan thu hoặc nộp thuế trực tiếp vào KBNN (hoặc ngân hàng); bố trí và thông báo lịch thu tại các điểm thu hợp lý, tránh tập trung quá lớn vào một số ngày trong tháng, gây khó khăn trong

việc tổ chức thu;

+ Trực tiếp tổ chức thu ngân sách đối với những đối tượng được phân công và nộp đầy đủ, kịp thời vào KBNN theo qui định hiện hành;

+ Quyết định các trường hợp tạm thu, gửi KBNN làm căn cứ hạch toán kế toán; quyết định xử lý các khoản tạm thu, tạm giữ theo chế độ quy định;

+ Tổ chức kế toán thu, kiểm tra, đối chiếu số liệu thu ngân sách với KBNN. Phối hợp với KBNN và người nộp thuế xác định đúng mục lục NSNN trong trường hợp người nộp ghi sai mục lục NSNN;

+ Kiểm tra và giải quyết các khiếu nại về thu nộp NSNN; quyết định xử phạt các hành vi vi phạm chế độ thu nộp NSNN theo quy định của pháp luật;



- Tổ chức việc nhận chứng từ thu tại KBNN thường xuyên hàng ngày;
- Kiểm tra hồ sơ đề nghị hoàn trả thuế của người nộp thuế, làm thủ tục hoàn trả các khoản thu cho người được hoàn trả kịp thời theo quy định;
- Quản trị và đảm bảo hệ thống thông tin hoạt động liên tục phục vụ cho việc trao đổi thông tin. Cập nhật kịp thời thông tin thu NSNN do đơn vị mình quản lý vào cơ sở dữ liệu thu NSNN, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng hệ thống truyền dữ liệu, khai thác, bảo mật thông tin;
- Cơ quan thu gửi bản đăng ký mẫu dấu, chữ ký cho KBNN nơi thực hiện hoàn trả để đối chiếu trong lần đầu ra quyết định hoàn thuế tại KBNN đó, trường hợp có thay đổi mẫu dấu, chữ ký thì gửi bản đăng ký mẫu dấu, chữ ký mới.

#### 2.2.6.2. Kho bạc Nhà nước:

- Tổ chức thu ngân sách:
  - + Trên cơ sở kế hoạch thu ngân sách hàng quý, năm, lịch thu do cơ quan thu gửi đến, KBNN tổ chức các điểm thu, bảo đảm tu nhanh, an toàn các khoản thu NSNN, thuận tiện cho người nộp thuế. Thực hiện in và quản lý chứng từ thu qua KBNN theo đúng quy định;
  - + Tập trung các khoản thu NSNN và phân chia các khoản thu theo đúng tỷ lệ phần trăm (%) đối với từng khoản thu cho ngân sách các cấp theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;
  - + Phối hợp đối chiếu số liệu thu NSNN với các cơ quan thu bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời;
  - + Hàng ngày, KBNN tập hợp các liên chứng từ thu NSNN (tiền mặt và chuyển khoản) và lập bảng kê chứng từ thu phân theo cơ quan thu, gửi cho cơ quan thu liên quan để đối chiếu, theo dõi, quản lý; truyền dữ liệu về thu NSNN vào cơ sở dữ liệu thu, nộp thuế theo quy định;
  - + Định kỳ theo chế độ, KBNN báo cáo kế toán thu NSNN, tổng hợp kết quả thu NSNN trên địa bàn gửi KBNN cấp trên và cơ quan thu đồng cấp;

+ Trường hợp phát hiện chứng từ thu NSNN chưa chính xác (về người nộp thuế, mục lục NSNN...), KBNN thực hiện tạm thu ngân sách (theo mục tạm thu



chưa đưa vào cân đối ngân sách), đồng thời, thông báo cho cơ quan thu để xử lý; khi có xác nhận của cơ quan thu, KBNN chuyển từ mục tạm thu vào thu NSNN;

+ KBNN nơi người nộp thuế mở tài khoản có trách nhiệm trích tài khoản tiền gửi của người nộp thuế theo lệnh thu của cơ quan thu để nộp NSNN theo quy định tại Điều 114 Luật Quản lý thuế và Điều 46 Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003;

+ Xác nhận số liệu thu ngân sách theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc của người nộp thuế (khi có yêu cầu của cơ quan thu);

- Thực hiện hoàn trả các khoản thu NSNN theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

- KBNN phối hợp xây dựng hệ thống truyền dữ liệu đảm bảo tính bảo mật và an toàn để sử dụng dữ liệu điện tử thay cho báo cáo bằng giấy. Phối hợp với cơ quan tài chính đảm bảo hệ thống thông tin hoạt động liên tục phục vụ cho việc trao đổi thông tin.

#### *2.2.6.3. Chi cục Tin học và Thống kê tài chính:*

- Đảm bảo cơ sở hạ tầng mạng, máy chủ phục vụ cho trao đổi thông tin; đồng thời, duy trì hệ thống kết nối thường xuyên từ Trung tâm trao đổi tại trung ương tới các đơn vị trong ngành tài chính thực hiện thu NSNN;

- Phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi và xử lý quá trình trao đổi thông tin qua Trung tâm trao đổi tại trung ương. Quản lý danh mục dùng chung phục vụ cho hệ thống thông tin hoạt động liên tục phục vụ cho việc trao đổi thông tin.

#### *2.2.6.4. Cơ quan tài chính:*

Cơ quan tài chính tham gia quy trình hiện đại hóa thu NSNN là Sở Tài chính, Phòng Tài chính và cơ quan tài chính cấp xã. Các cơ quan này có trách nhiệm:

- Phối hợp với cơ quan thu, KBNN trong việc thu và quản lý các khoản thu NSNN; đôn đốc các đối tượng thuộc phạm vi quản lý nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thu NSNN vào KBNN;



- Phối hợp với KBNN đảm bảo hạch toán đầy đủ, chính xác, đúng mục lục NSNN và tỷ lệ phân chia cho ngân sách các cấp; rà soát, đối chiếu các khoản thu ngân sách do cơ quan tài chính trực tiếp quản lý;

- Thẩm định báo cáo quyết toán thu NSNN của ngân sách cấp dưới; tổng hợp và lập báo cáo quyết toán thu NSNN thuộc phạm vi quản lý theo chế độ quy định;

#### *2.2.6.5. Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ nộp NSNN:*

- Khai và nộp đầy đủ các khoản phải nộp NSNN theo đúng chế độ; thực hiện đúng quy trình, thủ tục nộp NSNN, lập chứng từ nộp tiền đầy đủ nội dung, theo đúng mẫu và số liên quy định; phối hợp với các cơ quan liên quan xử lý các vấn đề phát sinh đến khoản nộp NSNN;

- Có quy định khiếu nại các vấn đề vi phạm chế độ thu nộp NSNN của các cơ quan chức năng;

- Có quy định đề nghị cơ quan thu làm thủ tục hoàn trả các khoản thu theo quy định.

#### *2.2.6.6. Ngân hàng nơi người nộp thuế mở tài khoản:*

- Ngân hàng có trách nhiệm lập chứng từ đầy đủ nội dung thông tin do người nộp thuế cung cấp, theo đúng nội dung, mẫu biểu do Bộ Tài chính quy định; trích tiền trên tài khoản theo yêu cầu của người nộp thuế để chuyển tiền vào tài khoản của KBNN để nộp NSNN và gửi chứng từ cho KBNN ngay trong ngày làm việc, hoặc chậm nhất vào đầu giờ của ngày làm việc tiếp theo;

- Thực hiện trích tài khoản tiền gửi của người nộp thuế theo lệnh thu của cơ quan thu để nộp NSNN (hoặc nộp vào tài khoản tạm thu, tạm giữ của cơ quan thu đối với các khoản được phép hạch toán vào tài khoản tạm thu, tạm giữ trước khi nộp NSNN).

- Tổ chức hướng dẫn người nộp, thực hiện thu tiền từ người nộp thuế thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác vào tài khoản của KBNN; tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán cho người nộp thuế nộp tiền vào tài khoản của KBNN thuận tiện, nhanh chóng theo thỏa thuận giữa hệ thống KBNN và ngân hàng.



## **2.3. Đánh giá thực trạng công tác quản lý thu ngân sách nhà nước tại huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình**

### ***2.3.1. Kết quả đạt được***

Trong công tác quản lý NSNN những năm qua, huyện Quảng Ninh đã đạt được những kết quả khả quan, thu ngân sách hàng năm đều cao hơn năm trước, tốc độ tăng thu cao và đều qua các năm. Thu ngân sách đã góp phần to lớn trong đảm bảo nguồn lực về tài chính để huyện thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ về KT-XH đã đề ra, cụ thể như sau:

Trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2016, công tác quản lý ngân sách xã hội có nhiều chuyển biến tích cực: kỷ luật tài chính được tăng cường, sự công khai, minh bạch và phân định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong quản lý, điều hành NS cùng với việc thực hiện những chế tài nghiêm minh, từng bước làm lành mạnh hoá tài chính cấp cơ sở, gia tăng hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng và góp phần ổn định an ninh - trật tự ở địa phương.

Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách địa phương đã là cơ sở cho chính quyền cấp xã chủ động nguồn tài chính, tích cực khai thác nguồn thu để đáp ứng cho các nhiệm vụ chi.

Công tác quản lý thu ngân sách được chặt chẽ và hiệu quả hơn; mọi khoản thu được phân bổ và phản ánh qua Kho bạc nhà nước; UBND huyện điều hành, quản lý ngân sách theo dự toán và theo các quy định, tiêu chuẩn, định mức, từ đó giúp hạn chế và ngăn ngừa những biểu hiện tiêu cực.

Chính quyền địa phương đã nhận thức được về trách nhiệm và quyền hạn của mình trong việc quản lý, điều hành ngân sách như một cấp NS hoàn chỉnh theo luật NSNN.

Lập dự toán đã thực hiện đúng theo các yêu cầu, các quy định của nhà nước. Trong công tác lập dự toán, phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị, các địa phương trực thuộc đã có đánh giá thực trạng kinh tế, các nguồn thu cho ngân sách theo từng địa bàn, từng nội dung thu. Quyết toán thu đảm bảo đúng theo các quy định của nhà nước về trình tự thủ tục, thời gian quyết toán.



UBND các cấp, ngành Thuế, hàng năm giao chỉ tiêu thu nhanh chóng cho các đơn vị cấp dưới để các đơn vị này có cơ sở xây dựng kế hoạch, phương án thu ngay từ đầu năm đảm bảo thực hiện tốt trong nội dung quản lý được giao và góp phần đảm bảo số thu cho ngân sách.

Chính quyền địa phương đã có sự chỉ đạo các cấp, các ngành trong quản lý thu ngân sách ở địa phương, tổ chức hội nghị để tăng cường phối hợp giữa các ngành trong thực hiện ngân sách. Đã có sự phân công cụ thể nhiệm vụ, trách nhiệm cho các ngành, các đơn vị trong quản lý thu ngân sách để đảm bảo có sự quản lý các nội dung thu thống nhất và tránh chồng chéo giữa các ngành, các cấp.

Công khai quy trình thu nộp ngân sách, hướng dẫn tận tình cho khách hàng về các nội dung thủ tục nộp ngân sách đảm bảo thuận tiện và nhanh chóng cho các đơn vị quản lý lẫn đối tượng nộp. Triển khai thực hiện thành công Đề án hiện đại hóa thu NSNN được triển khai giữa ba ngành Thuế, Hải quan và Kho bạc đảm bảo đồng bộ về số liệu, nhanh chóng về thông tin, chính xác trong thực hiện quản lý các đối tượng nộp cũng như số tiền nộp vào ngân sách. Thực hiện ủy nhiệm thu qua các ngân hàng thương mại trên địa bàn đảm bảo tập trung nguồn thu, chuyên nghiệp hóa trong thu.

Đội ngũ làm công tác thu đã được củng cố, tăng cường, chất lượng về năng lực và phẩm chất đạo đức ngày càng được nâng lên, để đáp ứng được các yêu cầu quản lý thu ngày càng đổi mới.

Thực hiện công tác thanh tra và kiểm tra định kỳ và đột xuất để phát hiện các sai phạm về thuế nhằm xử lý và có các biện pháp đổi mới trong quản lý đảm bảo ngăn chặn các hành vi này không để tái diễn và phát triển.

Chi cục Thuế và các ngành có liên quan thường xuyên tham mưu với chính quyền địa phương các cấp để có sự chỉ đạo từ chính quyền địa phương trong công tác thu, tăng cường các nghiệp vụ thu, đề ra các biện pháp thu nhằm hoàn thành được chỉ tiêu về dự toán đã đặt ra, tập trung các biện pháp chống thất thu do chưa bao quát hết nguồn thu, do gian lận thương mại, do không chấp hành các quy định về thuế, nợ thuế, trốn thuế.





### **2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân**

#### **2.3.2.1. Những hạn chế:**

Bên cạnh những kết quả đạt được, quản lý thu NSNN của huyện Quảng Ninh trong thời gian qua còn có nhiều hạn chế cụ thể đó là:

*Thứ nhất, cơ cấu thu ngân sách còn nhiều bất cập chưa mang tính bền vững cho ngân sách.*

Cơ cấu thu ngân sách trên địa bàn: Thu nội địa chiếm tỷ trọng lớn (chiếm 100%) làm cho tính chủ động trong nguồn thu tổng thể của ngân sách trên địa bàn huyện tăng lên tuy nhiên điều đó lại không thể hiện được sự thu hút và phát triển nguồn thu.

Cơ cấu thu nội địa: Thu tiền cấp quyền sử dụng đất chiếm tỷ trọng khá lớn, trên 25% trong thu nội địa. Đây là nguồn thu không phải được trích từ giá trị gia tăng của hoạt động sản xuất kinh doanh của địa phương, đơn thuần là thu từ việc nhà nước bán quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế. Nguồn thu này tuy đóng góp lớn cho số thu ngân sách hàng năm nhưng cần phải được xác định là nguồn thu trước mắt để đảm bảo các nhiệm vụ chi cấp thiết vì đây là nguồn thu không bền vững do quỹ đất có hạn.

*Thứ hai, thất thu thuế còn lớn và xảy ra trong nhiều nội dung thu cho ngân sách đặc biệt là thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.*

Thất thu ngân sách hàng năm còn lớn và đặc biệt đối với các khoản thu từ thuế thu nhập cá nhân, thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh. Nguyên nhân một phần do công tác quản lý và phần lớn từ phía các đối tượng nộp thuế cụ thể:

Đối với thu thuế từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: Các loại thuế được thu từ các loại hình doanh nghiệp (DN) ngoài quốc doanh, các hộ cá thể sản xuất kinh doanh. Thất thu thuế từ các DN ngoài quốc doanh cao. Các DN sử dụng nhiều hình thức, thủ đoạn làm giảm lợi nhuận từ đó giảm thuế thu nhập phải nộp. Công tác quản lý việc kê khai đối với các DN còn chưa khoa học, nhiều DN khai báo không cụ thể, chính xác làm thất thu thuế trong thu thuế thu nhập DN. Các doanh nghiệp còn có thủ đoạn mua bán hóa đơn, khai khống chứng từ, lập hồ sơ giả để



hưởng các khoản hoàn thuế. Thất thu thuế đối với các hộ kinh doanh cá thể tập trung vào các nội dung: các hộ kinh doanh cố tình không khai báo, cơ quan quản lý không thông kê hết dẫn đến thất thu do sót hộ; các đối tượng kinh doanh nhỏ, dịch vụ ăn uống, hàng khách sạn, cho thuê văn phòng hầu hết mới chỉ kê khai doanh thu thể hiện trên hóa đơn bán hàng, doanh thu bán lẻ hầu như không kê khai và nếu có kê khai thì cũng rất thấp do đó thất thu về doanh thu tính thuế; thất thu đối với thuế khoán ổn định do định mức khoán chưa điều chỉnh kịp thời để bắt kịp với sự tăng trưởng về giá cả, sức mua, quy mô của hộ sản xuất kinh doanh khi hết thời gian ổn định khoán.

Đối với thuế thu nhập cá nhân: chỉ mới quản lý được thu nhập cá nhân đối với các đối tượng hưởng lương từ NSNN, đối với các đơn vị DN nhà nước còn đối với các đối tượng khác hầu hết chưa kiểm soát được thu nhập cá nhân để thực hiện đánh thuế, thất thu thuế do không quản lý được đối tượng có nghĩa vụ nộp thuế.

*Thứ ba, nợ thuế cao và tăng nhanh, nhiều khoản nợ không thu hồi được ảnh hưởng đến công tác quản lý thu, tính nghiêm minh của pháp luật và thất thu cho NSNN*

Tình trạng nợ thuế vẫn còn chiếm tỷ lệ cao vì khâu xử lý chưa kiên quyết. Sự phối hợp giữa các phòng ban, đơn vị và UBND các xã, phường chưa chặt chẽ để xử lý những hộ có số nợ thuế nhiều tháng. Công tác kiểm tra xử lý chưa chú trọng nhiều đến việc kiểm tra các hộ ghi chép sổ sách kế toán như: kiểm tra chứng từ đầu vào đầu ra, việc ghi chép hoá đơn, kê khai, nộp thuế nhằm phát hiện các hành vi gian lận trốn thuế để kịp thời xử lý.

Thu ngân sách hàng năm tuy đạt và vượt dự toán nhưng một số khoản thu không ổn định, các khoản thu khác ngân sách giao cho các xã thu còn xảy ra tình trạng thất thu.

*Thứ tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa khuyến khích được phát triển sản xuất để bồi đắp, tạo mới nguồn thu cho ngân sách, tỷ lệ đóng góp vào ngân sách so với GDP còn thấp*



Cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ tuy nhiên quá trình chuyển dịch còn chậm.

Công nghiệp và xây dựng: công nghiệp hoá nông thôn phát triển chậm, cơ sở hạ tầng phục vụ cho công nghiệp còn hạn chế, trình độ sản xuất công nghiệp còn thấp, sản phẩm phần nhiều là sơ chế nên giá trị gia tăng không cao; thiếu các dự án đầu tư lớn; thiếu đội ngũ quản lý và công nhân kỹ thuật lành nghề, sản phẩm công nghiệp chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

Nông, lâm, ngư nghiệp: kinh tế nông thôn chuyển dịch chưa rõ nét và thiển cận, tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp sản trong cơ cấu kinh tế tỉnh còn khá cao; sản xuất lương thực vẫn đóng vai trò chủ yếu. Sản xuất nông nghiệp chủ yếu tập trung dưới hình thức hộ gia đình, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, trình độ khoa học công nghệ trong nhiều lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp còn hạn chế nên năng suất chất lượng sản phẩm chưa cao, sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa còn hạn chế.

Thương mại, dịch vụ: hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển chưa mạnh so với tiềm năng, thiếu ổn định. Chất lượng hàng hóa, dịch vụ còn hạn chế, thị trường nông thôn miền núi, vùng sâu, vùng xa chưa được mở rộng.

*Thứ năm, tập trung các khoản thu chưa kịp thời vào ngân sách để đáp ứng nhu cầu chi tiêu của địa phương*

Một trong những yêu cầu của công tác quản lý thu ngân sách là tập trung nhanh chóng, kịp thời các khoản thu vào ngân sách. Thực trạng hiện nay số thu vào ngân sách chỉ được dồn đống thu tập trung vào các tháng cuối năm để đạt và vượt kế hoạch được giao. Các khoản thu tập trung vào cuối năm làm ảnh hưởng đến các nhu cầu chi tiêu của địa phương trong đó đặc biệt là các khoản chi thiết yếu các khoản chi trọng điểm. Thu, chi ngân sách tập trung vào các tháng cuối năm, chính hạn chế về thời gian làm ảnh hưởng đến hiệu quả của cả công tác quản lý ngân sách, đặc biệt là chi ngân sách.

*Thứ sáu, quyết toán chậm và còn mang tính hình thức, chưa đảm bảo được ý nghĩa của công tác quyết toán, báo cáo quyết toán chưa được đánh giá tốt để rút ra các kinh nghiệm cho tổ chức thu các năm tiếp theo*



Quyết toán ngân sách còn ch ậm do việc đối chiếu, điều chỉnh số liệu giữa các đơn vị liên quan đến công tác qu ản lý thu ngân sách. Công tác đánh giá lại tổ chức thu qua các số liệu về quyết toán thu còn xem nh ẹ chỉ mới được đánh giá một cách chung chu g, chưa đánh giá cụ thể vào các n ội dung thu, các nguyên nhân làm tăng, giảm thu hàng năm và biện pháp khắc phục vì thế khó có th ể rút ra được các kinh nghiệm và có hướ ng tổ chức tốt hơn công tác thu của những năm sau này.

Việc thẩm tra báo cáo quy ết toán của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND hiện nay thì chỉ là những nhận định m ạng tính chủ quan, phụ thuộc vào số liệu do UBND báo cáo. Trong khi đó, kiểm toán nhà nước về ngân sách không được tiến hành thường xuyên và thường công b ố kết quả sau khi HĐND tỉnh phê chuẩn quyết toán.

Việc công b ố số liệu thu ngân sách cho xã h ội, đặc biệt cho đối tượng đã có nghĩa vụ đóng góp vào ngân sách chưa thực ệ n tốt, do đó chưa thể có các thông tin phản hồi từ xã hội cho công tác qu ản lý thu của địa phương.

#### 2.3.2.2 Nguyên nhân của những hạn chế

Trình độ phát triển kinh tế tại địa phương còn th ấp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghi ệp - nông nghi ệp - dịch vụ còn ch ậm; nông nghi ệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn, sản xuất công nghi ệp chưa có chiều sâu, thương mại và dịch vụ còn nh ỏ lẻ làm ảnh hưởng đến thu ngân sách hàng năm..

Về phân cấp ngân sách giữa trung ương và địa phương đối với thu phạt an toàn giao thông, phạt vi phạm hành chính (hiện nay trung ương hưởng 70%), là một nguồn thu chiếm tỷ trọng lớn trong thu ngân sách trên địa bàn huyện, chưa khuyến khích địa phương tập trung vào công tác thu và đặc biệt là công tác chống buôn l ậu, gian lận thương mại gây thất thu lớn cho ngân sách nhà nước hàng năm.

Các chế tài về quản lý các kho ản thu cho ngân sách mà đặc biệt là các chế tài về thuế chưa đủ sức răn đe việc vi phạm pháp luật nhà nước về thu, nộp ngân sách. Các chế tài mang nặng tính hình thức, chưa đánh mạnh vào lợi ích về kinh tế, lợi ích mà các đối tượng trốn thuế thường quan tâm. Chưa có quy định cụ thể để xóa nợ do đó nợ đọng kéo dài và thêm vào đó là việc tính tăng thêm tiền phạt nộp chậm





thuế dẫn đến số nợ ngày càng tăng. Bên cạnh đó chi phí cho công tác quản lý và thu hồi các khoản nợ này ngày càng lớn làm giảm hiệu quả trong công tác quản lý thu.

Hệ thống thuế đã được cải cách nhưng vẫn còn nhiều điểm chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa dự báo được những biến động, thay đổi của quá trình phát triển. Chưa thực sự đảm bảo công bằng về nghĩa vụ thuế do còn nhiều lồng ghép với các chính sách xã hội, còn nhiều ưu chế độ miễn thuế, giảm thuế làm giảm tính trung lập của thuế và dễ nảy sinh những tiêu cực trong quản lý.

Chưa có quy định về trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương, các ngành có liên quan trong quản lý thu thuế, vẫn còn có tư tưởng công tác quản lý thu thuế chỉ là nhiệm vụ của ngành thuế.

Công tác dự báo các nguồn thu còn hạn chế, chưa thực sự đánh giá hết được các nguồn thu, trong lập dự toán tại các cấp địa phương vẫn còn tình trạng giấu nguồn thu, vẫn còn mang tư tưởng ỷ lại vào nguồn bổ sung từ ngân sách cấp trên do đó lập dự toán không sát với thực tế thu và thấp hơn nhiều so với số thu được hàng năm.

Trong công tác tổ chức thu thuế còn có nhiều nguyên nhân gây thất thu lớn từ thuế cho ngân sách hàng năm cụ thể: cơ quan quản lý thu thuế chưa thống kê hết các đối tượng có nghĩa vụ nộp thuế đặc biệt là các hộ kinh doanh nhỏ lẻ trên địa bàn; các biện pháp chống việc các doanh nghiệp làm giả sổ sách kế toán nhằm trốn thuế chưa hiệu quả; công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại, khai khống chứng từ, lập hồ sơ giả để hưởng các khoản hoàn thuế còn yếu; chưa có biện pháp chống việc mua bán hóa đơn.

Phân công nhiệm vụ đơn đốc thu nợ thuế chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp, bộ phận thanh tra, kiểm tra thuế, kê khai và kế toán thuế chưa phối hợp hiệu quả với bộ phận quản lý nợ. Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nợ không được đào tạo bài bản, còn thiếu, còn yếu về cả số lượng, chất lượng và chưa được bố trí đầy đủ, kịp thời. Các biện pháp xử lý nợ thuế chưa phát huy hiệu quả. Do đó, công tác thu hồi nợ chưa thực sự có hiệu quả, các khoản nợ thuế tăng nhanh và chưa



được xử lý triệt để gây khó khăn cho các cơ quan quản lý đối với các khoản nợ thuế.

Sự chỉ đạo tập trung của chính quyền các cấp, sự phối hợp giữa các cơ quan trong bộ máy công quyền còn hạn chế ảnh hưởng đến công tác phối kết hợp quản lý thu và gây ra một số khó khăn cụ thể: khó quản lý được quá trình thanh toán, thu nhập của các đối tượng chịu thuế làm cho việc tính toán ra số thuế phải nộp của các đối tượng chịu thuế là chưa chính xác và đầy đủ; phòng chống buôn lậu và gian lận thương mại chưa đạt hiệu quả, trong các nguồn thu vào ngân sách chi âm.

Chưa có các biện pháp cụ thể để bồi dưỡng nguồn thu, chính sách thu hút đầu tư phát triển kinh tế, chính sách chuyển đổi cơ cấu thu ngân sách theo hướng bền vững trong điều kiện đòi hỏi cho chi ngân sách ngày càng cao.

Công tác tuyên truyền, giải thích, giáo dục chính sách thuế rộng rãi để các đối tượng nộp thuế biết, hiểu rõ và tự giác tuân thủ các quy định của nhà nước về nghĩa vụ nộp vào NSNN chưa được coi trọng đúng mức. Các cơ quan quản lý thu chưa thực sự coi người nộp thuế như một khách hàng, còn gây phiền hà và tạo tâm lý không thiện cảm đối với người nộp thuế.

Trình độ nhận thức của xã hội, của người dân về nghĩa vụ nộp thuế còn thấp, ý thức chấp hành pháp luật về thuế còn thấp, đại đa số bộ phận dân cư và các doanh nghiệp chưa hiểu rõ bản chất của thuế và vẫn xem đây là một gánh nặng của họ vì

thế các đối tượng nộp thuế luôn luôn tìm cách trốn thuế, lậu thuế, chây ì trong nộp thuế, chưa phê phán mạnh mẽ, chưa hỗ trợ cho cơ quan nhà nước quản lý về thuế để xử lý đối với các trường hợp vi phạm.

- Các doanh nghiệp, các hộ sản xuất kinh doanh không có ý thức khai báo hoạt động của mình hoặc có khai báo nhưng không đúng thực tế, một số doanh nghiệp ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không làm thủ tục phá sản, giải thể theo luật định.



## CHƯƠNG 3

### MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ THU NGÂN SÁCH HUYỆN QUẢNG NINH THỜI GIAN TỚI

#### 3.1. Mục tiêu, phương hướng hoàn thiện quản lý thu ngân sách huyện Quảng Ninh

##### 3.1.1. Yêu cầu khách quan của việc hoàn thiện quản lý thu ngân sách huyện Quảng Ninh

Trong những năm qua, cùng với công cuộc quản lý NSNN nói chung, công cuộc quản lý thu NSNN trên địa bàn huyện Quảng Ninh đã có những tiến bộ đáng kể trên phương diện hoạch định chính sách, tổ chức bộ máy, đào tạo đội ngũ cán bộ cũng như xác lập quy trình thu NSNN.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác quản lý thu NSNN ở huyện Quảng Ninh cũng còn nhiều vấn đề cần yêu cầu được tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện trong bối cảnh hiện nay. Có thể xem xét ở khía cạnh sau:

- Về mặt kinh tế: Trong khi mà đất nước đã bước vào thời kỳ mới, thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa, phấn đấu đưa nước ta đến năm 2020 trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đối với huyện Quảng Ninh, một trong những yếu tố quan trọng quyết định thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa vốn, vốn cho nhà nước và doanh nghiệp. Thu NSNN là một trong những công cụ tác động đến nguồn cung ứng vốn. Để thu NSNN một cách hiệu quả cung cấp cho phát triển kinh tế xã hội không thể không đề cập đến vấn đề tăng cường quản lý thu NSNN. Mặt khác, để thực hiện thành công mục tiêu phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2015 – 2020 thì công cuộc quản lý thu NSNN là vấn đề quan trọng; công tác quản lý thu NSNN thì không đáp ứng được chi NSNN là rào cản trong phát triển kinh tế, an sinh xã hội...

- Về mặt xã hội: Thu NSNN là vấn đề khá nhạy cảm với vấn đề dân chủ nhân dân. Khi trình độ dân trí ngày càng được nâng cao, thì quyền đánh thuế của Chính quyền không thể thực thi một cách tùy tiện chủ quan. Do đó việc yêu cầu nghiên



cứu hoàn thiện công tác quản lý thu NSNN tại huyện Quảng Ninh cần phải nghiên cứu cẩn thận...

Tóm lại, trong những năm vừa qua, tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Quảng Ninh và các chủ trương chính sách quản lý NSNN đã có những biến đổi rõ rệt cả tích cực lẫn tiêu cực. Chính những biến đổi đó đòi hỏi công tác quản lý thu NSNN cần phải tiếp tục hoàn thiện nhằm làm cho thu NSNN thích ứng với điều kiện mới và có tác động tích cực đối với hoạt động kinh tế - xã hội của huyện.

### ***3.1.2. Mục tiêu quản lý thu ngân sách huyện Quảng Ninh đến năm 2020***

Quá trình phát triển đi lên của huyện Quảng Ninh trong những năm tới đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý thu NSNN của huyện. Quản lý thu ngân sách phải góp phần tạo ra sự ổn định về kinh tế - xã hội trên địa bàn tạo lập, phân phối và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, mở rộng đầu tư để thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển KT - XH của huyện đến năm 2020.

Mục tiêu quản lý thu NSNN của huyện Quảng Ninh trong thời gian tới có thể khái quát ở các điểm sau :

- *Thứ nhất*, tiếp tục thực hiện các giải pháp, chính sách tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và các cơ sở kinh doanh, hộ cá thể, thúc đẩy sản xuất kinh doanh; huy động tối đa các nguồn lực tài chính nhằm phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm nghèo, thực hiện tốt chính sách đảm bảo an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới.

- *Thứ hai*, huy động tối đa các nguồn thu ngân sách Nhà nước, động viên các ngành địa phương phân đấu tăng thu, thu đúng và thu kịp thời các khoản thu vào NSNN theo các quy định của Luật thuế và chế độ thu nộp của Nhà nước. Tích cực thu nợ đọng thuế, thực hiện tốt kế hoạch thu tiền sử dụng đất, phấn đấu hoàn thành dự toán thu ngân sách.

- *Thứ ba*, rà soát lại nguồn thu ở các địa phương xã, thị trấn, tích cực thu ở các lĩnh vực ngành nghề khác để có điều kiện bù đắp phần giảm thu do thực hiện





chính sách miễn, giảm, giãn thời hạn nộp thuế, tăng cường kiểm tra việc kê khai, quyết toán thuế, thực hiện các biện pháp để chống thất thu NSNN.

- *Thứ tư*, tiếp tục thực hiện Nghị quyết 11/NQ-CP của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội; â cao hiệu quả sử dụng ngân sách Nhà nước, hạn chế chi tiêu công, sắp xếp bố trí sử dụng kinh phí ngân sách tiết kiệm, đảm bảo cân đối thu chi ngân sách.

- *Thứ năm*, tăng cường công tác kiểm tra quản lý lĩnh vực giá, phí, lệ phí, tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

### ***3.1.3. Phương hướng hoàn thiện quản lý thu ngân sách huyện Quảng Ninh đến năm 2020***

Nhiệm vụ của chính sách thu Ngân sách là vừa phải chi cho nhu cầu công tác quản lý Nhà nước, vừa phải trở thành công cụ điều tiết kinh tế xã hội của địa phương. Muốn vậy, một mặt phải đảm bảo nguyên tắc thiết thực, hiệu quả trong thu ngân sách; mặt khác phải hướng ngân sách vào việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của nền kinh tế xã hội là tăng trưởng kinh tế và xoá đói giảm nghèo. Để thực hiện vấn đề này trong những năm tới, cần hoàn thiện công tác quản lý thu ngân sách theo phương hướng sau:

- *Thứ nhất*, khai thác, quản lý nguồn thu một cách chặt chẽ nhưng đồng thời phải tạo điều kiện để khuyến khích các thành phần kinh tế hoạt động trên địa bàn huyện mở rộng SXKD, bên cạnh đó cần động viên hợp lý ở mức cao nhất nguồn thu vào ngân sách để đảm bảo nguồn lực tài chính thực hiện các chiến lược phát triển KT-XH, đảm bảo hoạt động của bộ máy nhà nước, đồng thời tạo động lực để các thành phần kinh tế đầu tư phát triển SXKD. Vấn đề quan trọng nhất trong quản lý nguồn thu ở huyện hiện nay và sắp đến là thu làm sao để đảm bảo công bằng, khuyến khích sản xuất phát triển. Không phải nguồn thu trên địa bàn huyện tăng lên bao nhiêu phần trăm so với kế hoạch đề ra là lý tưởng mà quan trọng hơn là tăng



cường quản lý thu thuế nhưng SXKD trên địa bàn huyện vẫn phát triển đó mới là hiệu quả của quản lý thu NSNN.

- *Thứ hai*, đa dạng hóa nguồn thu tạo ra sự đóng góp của các thành phần kinh tế trên địa bàn làm cho nguồn thu ngày càng tăng lên, đảm bảo ổn định lâu dài. Khắc phục tình trạng hiện nay chỉ tập trung quản lý thu vào các lĩnh vực chủ yếu, chưa quan tâm đến các lĩnh vực liên quan khác. Đồng thời phải mở rộng nguồn thu trên địa bàn trên cơ sở chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách phù hợp.

- *Thứ ba*, nâng cao hiệu quả các khoản thu ngân sách, bố trí thu thường xuyên ở mức hợp lý, nhằm cung cấp đầu tư phát triển để thực hiện thắng lợi các mục tiêu KT-XH mà huyện đặt ra. Coi trọng hiệu quả các khoản thu ngân sách, xác định các nội dung trọng tâm thu cần thiết. Tạo điều kiện môi trường cho sản xuất phát triển, rút ngắn khoảng cách giữa người giàu người nghèo, phát triển kinh tế đi đôi với công bằng xã hội là quan trọng nhất.

- *Thứ tư*, hoàn thiện công tác quản lý thu ngân sách phải đi liền với hoàn thiện bộ máy, tăng cường chức năng, quyền hạn của bộ máy quản lý thu ngân sách, nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý ngân sách.

### **3.2. Giải pháp hoàn thiện quản lý thu ngân sách huyện Quảng Ninh thời gian tới**

#### **3.2.1. Xây dựng kế hoạch thu hợp lý**

Thuế là nguồn thu chủ yếu của NSNN nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế xã hội của Nhà nước. Hàng năm Nhà nước phải tiến hành xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thuế. Kế hoạch thuế xét về mặt lý luận là dự kiến quá trình phân phối và tổ chức huy động một bộ phận GDP của xã hội cho NSNN thông qua nộp thuế. Xét về mặt thực tiễn, công tác thu, chi ngân sách của huyện phải phù hợp với điều kiện, đặc trưng và đặc điểm của từng địa phương, ngành nghề trên địa bàn huyện. Do vậy, việc xây dựng kế hoạch thu NSNN từ thuế là hết sức cần thiết. Xây dựng kế hoạch không hợp lý (cao hay thấp) có tác động và ảnh hưởng không những cho người nộp thuế mà còn ảnh hưởng gây tâm lý không tốt cho ngành thuế, đặc biệt là cán bộ trực tiếp thu thuế.



Đứng trên quan điểm quản lý chỉ đạo, ngành thuế là cơ quan hết sức quan trọng trong việc tham mưu giúp UBND huyện xây dựng và hoàn thiện công tác xây dựng và giao kế hoạch thu NSNN từ thuế trên địa bàn.

- UBND huyện phải chỉ đạo cơ quan thuế lên kế hoạch cụ thể thu NSNN từ thuế trên cơ sở kế hoạch được giao hàng năm trên địa bàn huyện. Chỉ đạo các phòng, ban có liên quan, đặc biệt là phòng Tài chính- kế hoạch hỗ trợ phối hợp chặt chẽ với Chi cục thuế trong việc xây dựng kế hoạch.

- Việc xây dựng và giao kế hoạch thu NSNN từ thuế cần coi trọng khảo sát thực tế tình hình cơ sở, nắm chính xác xu hướng, tình hình mở rộng quy mô kinh doanh và số lượng cơ sở kinh doanh biến động trong năm kế hoạch ở mọi ngành nghề, mọi lĩnh vực. Coi trọng việc xác định được các nhân tố ngoại cảnh ảnh hưởng đến việc kinh doanh, thu nộp thuế của người nộp thuế.

- Chi cục thuế của huyện chỉ đạo cán bộ thuế các đội có trách nhiệm nắm bắt, cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin liên quan đến việc lập kế hoạch và đưa ra những số liệu xác thực để chứng minh.

- Việc phân bổ kế hoạch và giao kế hoạch, phải được cân nhắc một cách kỹ lưỡng, tính toán phải khoa học, căn cứ tình hình thực thu và tình hình biến động trong từng thời kỳ.

### ***3.2.2. Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế***

UBND phải đóng vai trò chủ đạo trong việc thực hiện công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế. Công tác này lâu nay đã được tiến hành nhưng hiệu quả vẫn còn thấp, chưa đi vào chiều sâu, còn nặng về phổ biến các quy định của chính sách thuế mới, phương thức tuyên truyền còn đơn điệu, cứng nhắc, chưa thường xuyên liên tục và có tính hình thức, chưa áp dụng công nghệ thông tin hiện đại vào công tác này, đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế còn thiếu và yếu. Từ thực tế trên, UBND cùng các cơ quan chức năng cần phải có các giải pháp hợp lý như:

- Thành lập tổ tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế do Chi cục thuế làm đầu mối để đẩy mạnh công tác tuyên truyền văn bản pháp luật thuế đến các tổ chức, cá



nhân và hỗ trợ người nộp thuế tháo gỡ các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện các Luật thuế.

- Khảo sát, phân loại từng nhóm người nộp thuế nhằm áp dụng các hình thức tuyên truyền phù hợp, thiết thực và hiệu quả.

- Chú trọng việc xây dựng nội dung tuyên truyền, biên tập các tài liệu tuyên truyền phong phú, đa dạng, dễ hiểu.

- Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế như: Tuyên truyền qua phương tiện thông tin đại chúng với các nội dung phong phú hơn, có thể xây dựng phim tài liệu, các tiểu phẩm hoặc tổ chức các cuộc thi tìm hiểu chính sách, pháp luật về thuế; tuyên truyền thông qua các công cụ trực quan như tranh cổ động, pano áp phích. Thiết kế nội dung về chính sách thuế, các thủ tục hành chính thuế dưới dạng tờ rơi, sổ tay phát miễn phí tại cơ quan thuế, kể cả các trung tâm công cộng nơi người nộp thuế thường giao dịch.

- Thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán, chế độ kế toán cho các doanh nghiệp, đồng thời cung cấp kịp thời những thông tin về chính sách, chế độ thuế cho các doanh nghiệp để chấp hành. Thiết lập đường dây nóng để kịp thời hướng dẫn, giải thích những vướng mắc cho người nộp thuế.

- Phối hợp tốt với các cơ quan thông tin: Đưa tin những tổ chức, cá nhân chấp hành tốt chính sách thuế để biểu dương kịp thời; đồng thời phản ánh cụ thể, chi tiết những tổ chức, cá nhân có những hành vi vi phạm pháp luật thuế nghiêm trọng, vi phạm nhiều lần nhằm cảnh báo, răn đe, tạo sức lan tỏa rộng rãi trong cộng đồng xã hội.

- Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động hỗ trợ người nộp thuế (thông qua Hội tư vấn thuế, các đại lý thuế ...): Hợp tác, hỗ trợ các đại lý thuế thực hiện dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế.

- Xây dựng chương trình, nội dung và tổ chức hội nghị đối thoại, trao đổi chuyên môn hàng quý trong nội bộ cơ quan thuế để nắm bắt, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình quản lý thuế trên địa bàn.





### ***3.2.3. Tăng cường quản lý người nộp thuế***

Đây là một trong những công tác trọng điểm bởi có thực hiện tốt công tác này thì các công tác khác như tính thuế, thu thuế, quản lý nộp thuế, quản lý nợ đọng, thanh tra, kiểm tra mới không gặp khó khăn. Trong thời gian qua trên địa bàn

huyện, công tác quản lý thu nộp thuế đã thực hiện khá tốt công tác quản lý người nộp thuế, nhưng do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan nên vẫn còn có

người nộp thuế thực tế kinh doanh chưa đưa được vào quản lý, do đó tình trạng thất thu còn xảy ra. Để quản lý chặt chẽ, toàn diện hơn nữa người nộp thuế, Chi cục thuế cần thiết phải phối hợp với các ban ngành chức năng rà soát lại tình hình sản xuất kinh doanh của toàn bộ các công ty, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn. Cũng cần quan tâm giám sát người nộp thuế mới thành lập, người nộp thuế nào nghỉ tạm thời, giải thể, phá sản để có kế hoạch quản lý kịp thời, đảm bảo đưa 100% số người nộp thuế thực tế kinh doanh vào diện quản lý thuế, cụ thể:

- Rà soát địa bàn để đưa vào quản lý thuế đối với người nộp thuế mới ra kinh doanh.

- Tăng cường rà soát, nâng cao chất lượng công tác điều tra doanh thu nhằm đảm bảo quản lý doanh thu, mức thuế đúng quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế kinh doanh của người nộp thuế đồng thời đảm bảo ổn định xã hội. Thực hiện phân loại người nộp thuế để kịp thời đưa ra các giải pháp quản lý phù hợp.

- Thực hiện công khai dự kiến doanh thu, mức thuế của người nộp thuế; lập bộ, duyệt bộ trên cơ sở danh sách dự kiến doanh thu, mức thuế, ý kiến phản hồi của người nộp thuế và ý kiến tham vấn của hội đồng tư vấn thuế.

- Kiểm tra 100% người nộp thuế tạm nghỉ kinh doanh trong tháng để kịp thời phát hiện và xử lý sai phạm.

- Cán bộ thuế phải phối hợp chặt chẽ với UBND xã, thị trấn từng bước nắm chắc đầy đủ đặc điểm kinh doanh của từng người nộp thuế trên địa bàn, xác định được chính xác các loại thuế mà người nộp thuế phải nộp để tránh bị thất thu thuế.

- Phát triển công tác hướng dẫn, tuyên truyền chính sách, pháp luật thuế, người nộp thuế càng hiểu biết rộng rãi pháp luật, quy định về kinh doanh và thuế



bao nhiêu càng tạo điều kiện cho cán bộ thuế thực hiện nhiệm vụ của mình một cách dễ dàng bấy nhiêu. Đồng thời, xây dựng mạng lưới cộng tác viên làm chỗ dựa cho việc phối hợp, tổ chức, triển khai thực hiện các luật thuế đem lại kết quả cao hơn. Vận động người nộp thuế thực hiện đăng ký thuế, nộp thuế theo đúng quy định.

- Chi cục thuế phải thường xuyên phát động phong trào thi đua giữa các đội. Thực hiện phân công, phân nhiệm công việc, nhiệm vụ giữa các cán bộ thuế. Mỗi cán bộ chịu trách nhiệm quản lý một địa bàn và phải nắm rõ được những thông tin cần thiết của người nộp thuế và phải gắn trách nhiệm của cán bộ thuế với tình trạng bỏ sót người nộp thuế trên địa bàn mà mình kiểm soát. Tùy theo mức độ hoàn thành công việc được giao mà chi cục cần có chế độ thưởng, phạt hợp lý cho cán bộ để khuyến khích lòng yêu nghề, ý thức trách nhiệm với công việc. Có thể linh hoạt thay đổi vị trí công tác của các cán bộ để hạn chế tình trạng cán bộ chuyên quản, hạn chế phần nào những tiêu cực sẽ phát sinh.

#### ***3.2.4. Tăng cường công tác kiểm tra người nộp thuế trong việc thực hiện nghĩa vụ thu, nộp thuế đối với Nhà nước***

Công tác kiểm tra thuế là công việc quan trọng trong quản lý thuế, và càng quan trọng hơn nữa khi hiện nay nước ta đang thực hiện chính sách mở cửa nền kinh tế. Việc phát sinh nhiều ngành nghề mới tạo nên tính phong phú đa dạng trong kinh doanh, là điều kiện thúc đẩy mọi thành phần kinh tế phát triển, nếu quản lý, khai thác tốt thì nguồn thu từ thuế sẽ ngày càng được mở rộng, đảm bảo thu ngân sách tăng, tuy nhiên, lại nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp và khó khăn. Chính vì vậy, tăng cường công tác quản lý thuế trở thành yêu cầu cấp bách hiện nay. Làm sao thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, chính xác, sát với thực tế kinh doanh của người nộp thuế.

Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, cụ thể như sau:

- Công tác kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế:
  - + Phối hợp đối chiếu, điều chỉnh số liệu thu - nộp NSNN với bộ phận kê khai để tiến hành thực hiện đối chiếu các đơn vị thuộc kế hoạch kiểm tra thuế.
  - + Phối hợp với bộ phận kê khai đơn độc các doanh nghiệp nộp đầy đủ các



loại hồ sơ khai thuế. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế nhằm phát hiện, xử lý các trường hợp kê khai không đúng quy định.

Tập trung trọng điểm vào các doanh nghiệp nằm trong danh sách phải kiểm tra tại cơ quan thuế

+ Sử dụng và khai thác tối đa các ứng dụng, công cụ hỗ trợ trong công tác kiểm tra tại cơ quan thuế để nâng cao chất lượng, đẩy nhanh tiến độ.

- Công tác kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế :

+ Giao chỉ tiêu, nhiệm vụ kiểm tra cho từng đoàn kiểm tra, kết quả phải đảm bảo cả về mặt số lượng người nộp thuế được kiểm tra và số tiền xử lý sau kiểm tra.

+ Thay đổi phương pháp, cách thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả kiểm tra, phân tích rủi ro (tại bàn) theo hướng chi tiết, chuyên sâu hơn: nghiên cứu kỹ hồ sơ của người nộp thuế để tiến hành phân tích nhằm phát hiện sai phạm ngay trên hồ sơ, từ đó đề ra những nội dung cần kiểm tra, rút ngắn thời gian làm việc tại trụ sở người nộp thuế, đồng thời đẩy nhanh tiến độ kiểm tra.

+ Ứng dụng phần mềm hỗ trợ lập hồ sơ kiểm tra, tăng cường ứng dụng tin học đối với công tác kiểm tra. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện đối với công tác kiểm tra và đặc biệt phải giám sát chặt chẽ tiến độ kiểm tra. Kịp thời chấn chỉnh xử lý vi phạm.

+ Định kỳ hàng tháng, quý có tổng hợp, đánh giá, rút kinh nghiệm trong công tác kiểm tra, tổng hợp các hành vi vi phạm, đúc rút kỹ năng kiểm tra, thường xuyên cập nhật hoàn thiện sổ tay thanh kiểm tra.

+ Kiện toàn bộ máy tổ chức và tăng cường chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật đối với cán bộ công chức. Tăng cường công tác tự đào tạo nâng cao trình độ cán bộ làm công tác kiểm tra.

+ Giám sát chặt chẽ việc gửi “Thư ngỏ” của cục thuế đối với người nộp thuế được kiểm tra thuế để nắm bắt kịp thời các thông tin phản ánh từ phía người nộp thuế về tinh thần thái độ của cán bộ kiểm tra thuế.

### ***3.2.5. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát tất cả các ngu ồn thu ngân sách***



Cơ quan thuế trên địa bàn huyện Quảng Ninh cần phối hợp chặt chẽ và hiệu quả đối với các ngành liên quan để tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế, kê khai nộp thuế, tình hình nộp thuế trên địa bàn, để có biện pháp đơn đốc, uốn nắn, tháo gỡ khó khăn kịp thời, xử lý mọi vi phạm nợ đọng tiền thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ các khoản thu phát sinh trên địa bàn huyện Quảng Ninh và các khoản nợ đọng nộp kịp thời vào ngân sách Nhà nước. Thực hiện tốt quy trình kiểm tra các đối tượng nộp thuế, thanh tra nội bộ lập kế hoạch kiểm tra, thanh tra và tiến hành kiểm tra theo kế hoạch đã đề ra trong những năm tới.

Thực hiện kiểm tra, rà soát lại cơ cấu hộ, số lượng hộ kinh doanh nộp thuế khoán ổn định, đảm bảo quản lý đầy đủ 100% số hộ có kinh doanh; định kỳ thực hiện điều chỉnh doanh thu, mức thu thuế bất hợp lý, để đảm bảo phù hợp với tình hình SXKD, doanh thu và biến động giá cả trên thị trường.

Thực hiện kiểm tra, rà soát lại quỹ đất của các tổ chức, các hộ gia đình và các cá nhân được giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để nhằm thực hiện thu các khoản thu liên quan đến đất đai theo đúng mức giá quy định.

Có kế hoạch, biện pháp chống thất thu thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải, nhà nghỉ, xây dựng cơ bản tư nhân và kinh doanh hàng lưu động trên địa bàn huyện. Đối với kinh doanh vận tải tư nhân thường không thu đủ thuế theo số hộ, các đối tượng này do đội thuế các xã, thị trấn quản lý thu. Việc thu đúng, thu đủ thuế của các đối tượng trên thường gặp nhiều khó khăn do các hộ kinh doanh vận tải khi mua bán xe không sang tên, chủ sở hữu mới không không đăng ký nộp thuế, vẫn sử dụng tên chủ cũ để kinh doanh nên cơ quan thuế rất khó quản lý, nhất là chủ xe mới lại khác địa bàn; để quản lý hộ kinh doanh này, đội thuế cần phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng huyện, với chính quyền các phường cần kiểm tra, rà soát và đưa các đối tượng này vào thu thuế; lực lượng cảnh sát giao thông huyện kiểm tra phương tiện vận tải tư nhân ngoài các giấy tờ đảm bảo an toàn giao thông phải kiểm tra chứng từ chứng minh đã nộp thuế đến thì điểm kiểm tra; phòng Tài chính kế hoạch huyện kiểm tra tình hình cấp giấy đăng ký kinh doanh, nếu phát hiện





không đăng ký nộp thuế và hàng tháng không nộp thuế thì thu hồi giấy phép kinh doanh.

Các tổ nhóm, cá nhân hoạt động kinh doanh xây dựng cơ bản có đặc thù hoạt động lưu động, khi nhận được công trình thường không đăng ký với cơ quan thuế, để quản lý được đội thuế cần phối hợp với chính quyền phường thường xuyên kiểm tra các công trình xây dựng tư nhân, phát hiện không có giấy phép xây dựng, kê khai tạm trữ, kê khai thuế cá nhân, nhóm xây dựng phải chỉ đạo ngay thu thuế xây dựng cơ bản tư nhân theo đúng quy định.

Đối với kinh doanh nhà nghỉ, nhà trọ hiện nay thường thất thu về doanh số, để quản lý tốt loại hình kinh doanh này, đội thuế cần phải phối hợp chặt chẽ với công an xã, thị trấn để kiểm tra định kỳ nhà nghỉ, nhà trọ, kiểm tra số khách nghỉ thực tế và đối chiếu với số khách được đăng ký tạm trú, phát hiện không chính xác thì lập biên bản xử lý. Đối với hộ kê khai không đầy đủ doanh số, chi cục thuế ấn định doanh số trên cơ sở phòng nghỉ, đơn giá bình quân phòng và hiệu suất khai thác phòng.

Đối với các hộ kinh doanh nhỏ, lưu động, thời vụ để quản lý tốt việc thu thuế đội thuế cần phối hợp với công an xã, thị trấn, quản lý thị trường để kiểm tra đăng ký tạm trú, ngành nghề hàng kinh doanh, kết hợp kiểm tra vị trí đăng ký nộp thuế.

### ***3.2.6. Hoàn thiện hệ thống thu ngân sách qua Kho Bạc Nhà nước***

Trong xu hướng đổi mới cơ chế quản lý tài chính ngân sách hiện nay, vai trò kiểm soát thu của KBNN giữ một vị trí hết sức quan trọng, là người “gác cửa” các khoản thu ngân sách. Để nâng cao chất lượng công tác kiểm soát thu của KBNN huyện Quảng Ninh trong thời gian tới cần tập trung thực hiện một số biện pháp sau:

Chính quyền huyện cần xây dựng khuôn khổ pháp lý đầy đủ, đồng bộ nhằm tạo môi trường và hành lang cho hoạt động cải cách tài chính công, trong đó có hoạt động Kho bạc Nhà nước theo nguyên tắc khuôn khổ pháp lý phải đi trước một bước để đảm bảo có đủ thời gian vật chất và các điều kiện khác cho việc triển khai thực hiện.



Từng bước hiện đại hoá quản lý thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước trên địa bàn huyện Quảng Ninh theo hướng đơn giản về thủ tục hành chính, giảm thiểu thời gian và thủ tục nộp tiền cho các đối tượng nộp thuế. Ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin điện tử tiên tiến vào quy trình quản lý thu ngân sách nhà nước với các phương thức thu nộp thuế hiện đại, bảo đảm xử lý dữ liệu thu ngân sách nhà nước theo thời gian thực thu.

Đổi mới công tác quản lý, kiểm soát thu qua Kho bạc Nhà nước trên cơ sở xây dựng cơ chế, quy trình quản lý, kiểm soát thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước phù hợp với thông lệ quốc tế để vận hành hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc; thực hiện kiểm soát thu theo nhiệm vụ và chương trình ngân sách; thực hiện phân loại các khoản thu ngân sách nhà nước theo nội dung và giá trị để xây dựng quy trình kiểm soát thu hiệu quả trên nguyên tắc quản lý theo rủi ro; phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan tài chính, cơ quan chủ quản, Kho bạc Nhà nước và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; có chế tài xử phạt hành chính đối với cá nhân, tổ chức sai phạm hành chính về sử dụng ngân sách nhà nước.

Thống nhất quy trình và đầu mối kiểm soát các khoản thu ngân sách nhà nước, bao gồm các khoản thu từ thuế và ngoài thuế, đổi mới công tác thống kê thu quỹ ngân sách nhà nước; xác định rõ nội dung các khoản thu ngân sách nhà nước phù hợp với chuẩn mực quốc tế về kế toán công và thống kê tài chính Chính phủ theo mẫu của IMF.

Đổi mới công tác quản lý ngân quỹ Kho bạc Nhà nước nhằm quản lý ngân quỹ Kho bạc Nhà nước an toàn và hiệu quả; thực hiện mô hình thanh toán tập trung theo hướng Kho bạc Nhà nước mở tài khoản thanh toán tập trung tại các ngân hàng trên địa bàn để quản lý tập trung ngân quỹ của toàn hệ thống Kho bạc Nhà nước; phát triển hệ thống các công cụ phục vụ công tác quản lý ngân quỹ.

Cần thực hiện tốt vai trò quản lý nợ thông qua kế toán đầy đủ, toàn diện qua Kho bạc Nhà nước các khoản nợ, nghĩa vụ nợ dự phòng của chính quyền các cấp. Thực hiện mô hình Kho bạc chuyên quản lý ngân quỹ với chức năng cơ bản là xây dựng các kế hoạch huy động vốn ngắn hạn và trung hạn, tổ chức huy động vốn trên



thị trường, thực hiện quản lý ngân quỹ và luồng tiền, đầu tư ngân quỹ; thực hiện thanh toán, hạch toán, cung cấp thông tin, báo cáo liên quan đến công tác quản lý ngân quỹ trên địa bàn huyện.

Các cơ quan liên quan cần nghiên cứu, xây dựng mô hình Kho bạc Nhà nước thực hiện chức năng tổng kế toán, theo hướng: tổng hợp, xử lý dữ liệu kế toán từ tất cả các đơn vị thực hiện hệ thống kế toán nhà nước; chịu trách nhiệm công bố và cung cấp các số liệu kế toán, tình hình tài chính của địa phương; lưu trữ cơ sở dữ liệu kế toán tập trung.

Hiện đại hóa công tác thanh toán của Kho bạc Nhà nước trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, theo hướng tự động hóa và tăng tốc độ xử lý các giao dịch; bảo đảm dễ dàng kết nối, giao diện với các hệ thống ứng dụng khác; tham gia hệ thống thanh toán điện tử song phương, thanh toán điện tử liên ngân hàng, thanh toán bù trừ điện tử với các ngân hàng; ứng dụng có hiệu quả công nghệ, phương tiện và hình thức thanh toán không dùng tiền mặt tiên tiến của quốc tế. Đến năm 2020, về cơ bản Kho bạc Nhà nước không thực hiện giao dịch bằng tiền mặt.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác kiểm tra, kiểm soát trên cơ sở đổi mới nội dung, phương pháp và quy trình kiểm tra, kiểm soát phù hợp với sự phát triển của công nghệ thông tin và hiện đại hóa hoạt động Kho bạc Nhà nước; xây dựng hệ thống chỉ tiêu giám sát và hệ thống quản lý rủi ro nhằm cảnh báo sớm mọi rủi ro trong hoạt động Kho bạc Nhà nước, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hiện tượng vi phạm chính sách, chế độ của Nhà nước.

Chuyển đổi mô hình kiểm tra, kiểm soát sang mô hình kiểm tra, kiểm toán nội bộ, bảo đảm nâng cao tính độc lập, thống nhất về hoạt động nghiệp vụ của hệ thống kiểm tra, kiểm toán nội bộ, đủ thẩm quyền cần thiết trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các dấu hiệu bất thường trong hoạt động Kho bạc Nhà nước.

Xây dựng kiến trúc tổng thể hệ thống thông tin Kho bạc Nhà nước, trong đó lấy hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc làm xương sống nhằm đáp ứng các yêu cầu cải cách quản lý tài chính - ngân sách; mở rộng các ứng dụng tin học



hiện đại vào hoạt động nghiệp vụ của Kho bạc Nhà nước theo hướng tập trung và tích hợp với hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc.

Phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật tiên tiến, đáp ứng mục tiêu hiện đại hoá công nghệ thông tin của Kho bạc Nhà nước; triển khai hệ thống an toàn bảo mật cho hệ thống thông tin Kho bạc Nhà nước; thiết lập hệ thống dự phòng khắc phục thảm họa.

Kiểm toàn tổ chức bộ máy Kho bạc Nhà nước tinh gọn, hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả và chuyên nghiệp. Tổ chức lại các đơn vị thuộc Kho bạc Nhà nước tại trung ương theo hướng tập trung quản lý, điều hành; nâng cao khả năng nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách; tăng cường tính chuyên môn hóa của một số đơn vị. Chuyển đổi mô hình tổ chức bộ máy Kho bạc Nhà nước, bảo đảm thực hiện đầy đủ 3 chức năng: quản lý quỹ ngân sách nhà nước và các quỹ tài chính nhà nước; quản lý ngân quỹ; tổng kế toán.

Hoàn thiện chính sách và quy trình quản lý cán bộ theo hướng nâng cao tính chuyên nghiệp, trình độ quản lý tiên tiến của đội ngũ cán bộ Kho bạc Nhà nước; chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ nghiên cứu, hoạch định chính sách, chuyên gia đầu ngành có năng lực và trình độ chuyên môn cao; sắp xếp và hợp lý hóa nguồn nhân lực Kho bạc Nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, mô hình tổ chức và cơ chế quản lý mới của Kho bạc Nhà nước; thực hiện quản lý cán bộ theo khối lượng và chất lượng công việc được giao; quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm hành chính và trách nhiệm vật chất của cán bộ trên từng vị trí công tác; sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực của các tổ chức.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến thông tin để các cấp, ngành có liên quan và đội ngũ cán bộ, công chức Kho bạc Nhà nước nhận thức đúng đắn về ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của quá trình cải cách hoạt động Kho bạc Nhà nước để có những biện pháp thiết thực thực hiện thành công Chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2020.

### ***3.2.7. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong bộ máy thu***





Hiện tại trên địa bàn huyện Quảng Ninh, thực trạng cán bộ làm công tác quản lý thu thuế, tài chính, kho bạc, cán bộ kế toán các đơn vị hành chính sự nghiệp từ huyện đến xã, thị trấn, tuy đủ về số lượng nhưng còn yếu về chất lượng. Số lượng cán bộ trẻ có trình độ chuyên môn tuy tăng qua từng năm nhưng vẫn chiếm tỷ lệ còn nhỏ. Chế độ quản lý tài chính ngân sách hiện nay luôn đổi mới và ngày càng được nâng cao; vì vậy cấp nhật kiến thức quản lý mới theo hướng tiếp cận quản lý tiên tiến ngày càng cao, với trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ nhân viên quản lý ngân sách còn hạn chế nên chưa đáp ứng tốt yêu cầu của quản lý ngân sách cấp địa phương, để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của quản lý tài chính ngân sách, các cơ quan thuế, kho bạc huyện cần thực hiện một số giải pháp sau:

Cán bộ ngành tài chính ở các xã, thị trấn còn nhiều yếu kém, để đáp ứng tốt nhiệm vụ quản lý tài chính ngân sách của địa phương đối với những cán bộ còn trẻ, có tinh thần trách nhiệm cần phải đào tạo và đào tạo lại bằng các hình thức đào tạo khác nhau, đối với cán bộ có tuổi cao, năng lực yếu có kế hoạch bố trí phân công công việc khác. Trong đó những cán bộ đã gần đủ tuổi nghỉ hưu mà năng lực yếu thì giải quyết cho nghỉ theo chế độ; đặc biệt cần chú trọng tuyển mới án bộ có trình độ đại học chính quy tốt nghiệp các trường kinh tế tài chính để thay thế dần những lực lượng cán bộ có tuổi và có trình độ năng lực yếu, để đáp ứng ngày càng tốt hơn việc quản lý ngân sách địa phương.

Thường xuyên nâng cao phẩm chất cho cán bộ quản lý thu ngân sách trên địa bàn huyện nhằm củng cố quan điểm lập trường, ý thức giai cấp để đội ngũ này làm công tác thu ngân sách tránh được tiêu cực hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao. Góp phần làm lành mạnh hoá lĩnh vực tài chính trên địa bàn huyện, cần rà soát lại số lượng, chất lượng cán bộ tài chính trên địa bàn huyện và các xã, thị trấn cũng như các đơn vị đang hoạt động kinh doanh trên địa bàn để có biện pháp bồi dưỡng nâng cao trình độ. Đặc biệt đối với cán bộ thuộc phòng Tài chính kế hoạch phải có chiến lược đào tạo để phù hợp với yêu cầu hiện nay và sắp đến trong lĩnh vực này. Phải xây dựng quy hoạch đào tạo cán bộ thu ngân sách trên địa bàn khắc phục tình trạng hổng hụt về cán bộ và trình độ thiếu tính liên ngành nhằm đảm bảo cho hiệu

quả thu ngân sách. Cán bộ quản lý thu ngân sách không chỉ hiểu sâu sắc nghiệp vụ quản lý thu ngân sách mà còn hiểu về nghiệp vụ và kỹ thuật tổ chức thực hiện.

Nâng cao chất lượng quản lý của cán bộ tài chính để quản lý điều hành các khoản thu có hiệu quả là một yêu cầu và nội dung lớn. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý tài chính nói chung và quản lý thu ngân sách nói riêng giảm bớt đầu mối, nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy quản lý thu, đặc biệt là trong lĩnh vực thu thuế. Cải tiến lề lối làm việc, nâng cao trách nhiệm của mỗi cán bộ ở các cơ quan thuế. Huyện cần ban hành những quy định về nhiệm vụ, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ thu NSNN; đồng thời có chính sách đãi ngộ hợp lý đối với cán bộ này.

Xây dựng chiến lược quy hoạch cán bộ quản lý thu ngân sách bằng cách đào tạo và đào tạo lại gắn với tiêu chuẩn hóa trình độ chuyên môn và yêu cầu công tác. Bên cạnh đào tạo chuyên môn nghiệp vụ còn phải chú ý đào tạo kiến thức về quản lý nhà nước, về kinh tế thị trường, ngoại ngữ, tin học... Gắn việc đào tạo bồi dưỡng với quá trình sử dụng phù hợp với sở trường của cán bộ tài chính. Quan tâm chế độ tiền lương và thu nhập của đội ngũ cán bộ này làm cho họ yên tâm không tìm cách xoay sở bóp méo chính sách của Đảng và Nhà nước thực hiện trên địa bàn của huyện. Hàng năm phải đánh giá trách nhiệm nhiệm vụ của cán bộ thu ngân sách và xử lý nghiêm minh các trường hợp cố ý làm sai trong quản lý thu NSNN.

### ***3.2.8. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, khen thưởng và xử lý kịp thời vi phạm trong quản lý NSNN***

#### ***3.2.8.1. Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc lập dự toán thu NSNN***

Các cơ quan có liên quan trên địa bàn huyện Quảng Ninh cần hoàn thiện mối quan hệ phối hợp và phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của mỗi cơ quan tham gia vào quá trình kiểm tra NS từ khâu lập, chấp hành và quyết toán NSNN, tức là kiểm tra trước, kiểm tra trong thực hiện và kiểm tra sau.

Cải tiến kiểm tra, thanh tra việc lập dự toán thu NSNN do cơ quan Tài chính đảm nhận về đảm bảo các yêu cầu, căn cứ và trình tự xây dựng dự toán theo luật định. Trong đó, đặc biệt quan tâm 2 khâu trọng yếu: Khâu hướng dẫn và số thông



báo kiểm tra về dự toán ngân sách phải thật cụ thể và khâu xét duyệt dự toán phải thực sự chặt chẽ, khách quan giải quyết căn cơ các vấn đề chưa được đồng thuận giữa các cơ quan tham gia lập dự toán NSNN.

#### *3.2.8.2. Cải tiến kiểm tra, thanh tra quá trình chấp hành NSNN*

Cơ quan Tài chính, Kho bạc Nhà nước thường xuyên kiểm tra, đối chiếu theo tiến trình chấp hành NSNN về chế độ, tiêu chuẩn, định mức hiện hành, tính hợp pháp, hợp lệ các chi tiêu, ... đặc biệt là hiệu quả trong nguồn thu NSNN trên địa bàn.

Cơ quan Tài chính, Thuế phối hợp với KBNN cùng cấp rà soát, đối chiếu tất cả các khoản thu NSNN từ ngày 01 tháng 01 đến hết 31 tháng 12 hằng năm bảo đảm các khoản thu NSNN được hạch toán đầy đủ, chính xác, đúng mục lục NSNN. Đồng thời, tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ các khoản thu của đơn vị dự toán.

Việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán quy định của pháp luật NSNN phải đảm bảo tính trung thực và đúng pháp luật; xử lý nghiêm minh những sai phạm, tiêu cực trong quản lý thu NSNN và khen thưởng kịp thời việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả kinh phí NSNN, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

#### *3.2.8.3. Áp dụng các hình thức kiểm tra linh hoạt và hiệu quả*

Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ, quy chế tự kiểm tra nhằm đảm bảo mở rộng đối tượng tham gia, thanh tra, kiểm tra toàn diện các lĩnh vực đối với các đơn vị thụ hưởng NSNN trên địa bàn huyện.

Do phần lớn các sai phạm về tài chính là do quản chúng phát hiện hoặc từ nội bộ các đơn vị mà có, nên cần thu thập nguồn thông tin từ quản chúng để phát hiện và tiến hành kiểm tra, thanh tra. Bên cạnh đó có hai cơ quan chức năng chuyên môn thanh tra, kiểm tra thường xuyên là cơ quan Tài chính và cơ quan Kho bạc Nhà nước. Vì vậy trong kiểm tra thường xuyên các cơ quan chức năng có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra khác chỉ nên phối hợp thanh tra, kiểm tra theo chuyên môn cần thiết cho quá trình quản lý. Việc khen thưởng cho các đơn vị trực tiếp thụ hưởng NSNN, sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả cao, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ,



góp phần hạn chế sai phạm cần được tiến hành kịp thời. Đồng thời, xử lý vi phạm nghiêm minh, minh bạch cũng góp phần hạn chế các sai phạm ở đơn vị thụ hưởng NSNN.

#### *3.2.8.4. Khen thưởng và xử lý kịp thời vi phạm trong quản lý NSNN*

Nhằm đảm bảo tính trung thực, lành mạnh và hiệu quả trong công tác quản lý thu NSNN của các cấp ngân sách và việc quản lý, sử dụng kinh phí NSNN ở các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức chính trị, xã hội,... thì việc khen thưởng và xử lý kịp thời các hiện tượng vi phạm trong quản lý, điều hành NSNN phải thực hiện nghiêm túc và luôn luôn chú trọng, sẽ động viên tinh thần, trách nhiệm của cán bộ quản lý NSNN, ngăn ngừa sai phạm; nhằm góp phần tích cực cho việc đẩy mạnh ý thức, trách nhiệm và hiệu quả trong quản lý thu NSNN.

#### *3.2.9. Thực hiện nghiêm túc việc công khai tài chính tại các đơn vị, địa phương thuộc huyện*

Công khai tài chính là biện pháp nhằm phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức nhà nước, tập thể người lao động và nhân dân trong việc thực hiện quyền kiểm tra, giám sát quá trình quản lý và sử dụng vốn, tài sản nhà nước; huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật; phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm chế độ quản lý tài chính; đảm bảo sử dụng có hiệu quả NSNN, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Để đẩy mạnh việc công khai tài chính tại các đơn vị, địa phương thuộc quận, theo tác giả cần thực hiện một số giải pháp sau:

Xác định đúng nội dung, phạm vi số liệu cần công khai theo quy định. Lựa chọn hình thức công khai phù hợp với từng địa phương, đơn vị để nhân dân, cán bộ, công chức có thể nắm rõ nội dung công khai và giám sát được các nội dung này. Ngoài các hình thức công khai như lâu nay, đối với ngân sách huyện có thể công khai trên trang thông tin điện tử của ủy ban nhân dân huyện. Đối với các phường cần đặc biệt chú ý đến việc công khai các khoản huy động nhân dân đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, đây là một nội dung trong thực tế thường hay bỏ sót gây nhiều thắc mắc trong nhân dân.

### **3.2.10. Một số giải pháp khác**

#### **3.2.10.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Huyện ủy và sự điều hành của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh đối với quản lý thu ngân sách nhà nước**

Việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và vai trò điều hành của huyện trong quản lý thu ngân sách trên địa bàn là vấn đề cực kỳ quan trọng. Huyện ủy cần đề ra đường lối phát triển KT -XH phù hợp với điều kiện thực tế làm cơ sở cho chính quyền cấp huyện triển khai thực hiện. Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và đơn vị có trách nhiệm quản lý ngân sách, đảm bảo đúng định mức của Nhà nước và giáo dục đảng viên quần chúng thực hiện các khoản thu ngân sách theo đúng chế độ. Huyện ủy phải thường xuyên kiểm tra, chỉ đạo thực hiện các khoản thu ngân sách theo đúng chính sách pháp luật của Nhà nước nhằm góp phần nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn huyện. Đối với UBND huyện Quảng Ninh cần phải đưa nội dung quản lý thu ngân sách vào chương trình công tác thường kỳ hàng tháng, quý để kiểm tra đánh giá cụ thể. Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền trên địa bàn huyện thông qua các biện pháp:

Đảng bộ phải lãnh đạo các cấp ủy Đảng và kết hợp với Nhà nước quản lý thu ngân sách ở các cấp.

Đảng phải có trách nhiệm trong việc quán triệt luật NSNN ban hành đường lối tuyên truyền và thông qua Nghị quyết của Đảng đối với cán bộ đảng viên, nhân dân trên địa bàn để hiểu và thực hiện có hiệu quả.

Phải có sự chỉ đạo toàn diện của huyện về vấn đề thu ngân sách phù hợp địa bàn của huyện.

#### **3.2.10.2. Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa cơ quan tài chính, thuế, kho bạc Nhà nước và các cơ quan liên quan trong công tác quản lý thu ngân sách**

Các cơ quan này có trách nhiệm phối kết hợp, cung cấp đầy đủ tin tức, thông tin lẫn nhau về tình hình thu ngân sách, quản lý, kiểm soát tình hình thu ngân sách cũng như báo cáo quyết toán thu ngân sách hàng năm cho HĐND và UBND cùng cấp và cho cơ quan Nhà nước cấp trên để lãnh đạo, điều hành các khoản thu ngân





sách Nhà nước trên địa bàn huyện một cách kịp thời có hi ệu quả. Tăng cường công tác kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các cơ quan trong nội bộ huyện.



## PHẦN 3: KẾT LUẬN & KIẾN NGHỊ

### 1. KẾT LUẬN

Hoàn thiện công tác quản lý thu ngân sách luôn luôn là một nhiệm vụ trọng tâm trong công tác đổi mới nền quản lý tài chính ở nước ta nói chung và ở huyện Quảng Ninh nói riêng; và việc quản lý thu ngân sách một cách có hiệu quả là một vấn đề hết sức cần thiết. Đây là một hoạt động quản lý có liên quan đến mọi cấp, mọi ngành, mọi lĩnh vực, do vậy cần phải được quan tâm đúng mức bởi nó có ý nghĩa trên nhiều mặt, tác động, chi phối, quyết định trong phát triển KTXH ở trên địa bàn huyện và luôn gắn với trách nhiệm quản lý, lãnh đạo của Đảng bộ và UBND huyện cho đến các xã, thị trấn và các cơ quan chức năng. Qua quá trình phân tích, luận giải, luận văn đã làm rõ những nét nổi bật sau:

- Trong công tác quản lý NSNN những năm qua, huyện Quảng Ninh đã đạt được những kết quả khả quan, thu ngân sách hàng năm đều cao hơn năm trước, tốc độ tăng thu cao và đều qua các năm.

- Công tác quản lý thu ngân sách chặt chẽ và hiệu quả hơn; mọi khoản thu được phân bổ và phản ánh qua Kho bạc nhà nước; UBND huyện điều hành, quản lý ngân sách theo dự toán và theo các quy định, tiêu chuẩn, định mức, từ đó giúp hạn chế và ngăn ngừa những biểu hiện tiêu cực.

- Lập dự toán đã thực hiện đúng theo các yêu cầu các quy định của nhà nước. Trong công lập dự toán, phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị, các địa phương trực thuộc đã có đánh giá thực trạng kinh tế, các nguồn thu cho ngân sách theo từng địa bàn, từng nội dung thu.

- Trên cơ sở kết quả đạt được, xu hướng biến động của từng khoản thu ngân sách, xác định nguồn thu hiện nay đang chiếm tỷ trọng lớn trong thu cân đối ngân sách huyện là thu cấp quyền sử dụng đất. Thu thuế từ khu vực NQD là nguồn thu tiềm năng có thể phát triển để tăng thu và ổn định nguồn thu ngân sách nhưng hiện nay thu ở lĩnh vực này còn hạn chế, số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh nhiều nhưng nhỏ lẻ, chưa khai thác hết nguồn thu đặc biệt là thu ở lĩnh vực thương mại, xây dựng..., còn thất thu, tỷ trọng trong thu cân đối còn thấp. Các khoản thu phí, lệ



phí, lệ phí trước bạ... là những khoản thu đóng góp khá quan trọng trong thu cân đối nhưng cũng cần có biện pháp để quản lý và khai thác tốt hơn.

- Tình hình thu ngân sách nhà nước huyện Quảng Ninh biến động theo chiều hướng tích cực qua các năm. Tổng thu ngân sách trên địa bàn huyện nhìn chung tăng. Kết quả thực hiện luôn hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao.

Để thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác quản lý thu ngân sách có hiệu quả đòi hỏi phải thực hiện tổng hợp các giải pháp ở tầm vĩ mô và vi mô. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của UBND huyện, các cấp, các ngành chức năng, các tổ chức chính trị xã hội từ huyện cho đến xã, thị trấn cần phải quan tâm đúng mức công tác này, coi công tác này là trách nhiệm, là nhiệm vụ trọng tâm của mình chứ không riêng gì các cơ quan thuộc ngành tài chính.

## **2. KIẾN NGHỊ**

### ***2.1. Với Chính phủ và Bộ Tài chính***

Cần tiếp tục cải tiến hệ thống chính sách thuế, xây dựng hệ thống chính sách thuế đồng bộ; cần đổi mới quy trình NSNN nói chung và quy trình ngân sách địa phương nói riêng theo hướng tách bạch, rõ ràng, cần nghiên cứu quy trình tính, giao dự toán thu, chi ngân sách một cách khoa học và sát với tình hình thực tế của từng địa phương. Cụ thể, dự toán thu mới chỉ căn cứ vào dự báo tăng trưởng kinh tế chung của cả nước mà chưa có bước tính toán cụ thể số lượng doanh nghiệp, quy mô, cơ cấu, loại hình doanh nghiệp trong từng địa phương để có số giao dự toán thu ngân sách sát với thực tiễn.

### ***2.2. Với tỉnh Quảng Bình***

- Khi phân bổ, giao dự toán cho thành phố, huyện, phường, xã, Ủy ban nhân dân tỉnh cần giao đồng thời kế hoạch thu, chi và kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản. Vì khi giao không đồng thời sẽ khó khăn khi tổng hợp chung cả ngân sách và phản ánh đánh giá sẽ không chính xác.

- Ủy ban nhân dân tỉnh có quy định rõ ràng, cụ thể nội dung thu, mức thu của các trường công lập, trường công lập tự chủ một phần tài chính tránh tình trạng như



hiện nay việc thu nộp và sử dụng nguồn thu trong các trường học công lập, trường công lập tự chủ một phần tài chính núp với danh nghĩa “Quỹ vì sự nghiệp giáo dục” hoặc trường và phụ huynh tự thỏa thuận, khó cho công tác quản lý, gây bức xúc cho nhân dân.

- Để thực hiện lành mạnh tình trạng tài chính cấp huyện, xã hiện nay và đủ sức để thực hiện chức năng vai trò là công cụ để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh cần có cơ chế thống nhất. Ủy ban nhân dân tỉnh có Nghị quyết chuyên đề về huy động vốn, xã hội hóa một số lĩnh vực và chống lãng phí, tham nhũng.

- Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu và trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh kịp thời định mức chi thường xuyên cho lĩnh vực hành chính, sự nghiệp do ảnh hưởng của yếu tố giá để sát với thực tế.

- Ủy ban nhân dân tỉnh cần xây dựng tiêu chí phân cấp ngân sách với quan điểm là tăng cường phân cấp mạnh nguồn thu và nhiệm vụ chi cho các địa phương, vì NSNN thực chất là nhằm đảm bảo phục vụ lợi ích nhân dân, chính quyền cơ sở là cơ quan nhà nước gần dân nhất, nơi đó sát với thực tế nên giải quyết sẽ tốt hơn, tạo nên gắn bó giữa nhà nước và nhân dân giảm đi số huyện phải nhận trợ cấp từ ngân sách tỉnh. Từ việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi đó mới phát huy tính chủ động, sáng tạo của chính quyền cơ sở.

### **2.3. Với huyện Quảng Ninh**

- Cần nâng cao hơn nữa chức năng giám sát công tác ngân sách, đặc biệt phải chú trọng đến công tác kiểm tra, giám sát thu ngân sách.

- Quan tâm chỉ đạo, điều hành công tác thuế trên địa bàn, cần xác định rõ vai trò, trách nhiệm của chính quyền trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý và thu thuế trên địa bàn.

- Tăng cường chỉ đạo giữ vững an ninh trật tự và an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định để thu hút đầu tư. Thực hiện tốt việc quản lý quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, có như vậy doanh nghiệp mới yên tâm đầu tư.





- Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên thực hành tiết kiệm chống lãng phí, phát huy hơn nữa ý thức trách nhiệm đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân trong quản lý và thu ngân sách.



## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2003), Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện, NXB Tài chính, Hà Nội.
2. Dương Đăng Chinh (2005), *Lý thuyết tài chính*, NXB Tài chính, Hà Nội.
3. Dương Đăng Chinh và Phạm Văn Khoan (2009), *Giáo trình quản lý tài chính công*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
4. Hồ Quốc Khánh (2012), *Hoàn thiện quản lý chi ngân sách địa phương tại một số tỉnh ven biển miền Trung*, Luận văn thạc sỹ QTKD, Đại học Đà Nẵng.
5. Hồ Xuân Phương và Lê Văn Ái (2004), *Quản lý tài chính nhà nước*, NXB Tài chính, Hà Nội.
6. KBNN Quảng Ninh, báo cáo quy ết toán thu ngân sách huyện Quảng Ninh năm 2014; 2015; 2016
7. Lê Thanh Hà (2015), *Hoàn thiện công tác quản lý thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Ba Vì*, Luận văn thạc sỹ kinh doanh và quản lý, Đại học Thăng Long
8. Luật quản lý thu ế. 2007. NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
9. Nguyễn Ngọc Hùng (2006), *Quản lý ngân sách Nhà nước*, NXB Tài chính, Hà Nội.
10. Quốc hội nước CHXHCNVN (2002), *Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002*.
11. Quốc hội nước CHXHCNVN (2003), *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11*.
12. Quốc Hội CHXHCNVN (2015). “Luật số: 83/2015/QH13: Luật Ngân sách” Do Quốc hội ban hành ngày 25 tháng 06 năm 2015.
13. Sử Đình Thành và Bùi Thị Mai Hoài (2009), *Lý thuyết tài chính công*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

14. Tạ Xuân Quan (2011), *Hoàn thiện công tác quản lý ngân sách tỉnh Quảng Nam*, Luận văn thạc sỹ Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

15. Trần Đình Ty (2003), *Quản lý tài chính công*, NXB lao động, Hà Nội.

16. Vũ Như Thăng, Lê Thị Mai Liên, “*Bàn về phân cấp ngân sách ở Việt Nam*”, *Tạp chí Tài chính*.

**Các trang chủ:**

31. [http:// chinhphu.gov.vn](http://chinhphu.gov.vn)

32. <http:// mof.gov.vn>

33. <http:// dt. ov.vn>

34. <http:// tapchitaichinh.vn>

35. <http:// kinhtehoc.com>

36. <https://quangninh.qu ngbinh.gov.vn>



## PHỤ LỤC

### PHÁC THẢO NỘI DUNG THAM KHẢO Ý KIẾN CHUYÊN GIA

Vị trí hiện tại của người trả lời:

Đơn vị công tác:

1. Ông bà có tham gia vào các công việc liên quan đến công tác quản lý ngân

sách?

2. Công tác quản lý thu ngân sách ở địa bàn Huyện Quảng Ninh được thực hiện như thế nào? (quy trình và cách thức thực hiện, vai trò của từng cán bộ tham gia tương ứng với từng vị trí...)

3. Công tác lập dự toán thu NSNN tại huyện Quảng Ninh thường dựa vào những căn cứ nào, giao dự toán thu NSNN đã đúng quy trình chưa?

4. Lập dự toán thu đã phù hợp với đặc điểm nguồn thu, tình hình thực tế tại địa phương hay chưa? Nguồn thu nào chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu dự toán thu?

5. Tình hình thực hiện thu NSNN trong 3 năm 2014, 2015, 2016 như thế nào? Hiện tượng thất thu có xảy ra hay không?

6. Công tác thực hiện so với dự toán ra làm sao? Tỷ trọng nguồn thu có đảm bảo so với dự toán đề ra?

7. Công tác thanh tra, kiểm tra về thu NSNN trên địa bàn thực hiện nghiêm túc, liên tục, đúng quy trình không?

8. Theo ông bà, công tác quản lý thu NSNN đã đạt được những kết quả gì, còn tồn tại những hạn chế nào, nguyên nhân gây ra những hạn chế đó?

9. Địa phương đã có định hướng như thế nào trong việc xác định và nuôi dưỡng nguồn thu?

10. Ông/bà có những đề xuất gì nhằm hoàn thiện hơn công tác quản lý thu NSNN trên địa bàn huyện Quảng Ninh trong thời gian tới?

